

**HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP:**

**TS. Đặng Công Huân**

Phó Tổng Thanh tra Chính phủ

Chủ tịch Hội đồng Biên tập

**Bùi Ngọc Lam**

Phó Tổng Thanh tra Chính phủ

**PHÓ TỔNG BIÊN TẬP PHỤ TRÁCH:**

Ths. Nguyễn Thị Hoa

**PHÓ TỔNG BIÊN TẬP:**

Ths. Đỗ Mạnh Hùng

Trần Đắc Xuyên

**TOÀ SOẠN:**

ĐC: 220 Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội

Tạp chí điện tử: ThanhtraVietNam.vn

Đường dây nóng: 091.863.5289

**Phòng Trị sự:**

ĐT: 080.49063 / Fax: 080.49065

E-mail: phongtrisu.TCTT@gmail.com

Kế toán, tài vụ - ĐT: 080.49069

**Phòng Phóng viên & Biên tập:**

ĐT: 080.49073

E-mail: tapchithanhtrabtt@gmail.com

**Phòng Truyền thông và Phát hành:**

ĐT: 080.49082 / 080.49070

Email: phongtruyenthongtctt@gmail.com

**Văn phòng Đại diện khu vực phía Nam:**

ĐC: Số 35 Hồ Học Lãm, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

ĐT: 080.83224 / Fax: 080.84622

Email: tapchithanhtra496@gmail.com

**GIẤY PHÉP XUẤT BẢN SỐ:**

407/GP-BTTTT, ngày 8/8/2016

**BÌA 1: Ban Chấp hành Trung ương**

Đăng khóa XIII ra mắt Đại hội

**ẢNH BÌA 1: Lan Anh**

**THIẾT KẾ: Nguyễn Tạo**

**IN TẠI: Công ty TNHH In và Quảng**

cáo Tân Thành Phát

**NỘP LƯU CHIẾU: Tháng 02/2021**

Ấn phẩm được phát hành qua ngành Bưu điện. Độc giả đặt mua tại các Bưu điện trong cả nước

Giá: 30.000 đồng

**CHÍNH LUẬN**



**3 TS. Lê Trung Kiên:** Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về đổi mới là sự nghiệp của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân



**6 Thu Hằng:** Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc và lớp huấn luyện chính trị trước khi về nước

**NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI**



**9 TS. Trần Đức Lượng:** Giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động thanh tra

**MỤC LỤC**

**13 TS. Đinh Văn Minh:** Một số nội dung dự kiến sửa đổi cơ bản của Luật Thanh tra

**16 PV:** Chủ động khắc phục khó khăn, vướng mắc để hoàn thành tốt nhiệm vụ



**19 Ths. Ngô Mạnh Hùng:** Một số vấn đề đặt ra trong việc triển khai thực hiện Nghị định số 130/2020/NĐ-CP

**23 Nguyễn Ngọc Ánh:** Giải pháp nâng cao trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, tổ chức trong công tác tiếp công dân



**26 Ths. Lê Quang Kiệt:** Hoàn thiện pháp luật về tội phạm tham nhũng ở Việt Nam hiện nay

**29 Hàn Anh Tuấn:** Công an nhân dân - Lực lượng tiên phong, đi đầu trong công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng



**32** Lan Anh: Phối hợp để giám sát và nâng cao hiệu quả việc giải quyết khiếu nại, tố cáo ở cơ sở



**35** Ths. Phan Thị Lam Hồng: Quản lý lao động nước ngoài ở nước ta hiện nay và một số vấn đề đặt ra

#### □ VĂN HÓA - XÃ HỘI



**39** Truyện ngắn của Ngô Nữ Thùy Linh: Con trâu điên

**43** Ngô Đức Hành: Tự ru mình giữa bộn bề đa đoan

#### □ TÌM HIỂU & GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT



**46** ThS. Đào Minh Tuấn: Một số nội dung cơ bản của Nghị định số 04/2021/NĐ-CP liên quan đến thẩm quyền lập biên bản và xử phạt vi phạm hành chính của thanh tra trong lĩnh vực giáo dục

**48** Đỗ Quyên: Văn bản mới ban hành

#### □ KINH NGHIỆM NƯỚC NGOÀI



**50** TS. Nguyễn Anh Hùng: Sự lạm dụng quyền lực trung ương tại các quốc gia Mỹ Latinh hiện nay



## Quan triệt tư tưởng Hồ Chí Minh

# về đổi mới là sự nghiệp của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân

 TS. Lê Trung Kiên

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

**T**ư tưởng Hồ Chí Minh về đổi mới là hệ thống các quan điểm mang tính định hướng, cách mạng, tiên phong nhằm áp dụng những hình thức mới, mô hình mới vào điều kiện một nước Việt Nam lạc hậu, kém phát triển với mục tiêu xây dựng đất nước trở thành một quốc gia độc lập, tự cường, tiên tiến, phát triển sánh vai với các cường quốc năm châu. Hiện nay, đất nước ta đang tiếp tục đổi mới toàn diện để phát triển, với những thời cơ, thuận lợi đi kèm với thách thức, khó khăn, đòi hỏi phải nghiên cứu toàn diện, hệ thống và vận dụng sáng tạo những tư tưởng đổi mới của Hồ Chí Minh, qua đó có phương hướng, biện pháp thiết thực, hiệu quả vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

Theo Hồ Chí Minh, đổi mới chính là sự thay thế cái cũ bằng cái mới phát triển, tiến bộ, từ nhận thức mới để đổi mới đường lối, chính sách, phương thức hoạt động và lực lượng tổ chức thực hiện. Như vậy, Hồ Chí Minh



Ảnh minh họa. Nguồn: Internet

bàn về nhận thức và xử lý mối quan hệ giữa cũ và mới, mà đổi mới là quá trình lâu dài và mang tính toàn diện trên mọi lĩnh vực, đòi hỏi trách nhiệm chính trị rất cao của Đảng và dân tộc.

### 1. Nhận thức sâu sắc về Nhân dân vừa là mục tiêu, vừa là động lực của công cuộc đổi mới

Thấm nhuần sâu sắc lý luận Mác - Lênin về vai trò của con người, trong tư tưởng chỉ đạo và thực tiễn hành động, Hồ Chí Minh luôn đề cao vai trò làm chủ của Nhân dân, luôn luôn tin vào khả năng, sức mạnh và quyền lực của dân, còn dân thì còn nước, được lòng dân là được tất cả. Người khẳng định: “Chủ nghĩa xã hội là do Đảng lãnh đạo và do Nhân dân xây dựng lấy”<sup>(1)</sup>. Chủ nghĩa xã hội là công trình tập thể của Nhân dân, do Nhân dân tự xây dựng lấy dưới sự lãnh đạo của Đảng, phải đem tài dân, sức dân, của dân để làm lợi cho dân.



Trong toàn bộ cuộc đời hoạt động cách mạng, Hồ Chí Minh đã thể hiện sự nhất quán vì mục tiêu con người được giải phóng triệt để, ấm no, hạnh phúc, sáng tạo và phát triển hoàn thiện bản thân. Cho nên, Người chủ trương phải xây dựng Nhà nước kiểu mới, Nhà nước đảm bảo *dân là chủ và dân làm chủ*; “bao nhiêu lợi ích đều vì dân, bao nhiêu quyền hạn đều của dân”. Mỗi cán bộ, đảng viên phải thể hiện trách nhiệm vừa là “công bộc”, vừa là “người đầy tớ” thật trung thành của Nhân dân, chứ không phải “đè đầu cưỡi cổ” dân như thực dân, đế quốc. Người yêu cầu mọi chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đều hướng đến Nhân dân, chăm lo lợi ích của dân, “việc gì có lợi cho dân ta phải hết sức làm, việc gì có hại cho dân ta phải hết sức tránh”. Mục tiêu trong cách mạng giải phóng dân tộc hay trong thời kỳ đổi mới cũng đều vì dân, “*đem tài dân, sức dân để làm lợi cho dân*”, “*làm cho người nghèo thì đủ ăn, người đủ thì khá giàu và người khá giàu thì giàu thêm*”. Hướng đến con người, tôn trọng từng cá nhân con người, nhưng phải dựa trên nguyên tắc đặt lợi ích của cộng đồng, của dân tộc lên trên hết và trước hết, đi ngược lại với lợi ích chung của xã hội thì sẽ trở thành chủ nghĩa cá nhân, vị kỷ và điều đó tất yếu dẫn đến cản trở, kìm hãm sự phát triển của xã hội. Việc chống lại chủ nghĩa cá nhân là loại bỏ thứ “*giặc nội xâm*” để ra hàng trăm thứ bệnh nguy hiểm như: Đặc quyền, đặc lợi, tham ô, lãng phí, quan liêu, tư túng, chia rẽ, kiêu ngạo, ... nhưng không được “*giày xéo*” lên lợi ích cá nhân. Vì vậy, ngày nay, Đảng và Nhà nước vẫn luôn nỗ lực thực hiện di nguyện của Người là “*phải có kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa, nhằm không ngừng nâng cao đời sống của Nhân dân*”<sup>(2)</sup>.

Theo Hồ Chí Minh, con người là động lực quan trọng, là chủ thể, là lực lượng để thực hiện các mục tiêu cách mạng. “*Công việc đổi mới, xây dựng là trách nhiệm của dân*”<sup>(3)</sup>. Xuất phát từ truyền thống “*trọng dân*” của dân tộc, Người khẳng định: Kinh

nghiệm trong nước và các nước tỏ cho chúng ta biết, có lực lượng dân chúng thì việc to tát mấy, khó khăn mấy cũng làm được. Không có, thì việc gì làm cũng không xong. Dân chúng biết giải quyết nhiều vấn đề một cách giản đơn, mau chóng, đầy đủ, mà những người tài giỏi, những đoàn thể to lớn nghĩ mãi không ra. Các giai tầng trong xã hội với tư cách là con người được lôi kéo, tập hợp, đoàn kết “*ủng hộ*” và “*tin theo*” thì sức mạnh “*dời non, lấp biển*” của con người sẽ luôn được phát huy cao độ trong mọi hoàn cảnh. Hiện nay, Đảng và hệ thống chính trị cần tiếp tục củng cố mối quan hệ bền chặt với Nhân dân, để “*nhân lực, vật lực, tài lực, trí lực*” của dân sẽ luôn có ý nghĩa và động lực quan trọng nhất đảm bảo sự nghiệp đổi mới thành công.

## 2. Phát huy tối đa sức mạnh của toàn dân tộc trong công cuộc đổi mới

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn coi đoàn kết là vấn đề có ý nghĩa chiến lược và quyết định thành công của cách mạng nên Người luôn chăm lo xây dựng, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại. Người nói về đổi mới “*là một cuộc chiến đấu chống lại những gì đã cũ kỹ, hư hỏng, để tạo ra những cái mới mẻ, tốt tươi. Để giành lấy thắng lợi trong cuộc chiến đấu khổng lồ này cần phải động viên toàn dân, tổ chức và giáo dục toàn dân, dựa vào lực lượng vĩ đại của toàn dân*”<sup>(4)</sup>. Đại hội IX của Đảng cũng nhấn mạnh: Động lực chủ yếu để phát triển đất nước là đại đoàn kết toàn dân trên cơ sở liên minh giữa công nhân với nông dân và trí thức, kết hợp hài hòa các lợi ích cá nhân, tập thể và xã hội, phát huy mọi tiềm năng và nguồn lực của các thành phần kinh tế, của toàn xã hội. Nói cụ thể là phải khơi dậy mạnh mẽ mọi nguồn nội lực trong Nhân dân.

Hiện nay, chúng ta đang nói nhiều đến bốn nguy cơ: Tụt hậu, chệch hướng, quan liêu tham nhũng và “*diễn biến hòa bình*”, nhưng còn nói ít về khâu đột phá để tạo sức mạnh vượt nguy cơ. Trong lịch sử dân tộc,

cha ông chúng ta đã biết dựa vào “*lòng dân*” để kiên cường vượt qua và chiến thắng. Nếu cần phải đề phòng một nguy cơ nữa thì xin được nhắc lại lời nhắc nhở ân cần của Hồ Chí Minh là phải lo làm sao để không xa dân, không coi thường dân, phải lo “*sao cho được lòng dân*”, tức là phải thấm nhuần quan điểm chính trị Hồ Chí Minh: Dựa vào dân, lấy dân làm gốc. Vậy, trong thời kỳ đổi mới phải làm thế nào để khơi dậy mạnh mẽ các nguồn nội lực của con người?

Việc đầu tiên là phải “*phát huy mạnh mẽ dân chủ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ của Nhân dân*”<sup>(5)</sup>. “*Nhà nước ta phải phát triển quyền dân chủ và sinh hoạt chính trị của người dân để phát huy tính tích cực về sức sáng tạo của Nhân dân, làm cho mọi công dân Việt Nam thực sự tham gia quản lý công việc của Nhà nước, ra sức xây dựng chủ nghĩa xã hội*”<sup>(6)</sup>. Đất nước càng đổi mới, xã hội càng phát triển thì đòi hỏi dân chủ ngày càng cao, càng bảo đảm tôn trọng và thực hiện quyền con người, quyền và lợi ích của người dân với tư cách người chủ của xã hội. Tuy nhiên, dân chủ phải đi liền với bảo đảm trật tự, kỷ cương, tuân thủ pháp luật. Vì vậy, dân chủ trong điều kiện mới phải thể hiện trong các thể chế, thiết chế của Đảng, Nhà nước và của cả hệ thống chính trị cũng như trong các quan hệ xã hội, trong đó phải đề cao tính công khai, minh bạch, tăng cường đối thoại, lắng nghe ý kiến Nhân dân. Có dân chủ thật sự mới có đoàn kết thật sự, mất dân chủ thì không có đoàn kết. Xây dựng nền dân chủ để từ đó phát huy được sức mạnh đoàn kết toàn dân trong xây dựng và phát triển đất nước chính là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị.

Qua thực tế 35 năm đổi mới, Đảng ta đã chỉ ra rằng, nơi nào thực hiện được dân chủ, phát huy được trí tuệ của đồng bào cán bộ và Nhân dân thì nhất định thành công. Ngược lại, nơi nào để mất dân chủ, gây ra sự bất mãn trong quần chúng thì nơi đó không tránh khỏi khó khăn, dẫn tới



những hậu quả đáng tiếc. Hiện nay, còn một bộ phận cán bộ, đảng viên có chức, có quyền đã trở nên quan liêu, hách dịch, xa rời Nhân dân, chỉ nghĩ đến đặc lợi, đặc quyền, làm hoen ố bản chất tốt đẹp của chế độ xã hội chủ nghĩa, gây nên hàng trăm điểm nóng ở các miền đất nước, làm mất ổn định chính trị, đe dọa đến an nguy của chế độ. Vì vậy, dân chủ hóa triệt để đời sống kinh tế - xã hội, nhanh chóng hoàn thiện cơ chế dân chủ, khắc phục những thiếu sót nghiêm trọng trong quá trình vận hành các thiết chế dân chủ xã hội chủ nghĩa mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhắc nhở là một đòi hỏi cấp bách của cuộc sống để tạo động lực lớn cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Cần phần đầu thực hiện tốt phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân thụ hưởng”, nghĩa là dân chủ hóa phải gắn liền với cụ thể hóa, công khai hóa những chủ trương, chính sách, dự án,... để mỗi cấp, mỗi ngành, mỗi người dân biết được việc của mình, quyền lợi và nghĩa vụ thực hiện. Dân chủ hóa phải đi đôi với cải cách hành chính theo hướng các cơ quan công quyền phải làm tốt công vụ của mình.

Để xây dựng xã hội “dân giàu” thì phải đảm bảo “dân sinh”. Đảng và Nhà nước ta quan tâm xây dựng và tổ chức thực hiện các chính sách an sinh xã hội, phúc lợi xã hội, nhất là thực hiện tốt chỉ tiêu giảm nghèo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, thực hiện có hiệu quả nhiều chính sách để ổn định và từng bước nâng cao đời sống Nhân dân, thu nhập của người dân không ngừng được cải thiện; giảm thiểu sự thiếu đồng bộ, chênh lệch giữa miền núi, vùng sâu, vùng xa với vùng đồng bằng, đô thị còn lớn; giảm nghèo bền vững. Cần có biện pháp để huy động được nguồn vốn từ trong dân, kích thích phát triển kinh tế cá thể và hộ gia đình; có chính sách thu hút mọi nguồn lực đối với đồng bào Việt kiều... Vì vậy, giải quyết tốt vấn đề dân sinh cần được xem là nhiệm vụ quan trọng, cấp bách trong thời kỳ mới.

### 3. Chú trọng chiến lược “trồng người” và phát triển nguồn lực con người để đổi mới thành công

Chiến lược “trồng người” có vai trò quyết định đối với sự phát triển đất nước; việc phát triển nguồn lực con người, tức là phải tạo ra một lực lượng lao động đồng bộ, có trí tuệ, có tay nghề cao, có ý chí, quyết tâm, năng động, sáng tạo, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Nói như nhà khoa học người Mỹ, Alvin Toffler rằng: “Tiền bạc tiêu mãi cũng hết, quyền lực rồi sẽ mất; chỉ có trí tuệ của con người thì khi sử dụng không những không mất đi mà còn lớn lên”. Đại hội lần thứ XII của Đảng khẳng định: “Xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực cho đất nước, cho từng ngành, từng lĩnh vực, với những giải pháp đồng bộ, trong đó tập trung cho giải pháp đào tạo, đào tạo lại nguồn nhân lực trong nhà trường cũng như trong quá trình sản xuất, kinh doanh, chú trọng nâng cao tính chuyên nghiệp và kỹ năng thực hành”<sup>(7)</sup>. Dự thảo Văn kiện Đại hội XIII về đột phá chiến lược nhấn mạnh: “Phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, tập trung vào việc đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục quốc dân”<sup>(8)</sup>. Vì vậy, Đảng và Nhà nước cần có quan điểm chỉ đạo, giải pháp đồng bộ và toàn diện về phát triển giáo dục - đào tạo và phát triển nguồn lực con người trong thời gian tới.

Trước hết, cần hình thành được một đội ngũ cán bộ chiến lược giỏi, có “tâm”, có “tầm” để có tư duy chiến lược cao, nhìn xa, thấy rộng, có khả năng tổng kết những kinh nghiệm và lãnh đạo thực tiễn. Xây dựng đội ngũ trí thức, cán bộ khoa học - công nghệ có trình độ cao (cả về khoa học cơ bản và khoa học ứng dụng), những người tiếp cận và làm chủ được thành tựu khoa học - công nghệ hiện đại của thế giới, từ đó có thể sáng tạo ra những thành tựu mới, tiên tiến, góp phần tác động vào quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đẩy mạnh sản

xuất vật chất và sản xuất tinh thần của xã hội. Việc phát triển nguồn nhân lực cần chú trọng gắn kết 3 khâu: Đào tạo, sử dụng, đãi ngộ. Phải thực hiện xã hội hóa học tập, tạo ra đội ngũ đông đảo những người lao động đã qua đào tạo, có văn hóa lao động công nghiệp, có phẩm chất đạo đức, có tay nghề kỹ thuật cao, có năng lực sử dụng hiệu quả thông tin, thích ứng nhanh với sự phát triển của xã hội thông tin và xã hội quốc tế hóa; có lương tâm nghề nghiệp, có trách nhiệm đối với sản phẩm làm ra, có tinh thần yêu nước và tự hào dân tộc, có ý chí vươn lên không cam chịu lạc hậu, nghèo nàn; có sức khỏe dẻo dai về thể chất và tinh thần để lao động trong điều kiện cạnh tranh dữ dội với các nền kinh tế trong khu vực và trên thế giới.

Hiện nay, nước ta đã có một nguồn lực con người tương đối dồi dào về nhiều lĩnh vực, trải qua các chặng đường cách mạng khác nhau, phần lớn đã được tôi luyện và trưởng thành cả về văn hóa, khoa học, nghiệp vụ và chính trị tư tưởng, trở thành vốn ban đầu rất đáng quý để đất nước bước vào công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Vấn đề là phải tạo ra được một hệ thống cơ chế, chính sách đồng bộ để phát huy được sức mạnh hiện có của nguồn lực đó, đồng thời nhanh chóng khắc phục được những nhược điểm, bất cập, thúc đẩy họ vươn lên đáp ứng đòi hỏi cao của thời kỳ đổi mới./.

#### ***Chú thích:***

(1), (2), (3), (4), (6) Hồ Chí Minh (2011), Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, t. 13, tr. 404; t. 15, tr. 622; t. 6, tr. 232; t. 15, tr. 617; t. 9, tr. 590;

(5), (8) Ban Tuyên giáo Trung ương (2020), Những nội dung cốt lõi trong dự thảo các văn kiện trình Đại hội XIII của Đảng, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, tr. 306; tr. 307;

(7) Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, tr. 116.



# Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc và lớp huấn luyện chính trị trước khi về nước

 Thu Hằng

Ban Quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh



Một lớp huấn luyện của Nguyễn Ái Quốc tại Quảng Châu, Trung Quốc

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh quan niệm cách mạng là sự nghiệp của triệu triệu quần chúng chứ không phải của vài cá nhân anh hùng nên Người đặc biệt chú trọng công tác chăm lo bồi dưỡng nâng cao nhận thức chính trị, xã hội cho cán bộ, đảng viên. Chủ trương này có từ thời kỳ Người ở Liên Xô khi phát hiện nhận thức chính trị, kỹ năng của những

đồng chí hoạt động cách mạng ở các nước thuộc địa còn rất thấp. Trong Thư gửi Ban Phương Đông ngày 16/1/1935, Nguyễn Ái Quốc đã đề cập đến tình trạng thiếu lý luận cách mạng của đại đa số cán bộ đảng viên của các Đảng Cộng sản như Đông Dương, Trung Quốc, Thái Lan, Indônêxia... và những sai lầm, bế tắc của họ do “trình độ lý luận và chính trị rất thấp gây nên”. Đó là lí do, tới đâu Người cũng mở lớp huấn luyện.

Từ những học viên được Người huấn luyện tỏa khắp nơi đã góp phần quan trọng tạo nên bước trưởng thành vượt bậc của phong trào cách mạng về chất lượng hoạt động và phạm vi ảnh hưởng. Đây có thể nói là một trong những điều nổi bật nhất, hiệu quả nhất, có tác dụng sâu rộng nhất trong phương pháp cách mạng mà lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng tạo và kiên trì theo đuổi.



Đầu tháng 10/1940, Nguyễn Ái Quốc đến Quê Lâm (Trung Quốc). Người được bố trí ở một ngôi nhà nhỏ vách đất, lợp lá thuộc ngoại thành. Trong cuộc họp triệu tập tại một bãi cỏ ở vùng ngoại ô, Nguyễn Ái Quốc nhận định tình hình chung trên thế giới và Đông Dương càng có lợi cho ta, không nên ở Quê Lâm lâu, phải tìm cách về nước ngay để hoạt động. Được tin hơn 40 thanh niên các dân tộc ở Cao Bằng vì bị đế quốc Pháp khủng bố mạnh, phải vượt biên chạy sang Quảng Tây, Nguyễn Ái Quốc nhìn thấy một cơ hội tốt để tổ chức đường liên lạc về nước. Bác nói: “Chúng ta sẽ tổ chức một lớp huấn luyện cho các anh em, sau đó đưa anh em trở về củng cố và mở rộng phong trào Cao Bằng và tổ chức đường liên lạc về nước”. Người cử Võ Nguyên Giáp, Cao Hồng Lĩnh, Vũ Anh đến Tĩnh Tây (thuộc tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc) để tìm cách liên lạc với nhóm thanh niên yêu nước này. Khoảng ngày 6/1/1941, Nguyễn Ái Quốc cùng với Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp, Phùng Chí Kiên và Đặng Văn Cáp được Hoàng Sâm đưa đi dọc theo đường Long Lâm qua Nậm Bo xuống Nậm Quang, một làng ở sát biên giới Việt - Trung. Nhân dân ở đây nghèo khổ, nhà lụp xụp, thưa thớt nhưng là cơ sở cũ của Hồng quân Trung Hoa nên tình độ giác ngộ cách mạng cao, rất có tình cảm với cách mạng. Tại đây, Nguyễn Ái Quốc tổ chức lớp học và trực tiếp huấn luyện chính trị cho nhóm thanh niên Cao Bằng để đào tạo họ thành những hạt giống đỏ gây dựng phong trào trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc. Đại tướng Võ Nguyên Giáp viết trong hồi ký: “Đầu tháng 12, Bác và anh Phùng Chí Kiên về một làng cách Tĩnh Tây năm chục cây số. Bác cho người đến gọi anh Đồng và tôi về để mở lớp huấn luyện. Chúng tôi lên đường về nơi Bác hẹn gặp. Từ đó còn phải đi bộ khá xa mới đến địa điểm đã chọn để mở lớp huấn luyện. Đường đi toàn đồi núi. Bác đi bộ rất nhanh, tất cả chúng tôi không ai theo kịp.

Dọc đường thỉnh thoảng Bác lại dừng lại đứng chờ”.<sup>(1)</sup>

Chương trình huấn luyện gồm ba phần chính nhằm chuẩn bị thành lập mặt trận dân tộc rộng rãi ở trong nước. Cộng sự tổ chức lớp huấn luyện của Nguyễn Ái Quốc có Phùng Chí Kiên, Vũ Anh, Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp... Trước tiên, Bác hướng dẫn làm chương trình huấn luyện, phân công mỗi người làm từng mục: Tuyên truyền, tổ chức, huấn luyện, đấu tranh. Khi mỗi người phác xong, tất cả họp lại thông qua đề cương rồi mới viết. Viết xong lại họp lại, đọc chung và sửa. Cách làm việc của Bác kiên nhẫn và chu đáo. Nội dung chính trị phải đúng đắn, lời lẽ phải rõ ràng, ngắn gọn, dễ hiểu, hợp với ý nghĩ quần chúng. Bác rất chú trọng đến việc thực hiện sau này. Mục nào, cuối cùng có những câu hỏi: Học xong về địa phương thì làm gì, làm như thế nào? Lần đầu tiên làm việc với Bác, ai cũng đã nhận thấy cách làm việc của Bác cụ thể, chu đáo, đến nơi đến chốn.

Lớp tổ chức ở ngoài trời, ai biết chữ thì ghi chép, ai mù chữ thì ngồi nghe, người hiểu nhanh nhắc lại cho người hiểu chậm. Hết phần nghe giảng đến phần thực tập, một nhóm đóng vai cán bộ, một nhóm đóng vai Nhân dân. Nhóm đóng vai Nhân dân nghe điều gì chưa rõ thì nêu ra, đề nghị giải thích thêm. Lớp học sôi nổi, dân chủ và vui vẻ. Buổi học đầu tiên, học viên đã thì thầm: “Đúng là cụ Nguyễn Ái Quốc rồi” và nhận ra các đồng chí trong ban lãnh đạo lớp rất kính trọng ông cụ mặc quần áo Nùng giản dị đó. Các ý kiến của ông cụ đưa ra đều được các đồng chí ấy nghiêm chỉnh chấp hành. Đồng chí Bằng Giang kể lại: “Tôi không bao giờ quên được hình ảnh Bác trong buổi gặp đầu tiên ấy. Đó là hình ảnh một ông cụ người Nùng, mặc bộ quần áo chàm giản dị, có vầng trán cao, đôi mắt sáng, nói tiếng Kinh với cách phát âm giống hệt người Tày - Nùng chúng tôi, nên nghe

rất dễ hiểu. Cách giảng bài của Bác cũng rất dễ nhớ, dễ thuộc. Bác giảng về chương trình Việt Minh: Toàn dân đoàn kết, đánh Pháp, đuổi Nhật. Khoảng tháng 5/1941, chương trình Việt Minh mới được đưa vào Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp ở Pác Bó, nhưng tại lớp huấn luyện này, chúng tôi đã được học trước để đem về thực hiện thí điểm ở địa phương<sup>(2)</sup>”. Khi giảng về đoàn kết, Bác lấy ví dụ bó đũa: Nếu tách từng chiếc ra thì bẻ dễ gãy, trái lại, nếu để cả bó thì không tài nào bẻ được. Đó là sức mạnh của khối đoàn kết toàn dân. Đối với những vấn đề lý luận trừu tượng, Bác giảng giải bằng những hình ảnh cụ thể. Ngoài đoàn kết là vấn đề Bác nhấn mạnh, công tác bí mật cũng hay được Bác nhắc đến. Bác dạy: Hoạt động trong vòng vây bí mật của đế quốc, đầy rẫy mật thám, chỉ điểm, cán bộ phải tuyệt đối giữ bí mật; lại phải vận động Nhân dân cũng biết giữ bí mật thì bí mật mới giữ được hoàn toàn; Nhân dân phải thực hiện “ba không”: Không biết, không nghe, không thấy, cán bộ lúc đến cũng như lúc đi không được để lại dấu vết gì. Bác thường nhắc phải tuyệt đối trung thành với cách mạng, với chủ nghĩa cộng sản; khó khăn không từ, gian nan không nản, bảo đảm giữ vững khí tiết cách mạng, dám xả thân vì sự nghiệp giải phóng dân tộc.

Lớp học diễn ra vào cuối mùa đông. Tiết trời vùng biên giới rất rét nhưng sáng nào Bác cũng dậy sớm tập thể dục. Bác yêu thương chăm sóc anh em học viên. Thường thường, Bác thức khuya đọc tài liệu xem sách báo. Trước khi đi ngủ Bác thăm lại giường nằm. Thấy anh nào đập tung chăn ra ngoài màn, Bác giắt lại cẩn thận. Bữa ăn kham khổ chỉ có vài bát cháo ngô loãng với muối và rau. Trong bữa cơm, anh em ăn món gì, Bác ăn món đấy, không có gì khác biệt, có thức ăn gì dành riêng, Bác lại đem chia cho anh em. Tác giả T. Lan kể: “Chúng



tôi cảm thấy ông cụ rất hiền lành và đối với chúng tôi rất bình đẳng”<sup>(3)</sup>. Những ngày ở nơi núi rừng âm u ấy, có Bác ở gần, Bác trở thành người cha, người anh, tình cảm của Bác thấm sâu dần dần mà vững chắc, trở thành mật thiết, thành một với tâm hồn mỗi người lúc nào không hay.

Không chỉ học chính trị, Bác còn quan tâm rèn luyện đạo đức và tác phong công tác. Học viên ở phân tán trong nhà dân, ngay từ những ngày đầu, Bác căn dặn kỹ lưỡng về năm điều nên làm và năm điều nên tránh đối với dân, tìm hiểu và tôn trọng phong tục tập quán địa phương: “Ở nhà người ta phải quét dọn sạch sẽ, ang nước phải đầy, bếp củi phải đủ”. Mỗi ngày, cứ sáng dậy, Bác cùng anh em quét dọn trong nhà ngoài sân xong mới vào lớp. Vào kỳ giáp Tết, Nhân dân lo chuẩn bị củi. Bác chỉ thị cho cả lớp học giúp dân. Dân làng chặt củi, anh em vác củi về nhà. Đường chuyển củi phải vượt mấy khe núi, buổi sớm sương ướt đường trơn, thế mà sáng nào Bác cũng đi vác củi với anh em. Do thực hiện tốt và đầy đủ các điều Bác dạy, lớp học được Nhân dân tin yêu ngay từ buổi đầu. Dân trong làng không hiểu dạy gì, học gì nhưng đều khen thanh niên Việt Nam đoàn kết, chăm học, siêng năng. Bà con, nhất là người cho mượn nhà rất mến vì vò nước bao giờ cũng đầy, đồng củi bao giờ cũng cao, nhà cửa bao giờ cũng sạch, trong nhà có việc gì các đồng chí cũng tham gia làm giúp. Các em nhi đồng được dạy hát múa, không còn nghịch ngợm, đánh nhau như trước nữa. Bác bảo: “Chúng ta đã góp phần làm cho cái làng tịch mịch trong một thung lũng âm u vui hẳn. Đó là một cách dân vận thiết thực đấy”<sup>(4)</sup>.

Ngày 26/1/1941 (29 Tết), lễ tốt nghiệp lớp huấn luyện được tổ chức giữa khu rừng vắng vẻ. Đại tướng Võ Nguyên Giáp kể: “Sau những ngày học tập, mọi người phấn khởi, náo nức hẳn lên. Anh em chúng tôi

đứng vây quanh Bác, biết rõ ông cụ mảnh khảnh mặc bộ quần áo Nùng giản dị này là người gắn liền với vận mệnh của dân tộc Việt Nam. Lá cờ đỏ sao vàng năm cánh phấp phới bay trong gió lạnh như một ngọn lửa thiêng sưởi ấm tâm hồn chúng tôi, khi còn là những người dân mất nước, phải sống xa quê hương. Chúng tôi ngoảnh mặt cả về phía Nam, hoan hô tinh thần khởi nghĩa Nam Kỳ, thế sẽ thắng tiến không lùi trên con đường cách mạng chông gai, một ngày kia sẽ đem lá cờ thiêng liêng này về nêu cao tinh thần giữa Thủ đô”<sup>(5)</sup>.

Sau lớp huấn luyện ngắn ngày tổ chức tại gần biên giới ấy, các học viên đã trở về ngay trong nước, nắm lại các cơ sở quần chúng, tìm cách phục hồi phong trào. Anh em lên đường, Bác vui vẻ nói: “Thế là 43 con đại bàng đã bay đi, sắp tới sẽ báo tin lành về. Ta phải chuẩn bị đón tiếp tin lành ấy”. Theo lời dặn của Bác: Muốn cách mạng thành công, phải có lực lượng lớn mạnh. Muốn có lực lượng lớn mạnh, phải đoàn kết. Tây, Nhật và bọn đế quốc âm mưu chia rẽ dân tộc, chống phá cách mạng. Mình phải biết đoàn kết thật rộng rãi, xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc. Các chú phải tuyên truyền, giác ngộ Nhân dân làm cho từng người giác ngộ, phát động lòng yêu nước, căm thù giặc<sup>(6)</sup>. Chỉ vài tuần các đồng chí đã xây dựng được một số cơ sở và về Pác Bó báo cáo xin kế hoạch mới. “43 cán bộ Cao Bằng đã qua lớp huấn luyện Việt Minh đầu tiên được Bác rất quý. Cán bộ hoạt động ở cơ sở về chỗ Bác thường đi đến gần sáng mới tới nơi. Bác cho ngủ một mạch tới bữa ăn cơm. Các buổi trưa Bác không ngủ, Bác nghe báo cáo và dặn dò chỉ bảo cho từng người”<sup>(7)</sup>. Từ lớp huấn luyện này, nhiều học viên đã trở thành những cán bộ quan trọng của đất nước. Nói về kỷ niệm với lớp học, đồng chí Vũ Anh kể trong hồi ký: “Đây là lần đầu tiên làm việc với Bác ở một lớp huấn luyện nhưng chúng tôi học tập

được rất nhiều. Sau này, mỗi lần nhận được một công tác nào của Đảng giao cho, tôi lại nhớ đến cách làm việc của Bác ở lớp huấn luyện đầu tiên ấy mà cố làm cho có kết quả... Không chỉ anh em thanh niên thấy mình trưởng thành, thấy rõ được con đường của mình đi và những việc cụ thể mình phải làm, mà ngay cả chúng tôi cũng được trưởng thành nhiều”<sup>(8)</sup>.

Nậm Quang - mảnh đất rất gần biên giới với Việt Nam, nơi lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã mở lớp huấn luyện chính trị cũng là nơi bước đệm cuối cùng trước khi Người trở về Tổ quốc sau 30 năm bôn ba góc biển chân trời gian lao, khổ ải, nung nấu ý chí phục hưng dân tộc. Kết thúc lớp huấn luyện gần một tháng, ngày 28/1/1941, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc lên đường về nước. Sau bao năm xa nước, hoạt động từ Đông sang Tây, Bác đã trở về góc rừng hoang vắng của Tổ quốc với bộ quần áo chàm giản dị, tự nhiên trong vai một ông già người Nùng. Từ khi Bác về nước lãnh đạo cách mạng, đất nước có bàn tay người chèo lái trực tiếp, bao chiến công nối tiếp nở hoa kết trái đã đưa Tổ quốc từng bước đi đến thắng lợi hoàn toàn, để đến hôm nay đất nước vẫn được dẫn dắt bằng tư tưởng, bằng sức mạnh tinh thần vĩ đại mà Người thấp lửa, trao truyền.

**Chú thích:**

- (1); (5) Đại tướng Võ Nguyên Giáp, *Tổng tập hồi ký*, Nxb Quân đội nhân dân, tr25, tr26
- (2); (6) Bác Hồ ở Việt Bắc, Nxb Việt Bắc 1975, tr22. tr15
- (3) T. Lan, *Bác ăn Tết với chúng tôi*, báo Nhân dân số 2523, ngày 14/2/1961
- (4) T. Lan, *Vừa đi đường vừa kể chuyện*, Nxb Chính trị quốc gia, tr75
- (7) Đỗ Hoàng Linh, *Hành trình 79 mùa xuân (1890-1969)*, Nxb Hồng Bàng, tr124
- (8) Đỗ Hoàng Linh (biên soạn), *Nxb Chính trị quốc gia*, tr237.





**N**hìn lại cả quá trình xây dựng và phát triển, ngành Thanh tra đã có những chuyển biến quan trọng cả về tổ chức

và hoạt động; đã xây dựng và từng bước hoàn thiện thể chế về công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng. Hoạt động thanh tra cũng đã kịp thời chấn chỉnh những sai lệch trong quá trình tổ chức thực hiện các quyết định quản lý, các cơ chế, chính sách, pháp luật; phát hiện, xử lý và kiến nghị xử lý kịp thời nhiều cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm pháp luật; kết luận và kiến nghị xử lý nhiều vụ việc khiếu nại, tố cáo phức tạp, minh oan cho nhiều người, góp phần quan trọng vào việc tăng cường kỷ cương, kỷ luật trong quản lý Nhà nước, ổn định tình hình chính trị, kinh tế, xã hội, thúc đẩy quá trình đổi mới, phát triển của đất nước.

Tuy nhiên, thời gian qua, hoạt động thanh tra có nhiều khó khăn, thách thức, còn tình trạng chông chéo, trùng lặp, vừa bỏ trống những nơi, những chỗ cần được tiến hành thanh tra dẫn đến sai phạm không được phát hiện, xử lý kịp thời; tổ chức và lực lượng thanh tra khá đồng, dàn trải nhưng chưa mạnh; chất lượng, hiệu quả, hiệu lực thanh tra chưa cao; thời gian tiến hành và ban hành kết luận thanh tra thường kéo dài so với quy định; nhiều báo cáo, kết luận, quyết định thanh tra chưa bảo đảm tính chính xác, khách quan, nhiều kiến nghị không mang tính khả thi. Để góp phần khắc phục những khó khăn, thách thức đó cần phải sớm đưa ra các giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động thanh tra.

**1/ Quan niệm về hiệu quả hoạt động thanh tra**

Hiểu một cách chung nhất, hiệu quả là hiệu số của việc so sánh, đánh giá giữa nguồn lực, điều kiện phải bỏ ra, phải đáp

# GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG, HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG THANH TRA

**TS. Trần Đức Lượng**

*Nguyên Phó Tổng Thanh tra Chính phủ*



*Phó Tổng Thanh tra Chính phủ Trần Đức Lượng trong buổi công bố quyết định thanh tra VCCI, tháng 7/2013*

ứng với kết quả do chính nguồn lực, điều kiện đó mang lại. Nội hàm của cụm từ “hiệu quả hoạt động thanh tra” có nhiều cách hiểu khác nhau. Nhưng nếu tổng hợp các nguồn lực (kinh phí, phương tiện, thời gian, nhân lực, chi phí quản lý ...) chi cho hoạt động thanh tra thấp mà vẫn đáp ứng được yêu cầu, mục đích thanh tra thì có thể hiểu hoạt động thanh tra đó là có hiệu quả. Ngược lại, mục đích, yêu cầu thanh tra đó vẫn đạt được nhưng phải đầu tư với nguồn lực lớn hơn thì hoạt động thanh tra đó sẽ có hiệu quả chưa hoặc không cao. Như vậy, hiểu một cách giản đơn nhất là muốn nâng cao hiệu quả hoạt động thanh tra phải nghĩ đến việc tạo dựng môi trường chính trị, pháp lý, xã hội để giảm thiểu và sử dụng các nguồn lực đầu tư cho hoạt động thanh tra một cách tối ưu nhất. Hiệu quả hoạt động thanh tra cao hay thấp sẽ do chất lượng các cuộc thanh tra quyết định.

Về phương diện triết học, chất lượng là cái tạo nên phẩm chất, giá trị của một sự vật, sự việc; còn số lượng là con số biểu thị nhiều hay ít. Từ phương diện này dễ nhận thấy sự khác nhau căn bản giữa hai cụm từ “chất lượng” và “số lượng”. Con số hàng vạn



cuộc thanh tra, kiểm tra được tiến hành trong một năm hoàn toàn chưa phản ánh được giá trị, vai trò, ý nghĩa, hiệu lực, hiệu quả của hoạt động thanh tra nói chung, của các cuộc thanh tra nói riêng. Có nghĩa là chỉ thống kê số lượng cuộc thanh tra được tiến hành trong kỳ báo cáo sẽ không có ý nghĩa gì. Báo cáo công tác thanh tra chỉ thu hút được người đọc, người nghe khi có những nội dung viết về sai phạm, khuyết điểm, khiếm khuyết, sai lệch giữa thực tiễn với yêu cầu của quản lý được phát hiện qua thanh tra và kết quả xử lý, kiến nghị xử lý những sai phạm, khuyết điểm, sai lệch đó. Những nội dung này chưa phản ánh toàn diện “phẩm chất”, “giá trị” của hoạt động thanh tra, nhưng phần nào đã mô tả kết quả thanh tra bằng những con số “biết nói”, chỉ ra những quyết định, quy định, cơ chế, chính sách nào không còn phù hợp với yêu cầu thực tiễn; phát hiện những sai phạm tính ra được bằng tiền, bằng mét vuông đất, đã và kiến nghị thu hồi được bao nhiêu tiền, bao nhiêu mét vuông đất; xử lý vi phạm hành chính bao nhiêu vụ việc, trường hợp; kiến nghị cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền xem xét, xử lý trách nhiệm hành chính, trách nhiệm chính trị đối với tập thể, đơn vị, cá nhân có sai phạm, khuyết điểm; kiến nghị chuyển cơ quan điều tra xem xét, xử lý trách nhiệm hình sự bao nhiêu vụ việc, bao nhiêu người v.v. Những con số trên được tổng hợp từ các cuộc thanh tra cụ thể. Những con số đó phần nào khắc họa “phẩm chất”, “giá trị” cuộc thanh tra hay nói một cách trực diện, đó là phản ánh chất lượng cuộc thanh tra.

Theo Huấn thị của Chủ tịch Hồ Chí Minh, thì “thường những chỗ có vấn đề các chú (thanh tra) mới đến”. Như vậy, một cuộc thanh tra nào đó không phát hiện được sai phạm, khuyết điểm, thậm chí không chỉ ra được một sai lệch, khiếm khuyết nào, không đưa ra được đề xuất, kiến nghị nào nhằm sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật, quyết

định quản lý thì khó có thể đánh giá đó là cuộc thanh tra có chất lượng. Ngược lại, cuộc thanh tra phát hiện nhiều sai phạm, thu hồi nhiều tiền, tài sản, làm rõ trách nhiệm và xử lý nhiều hành vi sai phạm, khuyết điểm, bao gồm cả trách nhiệm hành chính, kỷ luật, hình sự cũng chưa hẳn là cuộc thanh tra có chất lượng cao, nếu như bỏ qua tính mục đích, tính tuân thủ, yếu tố kịp thời, hiệu quả trong hoạt động thanh tra.

Thanh tra là chức năng thiết yếu của quản lý nói chung, của quản lý Nhà nước nói riêng. Vì thế tính mục đích trong hoạt động thanh tra trước hết và quan trọng nhất đó là phòng ngừa, phát hiện, xử lý hoặc kiến nghị xử lý kịp thời, nghiêm minh các sai phạm, khiếm khuyết với chi phí tổng quát ít nhất có thể. Từ thực tiễn hoạt động thanh tra cho thấy, để đưa ra những nhận xét, đánh giá việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ, quyền hạn của đối tượng thanh tra luôn phải lấy pháp luật làm thước đo, làm tiêu chí để so sánh, đánh giá. Nếu pháp luật chưa quy định thì cần tìm tiền lệ, thông lệ để so sánh, đánh giá. Nếu pháp luật chưa quy định, mà tiền lệ, thông lệ cũng chưa có thì phải xem xét tính không vụ lợi của hành vi, việc làm đó để xem xét, đánh giá. Đó là lý thuyết về đánh giá trong hoạt động thanh tra. Tuy nhiên, việc xử lý, kiến nghị xử lý sai phạm, khiếm khuyết được phát hiện qua hoạt động thanh tra không thuần túy chỉ dựa vào pháp luật, tiền lệ hay thông lệ, mà còn phải tính tới các yếu tố khác như chính trị, xã hội, lợi ích của cộng đồng, của quốc gia, dân tộc.

## **2. Các giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động thanh tra**

### **2.1. Hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật về thanh tra**

Không thể phủ nhận thực tế, trải qua 75 năm hình thành và phát triển, ngành

Thanh tra và hệ thống pháp luật về thanh tra đã có bước phát triển phù hợp với yêu cầu của quản lý Nhà nước trong mỗi giai đoạn bảo vệ, xây dựng và phát triển đất nước. Tuy nhiên, để phù hợp với Hiến pháp 2013, đáp ứng yêu cầu tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, đổi mới, cải cách tổ chức, bộ máy Nhà nước phù hợp với yêu cầu của sự phát triển đất nước trong điều kiện mới thì cơ chế, chính sách, pháp luật về thanh tra rất cần được sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện bảo đảm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động thanh tra và cụ thể là nâng cao chất lượng hoạt động thanh tra. Như đã luận giải, pháp luật về thanh tra hiện hành quy định tổ chức và hoạt động thanh tra mang tính một chiều, nghiêng nặng là thiết chế trong quản lý Nhà nước; tổ chức và hoạt động thanh tra phụ thuộc gần như toàn bộ vào người đứng đầu cơ quan quản lý hành chính Nhà nước cùng cấp; nhấn mạnh vai trò phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành trong quản lý hành chính Nhà nước, bảo vệ quyền khiếu nại, tố cáo của người dân; chưa chú trọng đến vai trò kiểm soát quyền lực Nhà nước và bảo vệ quyền con người theo tinh thần Hiến pháp 2013. Chính vì vậy mà tính chủ động, linh hoạt, tự chịu trách nhiệm của các tổ chức thanh tra chưa được phát huy mạnh mẽ; tính độc lập, chủ động trong việc xây dựng kế hoạch thanh tra hàng năm, trong việc lựa chọn đối tượng, nội dung, phạm vi thanh tra bị hạn chế; tính liên kết nghiệp vụ trong chỉ đạo, điều hành hoạt động thanh tra theo ngành, theo lĩnh vực quản lý Nhà nước không cao; mối liên kết hệ thống để tăng cường sức mạnh, phòng ngừa rủi ro trong hoạt động thanh tra không được phát huy; các nguồn lực (con người, phương tiện, kinh phí...) bảo đảm cho hoạt động thanh tra hoàn toàn phụ thuộc vào cơ quan quản lý Nhà nước cùng cấp; việc xử lý các sai phạm qua thanh tra phát hiện gần như phụ thuộc hoàn toàn vào người đứng đầu cơ quan quản lý hành chính Nhà nước cùng cấp; cơ



chế, chính sách, pháp luật xác định địa vị chính trị và vị trí pháp lý của người đứng đầu cơ quan thanh tra Nhà nước chưa tương xứng với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan và của người đứng đầu cơ quan thanh tra Nhà nước các cấp; nhiều quy định trong pháp luật thanh tra còn mang tính xung đột lợi ích làm giảm hiệu lực, hiệu quả thanh tra nhưng chưa được sửa đổi, khắc phục. Thực trạng này có nguyên nhân từ sự nhận thức về vị trí, vai trò của tổ chức và hoạt động thanh tra. Đa số những người đứng đầu cơ quan Nhà nước thực hiện quyền hành pháp luôn nhấn mạnh vai trò của thanh tra như một công cụ, phương tiện của quản lý hành chính Nhà nước. Chưa thấy hết vai trò của thanh tra còn là một trong những thiết chế quan trọng đánh giá việc thực thi, kiểm soát việc thực hiện quyền lực Nhà nước và bảo vệ quyền con người. Đồng thời thông qua thực hiện chức năng này, thanh tra còn hướng tới đánh giá cả những cơ chế, chính sách, pháp luật, quyết định quản lý hiện hành có cần sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hay không để kiến nghị cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền xem xét, xử lý nhằm không ngừng nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước.

## 2.2. *Đổi mới sự chỉ đạo, điều hành hoạt động thanh tra*

Xã hội càng phát triển, nền kinh tế càng hội nhập thì các quan hệ xã hội càng đa dạng, phức tạp. Cùng với sự phát triển của khoa học, kỹ thuật, công nghệ, sự biến đổi của môi trường tự nhiên, môi trường sinh tồn, con người muốn tồn tại phải biết thích nghi trong môi trường ấy. Quản lý nói chung và quản lý Nhà nước nói riêng cũng cần có sự đổi mới trong bối cảnh khách thể quản lý đã, đang và sẽ thay đổi do chính môi trường tự nhiên và xã hội đòi hỏi. Xu hướng chung của đổi mới quản lý là hướng tới quản lý, quản trị rủi ro, nghĩa là khu vực nào, lĩnh vực quản lý nào, địa bàn nào có

vấn đề, tiềm ẩn rủi ro cao thì chủ thể quản lý phải hướng đến với sự quan tâm cao hơn. Hoạt động thanh tra thường hướng đến chỗ có vấn đề. Vì vậy, việc đổi mới sự chỉ đạo, điều hành hoạt động thanh tra cần bắt đầu từ khâu định hướng hoạt động thanh tra. Nếu như trước đây định hướng hoạt động thanh tra chủ yếu nhằm mục tiêu phục vụ quản lý thì nay theo tinh thần Hiến pháp 2013, hoạt động thanh tra không chỉ phục vụ chủ thể quản lý mà phải hướng tới kiểm soát việc thực thi quyền lực Nhà nước - quyền hành pháp và bảo vệ quyền con người.

Muốn vươn tới mục tiêu này thì việc rà soát những chỗ có vấn đề, rồi lựa chọn đối tượng thanh tra, nội dung và phạm vi thanh tra là điều trọng yếu thứ hai sau định hướng hoạt động thanh tra. Kiểm soát việc thực thi quyền lực Nhà nước và bảo vệ quyền con người sẽ luôn đụng chạm đến người có chức, có quyền, có cả thế và lực trong xã hội. Thanh tra thường hướng đến những chỗ có vấn đề nên phải lường trước mọi sự căm dỗ, thách thức để vượt qua và xử lý hiệu quả sự phản kháng, đối phó công khai hoặc không công khai của đối tượng thanh tra, của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan. Vì thế người đứng đầu cơ quan thanh tra, người ra quyết định thanh tra phải đủ bản lĩnh, kinh nghiệm và năng lực để vượt qua những thách thức này.

Nội dung tiếp theo phải chú ý là việc xử lý tình huống trong hoạt động thanh tra. Tình huống trong hoạt động thanh tra phải xử lý thường là những tình tiết, hành vi, sự kiện không dự liệu trước được và/hoặc vượt quá thẩm quyền của người tiến hành thanh tra, thậm chí của người ra quyết định thanh tra, người đứng đầu cơ quan thanh tra. Tình huống trong hoạt động thanh tra ở đây bao gồm cả tình huống trong quá trình tiến hành thanh tra, tình huống trong chỉ đạo kết thúc thanh tra và xử lý sau thanh tra. Xử lý tình huống trong thanh tra không chỉ

đề cao tính trách nhiệm là đủ mà còn đòi hỏi cả sự dũng cảm vì lợi ích quốc gia, dân tộc, kỹ năng chuyên môn, kỹ năng chỉ đạo, điều hành của người có thẩm quyền. Thực tế chỉ ra rằng để vượt qua những thách thức trong xử lý tình huống, trong chỉ đạo, điều hành hoạt động thanh tra, người đứng đầu cơ quan thanh tra đã phải trả giá bằng cả sinh mệnh chính trị của mình, của gia đình mình.

Nội dung tiếp theo về đổi mới sự chỉ đạo, điều hành hoạt động thanh tra, đó là đổi mới công tác giám sát, kiểm tra hoạt động thanh tra và công tác phản biện, thẩm định kết quả thanh tra. Cần tăng cường vai trò giám sát, kiểm tra của đơn vị chủ trì cuộc thanh tra, của người ra quyết định thanh tra, của đối tượng thanh tra, của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến nội dung thanh tra đối với người tiến hành thanh tra. Cùng với đó là sự giám sát chéo nhau giữa các thành viên trong đoàn thanh tra thông qua hoạt động thẩm định, phản biện nội dung thanh tra của chính các thành viên đoàn thanh tra. Tổ chức, đơn vị có chức năng giám sát, thẩm định tập trung vào khâu phản biện, thẩm định kết quả thanh tra và xử lý sau thanh tra. Cần phải nhận thức việc thẩm định, phản biện kết quả thanh tra và theo dõi, đôn đốc, xử lý sau thanh tra cũng là những phương thức khác nhau của công tác giám sát hoạt động thanh tra.

## 2.3. *Bồi dưỡng, tăng cường năng lực cho những người tiến hành thanh tra*

Đặc điểm, tính chất của hoạt động thanh tra đòi hỏi người tiến hành thanh tra vừa phải có phẩm chất, đạo đức trong sáng, vừa phải có năng lực hoàn thành nhiệm vụ. Điều này đòi hỏi người tiến hành thanh tra, đặc biệt là trưởng đoàn thanh tra phải am hiểu chính sách, pháp luật, hiểu biết về quản lý hành chính Nhà nước, thành thạo kỹ năng xem xét, đánh giá và có kiến thức về chuyên môn, kỹ thuật, nghiệp vụ



liên quan tới nội dung thanh tra. Trưởng đoàn thanh tra còn phải nhuần nhuyễn kỹ năng lãnh đạo, quản lý, có năng lực tổ chức thực hiện nhiệm vụ, kinh nghiệm xử lý tình huống và đủ bản lĩnh vượt qua những thách thức (sức ép từ nhiều phía tác động vào hoạt động của đoàn thanh tra) trong hoạt động thanh tra. Đối tượng thanh tra là cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân đang có vấn đề. Thường là những chỗ có vấn đề mới cần thanh tra, việc chuyển hướng từ quản lý, thanh tra theo phương thức truyền thống sang quản lý hay thanh tra rủi ro thì sức ép là có thật. Vì vậy, khả năng phải ứng biến với sự đối phó, phản kháng từ đối tượng thanh tra và những người có liên quan luôn là nguy cơ hiện hữu.

Người tiến hành thanh tra không phải ai cũng luôn có sẵn những kiến thức, hiểu biết nêu trên, không phải cái gì cũng biết, cũng tinh thông. Có người giỏi về kỹ năng, nghiệp vụ thanh tra nhưng chưa tinh thông về chuyên môn, kỹ thuật, nghiệp vụ liên quan đến nội dung thanh tra và ngược lại. Vì vậy, muốn nâng cao chất lượng thanh tra nói riêng và hiệu lực, hiệu quả hoạt động thanh tra nói chung, thì việc bồi dưỡng, tăng cường năng lực tổng thể bằng nhiều hình thức, phương thức đa dạng, phong phú cho những người tiến hành thanh tra là yêu cầu luôn phải đặt ra. Từ đào tạo chính quy đến bồi dưỡng, tập huấn theo kế hoạch của cơ quan, tổ chức, đơn vị đến việc tự nghiên cứu, học tập, cập nhật, bổ sung kiến thức, nâng cao trình độ, trau dồi kỹ năng, nghiệp vụ của mỗi cá nhân; học thông qua trường lớp, học thông qua công việc. Thực tiễn hoạt động thanh tra cho thấy: Mỗi cuộc thanh tra là một bài tập lớn, hoàn thành bài tập này có ý nghĩa thiết thực hơn nhiều so với các chứng chỉ bồi dưỡng được cấp. Kỹ năng thanh tra là tổng thể các yếu tố giúp cho việc hoàn thành nhiệm vụ thanh tra. Vì vậy, kỹ năng thanh tra đa phần được tích lũy thông qua trải nghiệm thực tế tiến hành

thanh tra. Chính môi trường thanh tra gọi mở cho người tiến hành thanh tra biết mình cần những kiến thức gì và cập nhật, bổ sung những kiến thức ấy như thế nào, bằng cách nào hiệu quả nhất.

#### *2.4. Thái độ hợp tác của đối tượng thanh tra, của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan*

Nhằm bảo đảm hiệu lực, hiệu quả trong hoạt động thanh tra, ngoài việc quy định mục đích, nguyên tắc, những điều không được làm trong hoạt động thanh tra, pháp luật nói chung và pháp luật thanh tra nói riêng có những quy định khá cụ thể, logic, đồng bộ về quyền và nghĩa vụ của các bên trong hoạt động thanh tra. Thường là quyền của chủ thể tiến hành thanh tra sẽ là nghĩa vụ của đối tượng thanh tra, của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan và ngược lại, quyền của đối tượng thanh tra, của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan sẽ là nghĩa vụ của chủ thể tiến hành thanh tra. Tuy nhiên, do nhiều yếu tố không mang tính tích cực chi phối, trong đó có yếu tố nhận thức và ý thức pháp luật mà không phải lúc nào mối quan hệ giữa người tiến hành thanh tra với đối tượng thanh tra, với cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan cũng xuôi chèo, mát lái, thậm chí trong không ít trường hợp, các bên còn cố ý gây khó dễ cho nhau trong quá trình thanh tra. Chủ thể tiến hành thanh tra thì những nhiễu, vôi vãnh, hạch sách, dọa dẫm. Đối tượng thanh tra chậm trễ trong việc cung cấp thông tin, hồ sơ, tài liệu, bố trí người làm việc không đúng thẩm quyền, báo cáo, giải trình vòng vo, gây khó khăn, cản trở hoạt động thanh tra, kiểm tra, xác minh... Những tình huống như vậy cũng làm ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng, hiệu quả hoạt động thanh tra. Vì vậy, có được thái độ hợp tác, xây dựng giữa người tiến hành thanh tra với đối tượng thanh tra, với cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan là một trong những yếu tố quan trọng

góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả thanh tra.

Để có được thái độ hợp tác tích cực, xây dựng giữa các bên trong hoạt động thanh tra, trước hết, đòi hỏi người tiến hành thanh tra phải có quan điểm, thái độ đúng mực, kiên nhẫn lắng nghe, phương pháp làm việc khoa học, không vôi vãnh, không những nhiễu, không vụ lợi, không tạo áp lực vô lý lên đối tượng thanh tra, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan. Việc tiến hành thanh tra phải tuân thủ đầy đủ các nguyên tắc, trình tự, thủ tục được pháp luật quy định; việc sử dụng các quyền hạn phải thỏa mãn các điều kiện mà pháp luật ràng buộc và phải chú ý tính đến hậu quả không mong muốn phát sinh từ việc sử dụng quyền hạn có tính cưỡng chế mạnh trong quá trình thanh tra của trưởng đoàn thanh tra, của người ra quyết định thanh tra. Ngoài ra, các phương pháp tâm lý, tư tưởng, thuyết phục, dân chủ, lắng nghe, tôn trọng quyền giải trình của đối tượng thanh tra trong quá trình tiến hành thanh tra cũng giúp cải thiện rất nhiều thái độ ứng xử giữa các bên trong hoạt động thanh tra.

#### *2.5. Các yếu tố khác bảo đảm nâng cao chất lượng, hiệu quả thanh tra*

Hoạt động thanh tra là một loại hoạt động công vụ và thường được tiến hành ngoài công sở của cơ quan chủ trì tiến hành thanh tra. Để bảo đảm tuân thủ nguyên tắc chính xác, khách quan, trung thực, công khai, dân chủ, kịp thời, ngoài việc thu thập, nghiên cứu, đối chiếu, so sánh hồ sơ, tài liệu, thông tin, vật chứng, hoạt động thanh tra còn phải tiến hành kiểm tra, xác minh tại chỗ việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ, quyền hạn của đối tượng thanh tra. Thanh tra là phải đến tận nơi, phải mắt thấy, tai nghe để đưa ra những đánh giá, nhận xét bảo đảm tính chính xác, khách quan. Nếu vẫn chưa đủ sự tin cậy thì người ra quyết định thanh tra còn có thể/cần phải thông qua trưng cầu giám



định để bảo đảm kết luận thanh tra đáp ứng đầy đủ các yêu cầu được pháp luật quy định. Ngoài các yếu tố được luận giải ở trên, chất lượng, hiệu quả hoạt động thanh tra còn bị chi phối bởi các yếu tố khác như kinh phí, phương tiện, thời gian, các trang thiết bị, văn phòng phẩm, nhu yếu phẩm cần thiết khác phục vụ cho sinh hoạt và làm việc của các thành viên đoàn thanh tra trong giai đoạn trực tiếp tiến hành thanh tra, kiểm tra, xác minh vụ việc. Đối với vụ việc thanh tra đặc biệt phức tạp, nhạy cảm được tiến hành hoặc phải kiểm tra, xác minh ở vùng sâu, vùng xa, hải đảo, địa bàn có nguy cơ rủi ro cao còn phải có phương án bảo đảm an ninh, an toàn hồ sơ, tài liệu, phương tiện, tài sản, nhân sự cho đoàn thanh tra. Những vụ việc thanh tra đặc biệt phức tạp, nhạy cảm, phải kiểm tra, xác minh ở phạm vi rộng, ở vùng đi lại khó khăn thường phát sinh kinh phí, kéo dài thời gian, bổ sung thêm lực lượng, phương tiện, trang thiết bị, văn phòng phẩm, nhu yếu phẩm so với dự liệu ban đầu. Vì vậy, cơ quan chủ trì thanh tra, người ra quyết định thanh tra, trưởng đoàn thanh tra phải có các phương án dự phòng, đáp ứng kịp thời yêu cầu khách quan, chính đáng của hoạt động thanh tra nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả thanh tra./.

# Một số nội dung dự kiến sửa đổi cơ bản của Luật Thanh tra

 **TS. Đinh Văn Minh**

*Vụ trưởng Vụ Pháp chế*



**T**hực hiện Chương trình xây dựng luật và pháp lệnh của Quốc hội, Thanh tra Chính phủ xây dựng Dự thảo Luật Thanh tra sửa đổi (sau đây gọi tắt là Dự thảo Luật) để trình Chính phủ vào tháng 5 năm 2021.

Dự thảo Luật được xây dựng theo hướng sắp xếp, tổ chức lại các cơ quan thanh tra cho phù hợp với yêu cầu quản lý của từng lĩnh vực, bảo

đảm thu gọn đầu mối các cơ quan thanh tra nhưng vẫn bảo đảm hoạt động quản lý Nhà nước trong tất cả các lĩnh vực đều được thanh tra, kiểm tra một cách có hiệu quả. Các hoạt động thanh tra sẽ được tăng cường theo hướng chuyên nghiệp, vừa bảo đảm tính chủ động và tự chịu trách nhiệm của các cơ quan thanh tra, vừa bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo của thủ trưởng các cơ quan quản lý Nhà nước. Dự thảo Luật cũng cố



gắng phân định thẩm quyền và xử lý chồng chéo, trùng lặp giữa các cơ quan thanh tra, giữa hoạt động thanh tra và hoạt động kiểm toán và hoạt động thanh tra với hoạt động kiểm tra thường xuyên của cơ quan quản lý. Có thể khái quát một số nội dung lớn trong Dự thảo Luật như sau:

### Về các cơ quan thanh tra theo cấp hành chính

Thanh tra Chính phủ là cơ quan quản lý Nhà nước cao nhất của Chính phủ về các lĩnh vực thanh tra và thực hiện quyền thanh tra trong các lĩnh vực công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng. Ngoài những nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định trước đây, Dự thảo Luật nhấn mạnh quyền hạn và trách nhiệm của Thanh tra Chính phủ trong kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn theo tinh thần của Luật Phòng, chống tham nhũng 2018 và trong công tác tiếp công dân.

Ngoài các cục, vụ phụ trách các lĩnh vực công tác thanh tra, dự kiến sẽ thành lập Ủy ban Thanh tra trong cơ cấu tổ chức của Thanh tra Chính phủ để giúp Tổng Thanh tra Chính phủ xem xét, quyết định các vấn đề về chính sách, pháp luật thanh tra, định hướng công tác thanh tra. Ủy ban Thanh tra của Thanh tra Chính phủ thảo luận các dự thảo kết luận thanh tra đối với các vụ việc phức tạp, có ảnh hưởng đến an ninh quốc phòng, có yếu tố nước ngoài hoặc có ảnh hưởng lớn đến an ninh trật tự và những vụ việc có sai phạm lớn hoặc liên quan đến trách nhiệm của các cán bộ, công chức thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý. Những vụ việc này cũng sẽ được xin ý kiến của lãnh đạo Chính phủ trước khi ban hành kết luận chính thức. Ủy ban Thanh tra của Thanh tra Chính phủ là một cơ chế hoạt động tập thể, không phải là một tổ chức hay đơn vị trực thuộc Thanh tra Chính phủ, nhằm bảo đảm nguyên tắc tập thể và sự cân nhắc toàn diện trong các vấn đề/nội dung đặc biệt quan trọng.

Đối với cơ quan thanh tra cấp tỉnh, tổ chức, sắp xếp lại các cơ quan thanh tra sở, thanh tra huyện và thanh tra tỉnh theo hướng thu gọn đầu mối. Thanh tra tỉnh thực hiện thanh tra hành chính trong phạm vi toàn tỉnh và thực hiện thanh tra chuyên ngành đối với những lĩnh vực không tổ chức thanh tra sở. Trên cơ sở sắp xếp lại biên chế thanh tra các huyện thuộc tỉnh, sẽ thành lập các phòng thanh tra thuộc thanh tra tỉnh để phụ trách công tác thanh tra theo địa bàn các huyện.

Không thành lập thanh tra huyện trực thuộc chủ tịch ủy ban nhân dân huyện theo tinh thần chung về tinh giản bộ máy hành chính đã được thể hiện trong Chiến lược Phát triển ngành Thanh tra đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Chức năng quản lý Nhà nước về công tác thanh tra và tiến hành thanh tra thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của ủy ban nhân dân huyện sẽ do thanh tra tỉnh thực hiện. Nhiệm vụ giải quyết khiếu nại, tố cáo theo thẩm quyền sẽ giao cho ban tiếp công dân huyện thực hiện.

Về tổ chức ban tiếp công dân, Luật Tiếp công dân hiện nay quy định Ban Tiếp công dân Trung ương thuộc Thanh tra Chính phủ, ban tiếp công dân ở cấp tỉnh, cấp huyện thuộc văn phòng ủy ban nhân dân cùng cấp, do một phó chánh văn phòng làm trưởng ban. Việc tổ chức như vậy làm cho công tác tiếp dân có phần tách rời với công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo. Để khắc phục tình trạng này, Luật Thanh tra sửa đổi dự kiến sẽ đưa ban tiếp công dân của tỉnh thuộc cơ cấu của thanh tra tỉnh do một phó chánh thanh tra tỉnh làm trưởng ban. Ở cấp huyện, sẽ lập ban tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo để tham mưu giúp chủ tịch ủy ban nhân dân huyện giải quyết khiếu nại, tố cáo trên địa bàn huyện. Các công chức thanh tra huyện một phần sẽ sắp xếp, chuyển biên chế về thanh tra tỉnh và một phần chuyển sang ban tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo của huyện.

Việc tổ chức, sắp xếp lại thanh tra huyện cũng như thanh tra sở là phù hợp với tinh thần và quy định mới đây về các cơ quan chuyên môn ở địa phương tại Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

### Về cơ quan thanh tra theo ngành

Tổ chức, sắp xếp lại các cơ quan thanh tra của các bộ theo hướng thanh tra bộ thực hiện thanh tra hành chính trong phạm vi quản lý của bộ trưởng và thực hiện thanh tra chuyên ngành đối với những lĩnh vực quản lý không tổ chức thanh tra chuyên ngành ở các tổng cục, cục thuộc bộ.

Thành lập cơ quan thanh tra ở một số tổng cục, cục thuộc bộ để thực hiện thanh tra chuyên ngành trong phạm vi quản lý của tổng cục trưởng, cục trưởng. Việc tổ chức các cơ quan thanh tra này là cần thiết do những bất cập trong việc giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành theo tinh thần của Luật Thanh tra và Nghị định số 07/2012/NĐ-CP về cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành và hoạt động thanh tra chuyên ngành.

Chỉ thành lập thanh tra sở là cơ quan thanh tra chuyên ngành ở một số lĩnh vực ảnh hưởng nhiều đến cuộc sống của người dân và doanh nghiệp (Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Xây dựng, Giao thông - Vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế, Giáo dục, Lao động - Thương binh và Xã hội). Những lĩnh vực quản lý Nhà nước không thành lập thanh tra sở thì chức năng thanh tra do thanh tra tỉnh thực hiện. Nhiệm vụ tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng sẽ do giám đốc sở giao cho đơn vị khác thuộc sở đảm nhận.



Nhiều hoạt động được quy định là thanh tra chuyên ngành hiện nay (thanh tra thường xuyên) thực chất là hoạt động kiểm tra sẽ không nằm trong hệ thống các cơ quan thanh tra, không hoạt động theo quy định của Luật Thanh tra. Các hoạt động này thực hiện theo các quy định về kiểm tra chuyên ngành với mục đích để giữ gìn trật tự, kỷ cương công cộng mà không cần thiết phải giao chức năng thanh tra chuyên ngành cho các cơ quan này như hiện nay và cũng sẽ đổi tên cho phù hợp, như: Đội quản lý trật tự xây dựng, đội quản lý an toàn giao thông, ban vệ sinh an toàn thực phẩm... Điều này là phù hợp với thực tế yêu cầu quản lý cũng như tách bạch giữa hoạt động thanh tra và kiểm tra mà hiện nay đang có sự lẫn lộn và gây ra sự phản ứng khi cho rằng có quá nhiều cơ quan tiến hành thanh tra, làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

**Đề cao trách nhiệm quản lý Nhà nước và trách nhiệm, thẩm quyền về thanh tra, kiểm tra của bộ trưởng, chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh**

Quy định trách nhiệm của bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ, chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo hoạt động thanh tra, cho ý kiến chỉ đạo đối với các dự thảo kết luận thanh tra, xử lý kịp thời kiến nghị thanh tra và trực tiếp chỉ đạo thực hiện kết luận thanh tra.

Căn cứ vào các quy định của pháp luật chuyên ngành, thủ trưởng các cơ quan quản lý Nhà nước có trách nhiệm tổ chức hoạt động kiểm tra thường xuyên để xử lý kịp thời hành vi vi phạm pháp luật của tổ chức, cá nhân, bảo đảm trật tự, hiệu quả của công tác quản lý trong lĩnh vực và địa bàn thuộc trách nhiệm của mình.

Bộ trưởng, chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức phối hợp



Ảnh: Trần Chính

hoạt động thanh tra của các cơ quan thanh tra với hoạt động kiểm tra thường xuyên của cơ quan quản lý trong phạm vi quản lý của bộ, ngành và địa phương mình quản lý, bảo đảm không trùng lặp, chồng chéo, gây phiền hà cho cơ quan, tổ chức, cá nhân; bảo đảm các hoạt động thanh tra cơ bản chỉ thực hiện theo kế hoạch, các hoạt động kiểm tra được thực hiện thường xuyên, liên tục.

**Chống chồng chéo, trùng lặp trong hoạt động thanh tra, giữa thanh tra và kiểm toán**

Trong Dự thảo Luật đã xác định cụ thể các nguyên tắc để tránh chồng chéo, trùng lặp trong hoạt động thanh tra và giữa hoạt động thanh tra với hoạt động kiểm toán khi xây dựng kế hoạch và trong quá trình triển khai thực hiện.

Về chồng chéo, trùng lặp trong hoạt động thanh tra, quy định bộ, tỉnh chỉ có một kế hoạch thanh tra do bộ trưởng, chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh ban hành. Kế hoạch thanh tra của bộ, của tỉnh được xây dựng trên cơ sở định hướng chương trình thanh tra và hướng dẫn của Thanh tra Chính phủ. Trong quá trình thực hiện, nếu

có sự chồng chéo, trùng lặp thì cơ quan thanh tra cấp trên sẽ thực hiện nội dung thanh tra đó.

Về chồng chéo, trùng lặp giữa hoạt động thanh tra và hoạt động kiểm toán, quy định cụ thể về trách nhiệm của Thanh tra Chính phủ và Kiểm toán Nhà nước phải có đánh giá, tổng kết kết quả công tác thanh tra, kiểm toán để có căn cứ xây dựng kế hoạch cho năm tiếp theo. Việc xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm toán hằng năm phải có sự trao đổi, thống nhất giữa Tổng Thanh tra Chính phủ và Tổng Kiểm toán Nhà nước, thực hiện nguyên tắc một nội dung hoạt động của tổ chức, cá nhân chỉ có thể là đối tượng của một cơ quan thanh tra hoặc kiểm toán. Khi tiến hành thanh tra, kiểm toán, nếu phát hiện có sự chồng chéo, trùng lặp thì thủ trưởng cơ quan thanh tra và trưởng kiểm toán khu vực, chuyên ngành phải trao đổi, thống nhất để có giải pháp xử lý và bảo đảm tính kế thừa trong hoạt động giữa hai cơ quan, đơn vị.

Dự kiến Dự thảo Luật sau khi hoàn thiện sẽ được lấy ý kiến rộng rãi để tiếp tục hoàn thiện, sau đó làm các thủ tục cần thiết để trình Chính phủ vào tháng 5 năm 2021 theo kế hoạch./.



# Chủ động khắc phục khó khăn, vướng mắc để hoàn thành tốt nhiệm vụ<sup>(\*)</sup>

(Đồng chí Trần Văn Mây, Cục trưởng Cục III trả lời phỏng vấn Tạp chí Thanh tra)

**C**ục Thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo (KNTC) khu vực 3 (Cục III) là đơn vị thuộc Thanh tra Chính phủ, có trụ sở đóng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. Cục III có chức năng giúp Tổng Thanh tra Chính phủ thực hiện quản lý Nhà nước về công tác thanh tra, giải quyết KNTC đối với các địa phương thuộc khu vực 3, gồm 20 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (từ tỉnh Bình Thuận đến Cà Mau). Nhân dịp đầu năm mới, phóng viên Tạp chí Thanh tra đã có cuộc trao đổi với đồng chí Trần Văn Mây, Cục trưởng Cục III.

**PV:** Là một trong những đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua của Thanh tra Chính phủ năm 2020, xin đồng chí cho biết một số kết quả nổi bật trên các mặt công tác của Cục III trong 5 năm vừa qua (2016-2020), đặc biệt là năm 2020?

**Đồng chí Trần Văn Mây:** Là đơn vị giúp Tổng Thanh tra Chính phủ thực hiện quản lý Nhà nước về công tác thanh tra, giải quyết KNTC trên địa bàn vùng kinh tế phát triển năng động nhất cả nước gồm 20 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, cũng là khu vực có tình hình KNTC của công dân tiềm ẩn nguy cơ diễn biến phức tạp ở nhiều địa phương, 5 năm qua (2016-2020), nhờ sự quan tâm chỉ đạo thường xuyên, sâu sát của lãnh đạo Thanh



Đồng chí Trần Văn Mây, Cục trưởng Cục III.

Ảnh: PV

tra Chính phủ, tập thể lãnh đạo và công chức Cục III đã nỗ lực rất lớn để hoàn thành tốt nhiệm vụ, có những đóng góp quan trọng vào thành tích chung của ngành Thanh tra, cũng như góp phần giữ vững ổn định tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội để phát triển kinh tế - xã hội của khu vực.

Trong 5 năm qua (2016 - 2020), Cục III đã triển khai thực hiện theo kế hoạch 16 cuộc thanh tra. Qua thanh tra đã phát hiện, kiến nghị xử lý sau thanh tra với tổng số tiền là 1.828,394 tỷ đồng. Hầu hết các kết luận, kiến nghị đều được Thủ tướng Chính phủ đồng ý và đối tượng thanh tra chấp hành nghiêm túc. Do kết luận đúng,

địa phương chủ động khắc phục khi chưa ban hành kết luận thanh tra nên tỷ lệ thu hồi tài sản thất thoát đạt 98%, rất cao so với các năm trước đó.

Về công tác kiểm tra, xác minh và giải quyết KNTC, Cục III được giao thực hiện 227 vụ việc Thủ tướng Chính phủ giao Thanh tra Chính phủ, đã hoàn tất 213 vụ việc. Hiện còn 14 vụ việc đang tiếp tục triển khai thực hiện. Các kết luận, kiến nghị đều được Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo thực hiện nghiêm túc. Ngoài ra, Cục còn tham mưu trả lời trên 350 vụ việc KNTC do địa phương và các cơ quan Trung ương chuyển đến. Đặc biệt, phối hợp trả lời bằng văn bản 99 yêu cầu của bộ,

(\*) Tiêu đề do Tòa soạn đặt





ngành và địa phương; cử nhiều lượt cán bộ trực tiếp xuống các địa phương: Kiên Giang, Bạc Liêu, Sóc Trăng, Hậu Giang, Trà Vinh, An Giang, Bình Phước, Bình Dương hỗ trợ nghiệp vụ giải quyết dứt điểm các vụ việc khiếu nại đông người, phức tạp, kéo dài ngay từ cơ sở.

Bên cạnh đó, Cục cũng thường xuyên phối hợp chặt chẽ với Trụ sở Tiếp công dân Trung ương tại thành phố Hồ Chí Minh, các địa phương có liên quan của thành phố Hồ Chí Minh để chủ động nắm tình hình, họp và xử lý các đơn thư, các vụ KNTC đông người nhằm đảm bảo tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Đáng chú ý, Cục đã tập trung thực hiện và phối hợp thực hiện cơ bản hoàn tất Kế hoạch số 1130/KH-TTCT, hiện còn 02 vụ việc thuộc tỉnh Bạc Liêu đang tiếp tục giải quyết. Đối với Kế hoạch số 2100/KH-TTCT, hiện còn 18 vụ việc KNTC đang tiếp tục giải quyết dứt điểm. Cục cũng tham mưu cho tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo giải quyết 18/35 vụ việc tại 08 tỉnh, thành phố<sup>(1)</sup> thuộc thẩm quyền; đã tham mưu chuẩn bị báo cáo, tài liệu giúp tổ công tác làm việc, chỉ đạo giải quyết trực tiếp 14 vụ việc tại 04 tỉnh: Đồng Tháp, Tiền Giang, An Giang và Thành phố Hồ Chí Minh<sup>(2)</sup>. Ngoài ra, Cục còn đôn đốc các địa phương giải quyết và báo cáo các vụ việc thuộc thẩm quyền của 20 tỉnh, thành phố khu vực phía Nam, hiện có trên 458 vụ việc KNTC<sup>(3)</sup>, bao gồm: 239 vụ việc đã được chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết khiếu nại lần 2; 214 vụ việc đã được bộ trưởng, Tổng Thanh tra Chính phủ có ý kiến, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo và 05 vụ việc khác, nhưng công dân vẫn tiếp tục KN. Đồng thời, thường xuyên đôn đốc các địa phương giải quyết theo thẩm quyền và báo cáo kết quả để tổng hợp báo cáo Tổng Thanh tra Chính phủ việc thực hiện Kế hoạch số 363/KH-TTCT.

Từ năm 2016 - 2020, Cục III luôn được lãnh đạo Thanh tra Chính phủ đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Năm 2019, Cục III vinh dự được Tổng Thanh tra Chính phủ tặng Bằng khen. Đặc biệt, trong năm 2020, mặc dù tình hình dịch bệnh Covid-19 đã ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao, nhưng tập thể lãnh đạo và công chức của Cục đã không ngừng phấn đấu hoàn thành tốt các cuộc thanh tra, kiểm tra đột xuất do Thủ tướng Chính phủ, Tổng Thanh tra Chính phủ giao. Vì vậy, Cục III cũng là một trong những đơn vị vinh dự được nhận Cờ thi đua năm 2020 của Thanh tra Chính phủ.

**PV:** Theo đồng chí, đâu là những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ thanh tra, giải quyết KNTC của đơn vị?

**Đồng chí Trần Văn Mây:** Trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ, Cục III cũng gặp không ít khó khăn, vướng mắc. Điều này phần nào ảnh hưởng đến kết quả các mặt công tác của đơn vị, trong đó phải kể đến những tồn tại, hạn chế về chính sách, pháp luật. Mặc dù pháp luật thanh tra quy định thời hạn ban hành báo cáo kết quả và báo cáo kết luận thanh tra, tuy nhiên, nhiều cuộc thanh, kiểm tra xây dựng dự thảo báo cáo kết luận thanh, kiểm tra, giải quyết KNTC còn chậm trễ, kéo dài. Tất nhiên, điều này phần lớn do nguyên nhân khách quan vì tính chất phức tạp phải lấy ý kiến của nhiều cơ quan liên quan; hoặc còn có nhiều ý kiến khác nhau, chưa thống nhất, còn tiếp tục phản biện, giải trình nên thời gian kéo dài, chậm ký ban hành kết luận thanh, kiểm tra. Do đó, chưa bảo đảm thời gian theo quy định của pháp luật.

Bên cạnh đó, việc quản lý Nhà nước về công tác thanh tra, giải quyết KNTC trên địa bàn phụ trách còn thiếu sự quan tâm đúng mức của một số lãnh đạo địa phương. Cách thức, phương pháp quản lý

chưa thực sự bài bản, khoa học và chưa có chiều sâu. Việc tổng hợp phân tích, đánh giá tình hình kết quả hoạt động của các địa phương về công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết KNTC, phòng, chống tham nhũng chưa phản ánh đúng thực tế. Tuy nhiên, pháp luật chưa quy định chế tài cụ thể đối với các trường hợp này.

Ngoài ra, pháp luật chưa quy định cụ thể về công tác dự báo tình hình KNTC, phòng chống tham nhũng trên địa bàn quản lý, nên việc quản lý thực tiễn gặp nhiều khó khăn và bị động, chưa phục vụ tốt cho việc ban hành chính sách của lãnh đạo Thanh tra Chính phủ trong công tác KNTC, phòng chống tham nhũng.

**PV:** Để khắc phục những khó khăn, vướng mắc nêu trên, lãnh đạo Cục III đưa ra những định hướng chỉ đạo như thế nào trong thời gian tới nhằm tiếp tục thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, thưa đồng chí?

**Đồng chí Trần Văn Mây:** Để đảm bảo chất lượng, hiệu quả các mặt công tác, lãnh đạo Cục III đề cao tinh thần chủ động khắc phục khó khăn, vướng mắc, đồng thời, tập trung thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm sau:

- Tập trung thực hiện Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 13/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 2021-2025, xác định rõ nhiệm vụ, giải pháp phù hợp, phân công trách nhiệm và tổ chức thực hiện có hiệu quả những nhiệm vụ chủ yếu liên quan đến ngành Thanh tra giai đoạn 2021-2025. Đồng thời, tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chỉ thị của Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ liên quan đến công tác tiếp công dân, giải quyết KNTC và phòng, chống tham nhũng.

- Chỉ đạo, lãnh đạo các phòng chức năng nêu cao trách nhiệm, thường xuyên theo dõi quản lý chặt chẽ công chức trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao, việc



chấp hành kỷ cương hành chính, các quy định trong hoạt động thanh tra tại các địa phương, đơn vị, về chế độ thông tin báo cáo, nộp hồ sơ sau thanh tra để lưu trữ theo quy định. Chấn chỉnh công tác quản lý, điều hành trong nội bộ Cục từ khâu chuẩn bị kế hoạch triển khai đến việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ theo kế hoạch và chỉ đạo đột xuất của lãnh đạo Thanh tra Chính phủ. Tập thể lãnh đạo Cục thực hiện nghiêm túc nguyên tắc tập trung dân chủ. Tăng cường đoàn kết, thống nhất, phối hợp, chia sẻ trong hành động, tuân thủ tuyệt đối quy định pháp luật, kỷ cương hành chính, kỷ luật lao động khi thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Tăng cường việc theo dõi giám sát, đôn đốc các đoàn thanh tra triển khai thực hiện đúng tiến độ, xây dựng báo cáo đảm bảo thời gian quy định. Đồng thời có biện pháp phòng ngừa, xử lý kịp thời, nghiêm khắc những sai phạm tiêu cực, tham nhũng khi thực hiện công vụ tại địa phương (nếu có). Tăng cường công tác quản lý, theo dõi địa bàn phụ trách thuộc trách nhiệm của lãnh đạo các phòng chức năng và công chức quản lý từng địa phương, thường xuyên nắm chắc số liệu, tình hình trên các mặt công tác trong hoạt động thanh tra của địa phương mình quản lý.

- Tập trung củng cố hồ sơ và đề nghị chuyển cơ quan điều tra xử lý các vụ việc có dấu hiệu hình sự theo thẩm quyền, đảm bảo hiệu lực, hiệu quả trong công tác quản lý Nhà nước.

- Chỉ đạo các trưởng đoàn thanh, kiểm tra báo cáo kết quả và chủ động hoàn thiện dự thảo báo cáo kết luận thanh tra theo chỉ đạo của lãnh đạo và hạn chế thấp nhất việc chậm trễ hoàn thiện và trình ký ban hành kết luận thanh, kiểm tra.

- Nghiên cứu đề xuất hoàn chỉnh, bổ sung, sửa đổi các luật, quy định pháp luật có liên quan qua công tác thanh, kiểm tra, đặc biệt là những vấn đề liên quan đến quyền và lợi ích của công dân, nhất là trong lĩnh vực đất đai, tài nguyên, đầu tư, tài chính...

**PV:** Xin trân trọng cảm ơn đồng chí!

**PV (Thực hiện)**

### Chú thích:

(1) Bao gồm: Thành phố Hồ Chí Minh 05 vụ, Tiền Giang 01 vụ, Kiên Giang 01 vụ, An Giang 06 vụ, Đồng Tháp 02 vụ, Đồng Nai 01 vụ, Trà Vinh 01 vụ và Sóc Trăng 01 vụ.

(2) Trong đó, Đồng Tháp (02 vụ), Tiền Giang (01 vụ) và Thành phố Hồ Chí Minh (05 vụ), An Giang (05 vụ).

(3) Theo Văn bản số 862/TTCP-KHTH ngày 05/6/2018 của Thanh tra Chính phủ đã tổng hợp căn cứ số liệu của 20 tỉnh, thành phố phía Nam là 458 vụ, trong đó 239 vụ việc đã được chủ tịch UBND tỉnh giải quyết lần 2; 214 vụ việc đã có ý kiến của các bộ trưởng, Tổng Thanh tra Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo và 05 vụ việc khác.



## KÍNH DÂNG ĐẢNG QUANG VINH

Đại hội Đảng tầm cao trí tuệ  
Xây dựng Việt Nam: Nước mạnh dân giàu  
Đảng tiên phong như những con tàu  
Ngàn mã lực vượt muôn trùng sóng cả.

Đại hội Đảng: Mốc son lịch sử  
Sáng tạo thông minh hội tụ hiền tài  
Đảng anh minh vững tay chèo lái  
Việt Nam hùng cường hướng tới tương lai

Dân tộc anh hùng, Đảng ta vĩ đại  
Đoàn kết vững mạnh như dải Trường Sơn  
Trí dũng, gan bền, vượt khó đi lên  
Triệu triệu trái tim hướng về Đại hội.

Đảng quang vinh dẫn đường chỉ lối  
Đất nước bước vào thiên niên kỷ mới  
Vượt thách thức nắm thời cơ vận hội  
Đảng mạnh, dân giàu: Khát vọng niềm tin.

Mừng Đại hội Đảng quang vinh  
Kính dâng lên Đảng nghĩa tình sắt son./.

**Lê Xuân Đạm**



Một số vấn đề đặt ra

# TRONG VIỆC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 130/2020/NĐ-CP

 **Ths. Ngô Mạnh Hùng**

*Phó Cục trưởng Cục Phòng, chống tham nhũng, TTCP*

**N**gày 30/10/2020, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 130/2020/NĐ-CP về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị (sau đây gọi tắt là Nghị định số 130/2020/NĐ-CP.) Nghị định có hiệu lực kể từ ngày 20/12/2020, là cơ sở pháp lý quan trọng bảo đảm cho việc triển khai thực hiện công tác kiểm soát tài sản, thu nhập theo quy định của Luật Phòng chống tham nhũng (PCTN) năm 2018.

Nhiều bộ, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức, đơn vị đã triển khai tốt các bước chuẩn bị cho việc thực hiện Nghị định số 130/2020/NĐ-CP, nhất là công tác tuyên truyền, phổ biến, xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện. Qua đó đã góp phần quán triệt rộng rãi các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập đến người thuộc diện kê khai, cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm tổ chức việc kê khai, công khai bản kê khai và nhất là cơ quan, cán bộ làm công tác kiểm soát tài sản, thu nhập. Quá trình đó đã tạo thuận lợi cho việc tiến hành kê khai, công khai bản kê khai sau khi Nghị định 130/2020/NĐ-CP có hiệu lực thi hành, đồng thời qua đó cũng đã nhận diện được một số vấn đề cần làm rõ, cần có hướng dẫn cụ thể hơn để việc thực hiện công tác kiểm soát tài sản, thu nhập được triển khai thuận lợi, đồng bộ, chặt chẽ theo đúng quy định.



*Tọa đàm sinh hoạt khoa học “Tiêu chí lựa chọn ngẫu nhiên các trường hợp xác minh tài sản, thu nhập theo kế hoạch hàng năm” do Thanh tra Chính phủ tổ chức*

Trong khuôn khổ bài viết này, tác giả mong muốn đóng góp ý kiến để nhận diện một số vấn đề và kiến nghị hướng giải quyết, góp phần tạo thuận lợi cho việc tổ chức thực hiện công tác kiểm soát tài sản, thu nhập trong thời gian tới.

## *1. Về cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập*

Điều 30 Luật PCTN năm 2018 đã quy định cụ thể về cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập theo hướng giao cho Thanh tra Chính phủ, các bộ, ngành, thanh tra tỉnh kiểm soát tài sản, thu nhập của những người thuộc diện kê khai công tác tại các

bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và chính quyền địa phương; các cơ quan khác của Nhà nước và tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội chịu trách nhiệm kiểm soát tài sản, thu nhập của người kê khai công tác trong cơ quan, tổ chức của mình. Quy định như trên đang đặt ra một số vấn đề sau:

*Một là, có nhiều cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập cùng kiểm soát đối với một đối tượng:*

Trong bộ máy Nhà nước hiện nay, có những người vừa giữ chức vụ trong bộ máy chính quyền địa phương, vừa giữ chức vụ



trong tổ chức Đảng. Ví dụ, chủ tịch hội đồng nhân dân huyện, đồng thời là bí thư huyện ủy. Nếu theo quy định của Luật PCTN thì thanh tra tỉnh và cơ quan có thẩm quyền của Đảng đều là cơ quan chịu trách nhiệm kiểm soát tài sản, thu nhập của người đó. Vấn đề này có thể dẫn đến sự chồng chéo, trùng lặp trong công tác kiểm soát.

Mặt khác, trong bộ máy Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội có những cán bộ thuộc diện quản lý của tổ chức Đảng theo phân cấp quản lý cán bộ của Đảng. Hiện nay, các cơ quan có thẩm quyền của Đảng đang kiểm soát việc kê khai tài sản, thu nhập của họ. Nếu theo Luật PCTN thì những người này sẽ thuộc thẩm quyền kiểm soát của cơ quan Nhà nước hoặc cơ quan Trung ương của tổ chức chính trị - xã hội. Điều này cũng có thể dẫn đến sự chồng chéo, trùng lặp trong công tác kiểm soát.

Để giải quyết vấn đề nêu trên bảo đảm thực hiện đúng quy định của Luật PCTN và quy định hiện hành của Đảng thì đòi hỏi phải có cơ chế phối hợp giữa cơ quan có thẩm quyền của Đảng với cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập trong bộ máy Nhà nước và tổ chức chính trị - xã hội. Chỉ cần 01 cơ quan tiếp nhận bản kê khai tài sản, thu nhập, lập cơ sở dữ liệu để trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của mình, các cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập có thẩm quyền sẽ cùng theo dõi, kiểm soát, chia sẻ thông tin, dữ liệu cần thiết và đặc biệt là phối hợp cùng nhau khi tiến hành xác minh tài sản, thu nhập.

*Hai là, có sự chưa rõ ràng trong phân định thẩm quyền kiểm soát giữa một số cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập và chưa bao quát hết các đối tượng cần phải kiểm soát.*

Theo quy định tại Điều 30 của Luật PCTN, Thanh tra Chính phủ kiểm soát tài sản, thu nhập của người giữ chức vụ từ giám đốc sở và tương đương trở lên công tác tại bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan

thuộc Chính phủ, chính quyền địa phương, đơn vị sự nghiệp công lập, cơ quan, tổ chức do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập, doanh nghiệp Nhà nước. Thanh tra tỉnh kiểm soát tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai công tác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp Nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của chính quyền địa phương, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền kiểm soát của Thanh tra Chính phủ. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ kiểm soát tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai công tác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp Nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền kiểm soát của Thanh tra Chính phủ.

Tuy nhiên hiện chưa có quy định về cán bộ tương đương giám đốc sở tại bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, đơn vị sự nghiệp công lập, cơ quan, tổ chức do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập, doanh nghiệp Nhà nước. Nếu xác định theo hệ số phụ cấp chức vụ lãnh đạo là 0,9 như giám đốc sở ở địa phương thì chưa bảo đảm căn cứ pháp lý chặt chẽ và không làm rõ được đối với những vị trí lãnh đạo, quản lý trong doanh nghiệp Nhà nước. Vấn đề này có thể dẫn đến một bộ phận người có nghĩa vụ kê khai không biết do Thanh tra Chính phủ hay do bộ, ngành, thanh tra tỉnh kiểm soát, khó khăn ngay từ việc giao nộp bản kê khai cho cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập. Mặt khác, những người phải kê khai tài sản, thu nhập trong đơn vị sự nghiệp do Thủ tướng Chính phủ thành lập nhưng đơn vị đó không thuộc các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ thì chỉ những người giữ chức vụ từ giám đốc sở và tương đương trở lên mới chịu sự kiểm soát của Thanh tra Chính phủ còn những người khác không có cơ quan nào kiểm soát (Ví dụ các trường đại học thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh...).

Để khắc phục vấn đề trên cần phải có quy định cụ thể về cán bộ tương đương giám đốc sở. Trước mắt có thể sử dụng phụ cấp chức vụ 0,9 để xác định. Riêng đối với doanh nghiệp Nhà nước thì quy định cụ thể các chức danh tương đương. Về lâu dài phải xây dựng quy định cụ thể theo chức vụ, vị trí việc làm để xác định đối tượng tương đương giám đốc sở. Đối với những nơi có đối tượng phải kê khai tài sản nhưng chưa có cơ quan kiểm soát thì trước mắt nên giao cho cơ quan quản lý cán bộ ở đó tạm thời theo dõi, kiểm soát. Về lâu dài cần phải hoàn thiện quy định về cơ quan kiểm soát tài sản hoặc có cơ chế phối hợp kiểm soát để bảo đảm bao quát hết đối tượng cần kiểm soát.

*2. Về người có nghĩa vụ kê khai tài sản và việc tổ chức kê khai tài sản, thu nhập lần đầu sau khi Nghị định 130/2020/NĐ-CP có hiệu lực thi hành*

Luật PCTN quy định người đang giữ vị trí công tác tại thời điểm Luật PCTN có hiệu lực (01/7/2019) là cán bộ, công chức, sĩ quan Công an nhân dân; sĩ quan Quân đội nhân dân, quân nhân chuyên nghiệp, người giữ chức vụ từ phó trưởng phòng và tương đương trở lên công tác tại đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp Nhà nước, người được cử làm đại diện phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp thì phải kê khai tài sản, thu nhập lần đầu và phải hoàn thành trước 31/12/2019. Tuy nhiên, do việc ban hành Nghị định 130/2020/NĐ-CP chậm so với kế hoạch thi hành Luật PCTN nên đến nay mới có mẫu bản kê khai theo Luật PCTN năm 2018. Vấn đề này dẫn đến nhiều trường hợp người có nghĩa vụ kê khai lần đầu tại thời điểm 01/7/2019 nay đã nghỉ hưu, thôi giữ vị trí công tác nhưng vẫn thuộc diện kê khai tài sản, thu nhập theo Luật PCTN, tuy nhiên sẽ rất khó để tổ chức thực hiện.

Để giải quyết vấn đề trên cần có hướng dẫn cụ thể của cơ quan có thẩm quyền theo hướng các cơ quan, tổ chức, đơn vị lập danh sách những người đang giữ



vị trí công tác quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 34 của Luật PCTN tại thời điểm Nghị định 130/2020/NĐ-CP có hiệu lực thi hành hoặc lấy mốc ngày 01/01/2021 để lập danh sách và yêu cầu thực hiện việc kê khai tài sản, thu nhập lần đầu. Trong đợt triển khai thực hiện Nghị định 130/2020/NĐ-CP thì chỉ thực hiện việc kê khai tài sản, thu nhập lần đầu. Việc kê khai hàng năm, kê khai bổ sung sẽ thực hiện vào cuối năm 2021 bảo đảm hoàn thành trước ngày 31/12/2021 theo đúng quy định của Luật PCTN. Trường hợp phải kê khai tài sản, thu nhập để phục vụ công tác cán bộ mà người đó chưa kê khai tài sản, thu nhập lần đầu theo quy định của Luật PCTN năm 2018 thì thực hiện việc kê khai tài sản, thu nhập lần đầu và sử dụng bản kê khai đó để phục vụ công tác cán bộ.

Một nội dung khác hay có sự nhầm lẫn là người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập trong doanh nghiệp Nhà nước. Theo Luật PCTN năm 2018 thì những người giữ chức vụ phó trưởng phòng trở lên trong doanh nghiệp Nhà nước có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập. Luật Doanh nghiệp năm 2020 đã có sự điều chỉnh quy định về doanh nghiệp Nhà nước. Theo đó, doanh nghiệp Nhà nước bao gồm các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo quy định tại Điều 88 của Luật Doanh nghiệp. Quy định mới nêu trên dễ dẫn đến sự nhầm lẫn khi xác định người giữ chức vụ phó trưởng phòng trở lên trong các doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn, tổng số cổ phần sẽ thuộc diện phải kê khai tài sản, thu nhập. Thực tế là Luật Doanh nghiệp năm 2020 đã sửa đổi, bổ sung quy định nêu trên của Luật PCTN năm 2018, thay thế cụm từ “doanh nghiệp Nhà nước” trong quy định về người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập bằng cụm từ “doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ”. Vì vậy mà trong những doanh nghiệp Nhà nước mà Nhà nước không nắm giữ 100% vốn điều lệ thì chỉ những người là đại diện phần vốn của

Nhà nước mới phải kê khai tài sản, thu nhập. Những người khác giữ chức vụ từ phó trưởng phòng trở lên mà không phải là người đại diện phần vốn Nhà nước thì đều không thuộc diện phải kê khai tài sản, thu nhập.

### 3. Về tài sản, thu nhập phải kê khai

Luật PCTN quy định người có nghĩa vụ kê khai phải kê khai tổng thu nhập giữa 02 lần kê khai. Tuy nhiên theo quy định về phương thức kê khai, có thể có trường hợp cán bộ sau khi kê khai lần đầu thì nhiều năm sau, thậm chí là hàng chục năm sau mới phát sinh việc kê khai tài sản lần thứ 2 (Ví dụ 1 người là công chức ngạch chuyên viên sẽ phải kê khai lần đầu khi được bổ nhiệm vào ngạch nhưng sau đó không thuộc diện phải kê khai hàng năm, kê khai bổ sung thì sẽ không phải kê khai tài sản, thu nhập. Nếu như 25 năm sau người đó được làm quy trình bổ nhiệm phó trưởng phòng thì sẽ phải kê khai tài sản, thu nhập phục vụ công tác cán bộ và khi đó phải kê khai tổng thu nhập giữa 2 lần kê khai là 25 năm). Do đó sẽ rất khó khăn để theo dõi, kê khai đầy đủ, chính xác thu nhập của bản thân, gia đình trong thời gian dài như vậy.

Để khắc phục vấn đề này cần có hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền để người có nghĩa vụ kê khai có trách nhiệm theo dõi, cập nhật thu nhập hàng năm của bản thân mình, vợ hoặc chồng và con chưa thành niên. Đây cũng là việc cần phải làm hàng năm để giúp người có nghĩa vụ kê khai xác định chính xác mình có thuộc diện phải kê khai bổ sung hàng năm hay không cũng như sẽ theo dõi được tổng thu nhập trong nhiều năm và kê khai được khi có yêu cầu.

### 4. Về việc bàn giao bản kê khai cho cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập

Luật PCTN quy định trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được bản kê khai, cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng người có nghĩa vụ kê khai rà soát, kiểm tra

bản kê khai và bàn giao 01 bản kê khai cho cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập có thẩm quyền. Quy định này dẫn đến vấn đề là số lượng cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng người có nghĩa vụ kê khai rất lớn. Nếu phải trực tiếp bàn giao cho cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập thì có thể dẫn đến tình trạng ách tắc, quá tải. Ví dụ, mỗi xã, phường, thị trấn, đơn vị sự nghiệp công lập đều phải bàn giao bản kê khai tài sản, thu nhập cho thanh tra tỉnh thì có tính sẽ có hàng nghìn đầu mỗi cơ quan, đơn vị đến làm việc với thanh tra tỉnh trong một khoảng thời gian ngắn và thanh tra tỉnh sẽ rất khó khăn trong việc tổ chức tiếp nhận bàn giao.

Để khắc phục vấn đề này cần có hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền để các cơ quan quản lý, sử dụng cán bộ có thể nộp bản kê khai cho 01 cơ quan đầu mối và cơ quan đó bàn giao cho cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập. Ví dụ, các xã, các cơ quan, đơn vị thuộc cấp huyện thì nộp về UBND huyện, UBND huyện bàn giao cho thanh tra tỉnh.

### 5. Việc lựa chọn người được xác minh ngẫu nhiên

Theo quy định của Nghị định 130/2020/NĐ-CP, cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập tổ chức lựa chọn ngẫu nhiên người được xác minh bằng hình thức bốc thăm hoặc sử dụng phần mềm máy tính. Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được tiến hành xác minh tối thiểu bằng 20% số cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thẩm quyền kiểm soát của mình và số lượng người được lựa chọn để xác minh ngẫu nhiên phải bảo đảm tối thiểu 10% số người có nghĩa vụ kê khai hàng năm tại mỗi cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Quy định nêu trên đang đặt ra vấn đề là nhiều địa phương có số lượng người thuộc diện phải xác minh ngẫu nhiên rất lớn (ví dụ: TP. Hà Nội có tối thiểu 400 người thuộc diện phải xác minh ngẫu nhiên) nên số người phải xác minh hàng năm sẽ gây quá tải cho cơ quan kiểm soát tài sản, thu



nhập trong bối cảnh hạn hẹp về tổ chức, biên chế, nguồn lực, đồng thời vẫn phải đảm nhiệm đầy đủ các chức năng, nhiệm vụ khác. Mặt khác có thể làm cho việc xác minh bị kéo dài hoặc trở nên hình thức, kém hiệu quả, không đáp ứng được yêu cầu của công tác kiểm soát tài sản, thu nhập.

Để khắc phục vấn đề này cũng cần có hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền để cơ quan quản lý Nhà nước cùng cấp quan tâm, bố trí nguồn lực giúp cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập đủ khả năng thực hiện nhiệm vụ, đồng thời cần có hướng dẫn để tăng cường mối quan hệ phối hợp giữa các ngành, cơ quan chức năng liên quan trong việc tổ chức xác minh, trưng tập cán bộ...

#### 6. Về các bản kê khai theo quy định của Luật PCTN năm 2005.

Việc kê khai theo Luật PCTN năm 2018 và Nghị định 130/2020/NĐ-CP trước hết sẽ là kê khai lần đầu. Vấn đề đặt ra là bản kê khai trước đây sẽ được tiếp tục lưu giữ hay hủy bỏ và có mối liên hệ ra sao với công tác kiểm soát tài sản, thu nhập tới đây?

Để hiểu vấn đề này, các cơ quan, tổ chức, đơn vị cần quán triệt rõ quy định của pháp luật trước đây đã yêu cầu lưu giữ các bản kê khai theo Luật PCTN năm 2005 cùng với hồ sơ cán bộ. Pháp luật hiện nay không quy định việc hủy bỏ hay loại bỏ các bản kê khai đó ra khỏi hồ sơ cán bộ nên vẫn tiếp tục phải thực hiện việc lưu giữ. Việc thực hiện các biện pháp kiểm soát tài sản, thu nhập và xử lý hành vi kê khai, giải trình không trung thực thì phải căn cứ vào bản kê khai, việc giải trình và kết luận xác minh được thực hiện theo Luật PCTN năm 2018 và Nghị định số 130/2020/NĐ-CP theo đúng quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 130/2020/NĐ-CP.

#### 7. Về chế độ thông tin, báo cáo công tác kiểm soát tài sản, thu nhập

Các quy định hiện nay về kiểm soát tài sản, thu nhập đều không đề cập đến cơ chế thông tin, báo cáo việc thực hiện công tác kiểm soát tài sản, thu nhập. Vấn đề này có thể gây khó khăn cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị ngay khi xây dựng kế hoạch, phân công trách nhiệm tổ chức thực hiện. Việc chậm hướng dẫn các tiêu chí báo cáo cũng có thể gây khó khăn cho việc thực hiện sau này vì số lượng người kê khai tài sản, thu nhập là rất lớn, đòi hỏi phải có sự theo dõi, quản lý chặt chẽ ngay từ đầu để đáp ứng các tiêu chí thống kê, tổng hợp khi sơ kết, tổng kết.

#### 8. Về cơ sở dữ liệu quốc gia kiểm soát tài sản, thu nhập

Luật PCTN quy định cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập được xây dựng và quản lý tập trung tại Thanh tra Chính phủ. Thanh tra Chính phủ có trách nhiệm xây dựng, quản lý, khai thác và bảo vệ cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập trong phạm vi cả nước. Các cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập khác cũng có trách nhiệm xây dựng, quản lý, khai thác và bảo vệ cơ sở dữ liệu về kiểm soát tài sản, thu nhập trong phạm vi quản lý của mình.

Quy định nêu trên yêu cầu các cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập đều phải xây dựng cơ sở dữ liệu về kiểm soát tài sản, thu nhập nhưng vấn đề đặt ra là nếu mỗi cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập lại xây dựng một phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu khác nhau thì rất tốn kém và không hiệu quả. Do đó, để khắc phục vấn đề này cần phải có quy định của cơ quan có thẩm quyền về việc chỉ xây dựng một phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu thống nhất sử dụng chung cho tất cả các cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập, vừa tiết kiệm chi phí, vừa bảo đảm sự thống nhất, liên thông của hệ thống kiểm soát. Hệ thống này cũng có thể tích hợp phần mềm để tổ chức việc lựa chọn ngẫu nhiên người được xác minh theo kế hoạch hàng năm và thực hiện chế độ

thông tin, báo cáo về công tác kiểm soát tài sản, thu nhập.

#### 9. Một số kiến nghị

- Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, nhất là các cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập cần tiếp tục quán triệt, tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về kiểm soát tài sản, thu nhập; tăng cường các hoạt động tập huấn, hướng dẫn, tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ để tổ chức thực hiện.

- Kiến nghị Thanh tra Chính phủ:

+ Khẩn trương phối hợp với cơ quan chức năng của Đảng để trình cấp có thẩm quyền ban hành quy chế phối hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Nghị định số 130/2020/NĐ-CP, trong đó tập trung làm rõ và giải quyết những vấn đề đã được đặt ra nêu trên.

+ Sớm nghiên cứu trình Chính phủ ban hành nghị định quy định về cơ sở dữ liệu quốc gia kiểm soát tài sản, thu nhập theo hướng xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia tập trung, thống nhất, bảo đảm sự quản lý chặt chẽ, đồng thời có sự phối hợp, chia sẻ thông tin, dữ liệu giữa các cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập theo thẩm quyền.

+ Để bảo đảm việc triển khai thực hiện công tác kiểm soát tài sản, thu nhập kịp thời theo yêu cầu của Luật PCTN ngay sau khi Nghị định số 130/2020/NĐ-CP có hiệu lực thi hành, trong khi chờ ban hành quy chế phối hợp giữa các cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập, cần tăng cường các hoạt động hướng dẫn, quán triệt trực tiếp các quy định có liên quan và việc tổ chức thực hiện cho các bộ, ngành, địa phương, cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập. Trên cơ sở tiếp thu các ý kiến, vấn đề còn chưa rõ hoặc có vướng mắc từ cơ sở để xây dựng, ban hành văn bản hướng dẫn tạm thời giúp các cơ quan, tổ chức, đơn vị có thể sớm triển khai thực hiện, bảo đảm thống nhất, thuận lợi và đúng quy định của pháp luật./.



Giải pháp nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu

# CƠ QUAN, TỔ CHỨC TRONG CÔNG TÁC TIẾP CÔNG DÂN

Nguyễn Ngọc Ánh

Chánh Thanh tra tỉnh Lâm Đồng



**C**ông tác tiếp công dân có ý nghĩa hết sức quan trọng, là hoạt động thể hiện rõ nhất sự tôn trọng của các cơ quan Nhà nước đối với quyền làm chủ của Nhân dân. Việc thực hiện công tác tiếp dân với tính chất là công việc để tiếp nhận và giải quyết các vấn đề

liên quan trực tiếp đến quyền lợi của người dân một cách kịp thời, thỏa đáng sẽ góp phần quan trọng vào việc củng cố lòng tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước.

Trong thực tế, hoạt động tiếp công dân được diễn ra dưới nhiều hình thức như việc tiếp xúc cử tri của đại biểu Quốc hội, hội đồng nhân dân; hoạt động tiếp công dân

trong giải quyết các công việc hành chính... Trong phạm vi bài viết và gắn với chức năng, nhiệm vụ của ngành là tham mưu công tác quản lý Nhà nước về hoạt động tiếp công dân, tác giả chỉ đề cập đến công tác tiếp công dân của các cơ quan, tổ chức theo quy định của Luật Tiếp công dân và thông qua thực tiễn hoạt động, xin được nêu ra một số giải pháp nhằm nâng cao trách



nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức trong công tác tiếp công dân.

Có thể khẳng định, trong thời gian qua, các quy định pháp luật có liên quan đến công tác tiếp công dân đã từng bước được hoàn thiện. Theo quy định của Luật Tiếp công dân, tiếp dân là việc cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân đón tiếp để lắng nghe, tiếp nhận khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân; giải thích, hướng dẫn cho công dân về việc thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh theo đúng quy định pháp luật.

Về trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác tiếp công dân, Luật Tiếp công dân đã quy định chung và cụ thể đối với từng chức danh. Trong đó, có thể khái quát người đứng đầu các cơ quan, tổ chức có trách nhiệm toàn diện đối với công tác tiếp công dân tại cơ quan, tổ chức mình như việc bố trí cơ sở vật chất, ban hành nội quy tiếp công dân, bố trí cán bộ làm công tác tiếp công dân... và phải trực tiếp tham gia hoạt động tiếp công dân theo định kỳ hoặc đột xuất khi có yêu cầu.

Cụ thể, đối với cơ quan, tổ chức ở cấp tỉnh, Luật Tiếp công dân đã quy định rõ chế độ tiếp công dân của người đứng đầu như: Chủ tịch ủy ban nhân dân (UBND) cấp tỉnh phải trực tiếp tiếp công dân tại trụ sở tiếp công dân cấp tỉnh ít nhất 01 ngày trong 01 tháng; chủ tịch UBND cấp huyện phải trực tiếp tiếp công dân tại trụ sở tiếp công dân cấp huyện ít nhất 02 ngày trong 01 tháng; chủ tịch UBND cấp xã trực tiếp tiếp công dân tại trụ sở UBND cấp xã ít nhất 01 ngày trong 01 tuần. Đối với thủ trưởng các cơ quan hành chính Nhà nước, Luật Tiếp công dân cũng quy định phải trực tiếp tiếp công dân tại địa điểm tiếp công dân của cơ quan mình ít nhất 01 ngày trong 01 tháng.

Bên cạnh đó, người đứng đầu các cơ quan, tổ chức còn phải thực hiện việc tiếp công dân đột xuất trong các trường hợp như khi có phát sinh vụ việc gay gắt, phức tạp, có nhiều người tham gia, liên quan đến

trách nhiệm của nhiều cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc ý kiến của các cơ quan, tổ chức, đơn vị còn khác nhau; vụ việc nếu không chỉ đạo, xem xét kịp thời có thể gây ra hậu quả nghiêm trọng hoặc có thể dẫn đến hủy hoại tài sản của Nhà nước, của tập thể, xâm hại đến tính mạng, tài sản của Nhân dân, ảnh hưởng đến an ninh, chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

Đối với Lâm Đồng, triển khai thực hiện Đề án Đổi mới công tác tiếp dân đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Quyết định số 858/QĐ-TTg ngày 14/6/2010, Thanh tra tỉnh đã tham mưu UBND tỉnh ban hành kế hoạch triển khai đề án tiếp công dân theo Quyết định số 1733/QĐ-UBND ngày 05/8/2010. Bên cạnh đó, triển khai thực hiện Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo (năm 2011) có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2012, Thanh tra tỉnh đã tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng ban hành Chỉ thị số 05/2012/CT-UBND ngày 05/10/2012 về việc chấn chỉnh công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo trên địa phương; Chỉ thị số 03/2013/CT-UBND ngày 05/9/2013 về việc theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý sau thanh tra và quyết định giải quyết khiếu nại, quyết định xử lý tố cáo có hiệu lực pháp luật trên địa bàn tỉnh. Sau khi Luật Tiếp công dân 2013 được ban hành, Thanh tra tỉnh đã tham mưu UBND tỉnh ban hành nhiều văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện<sup>(\*)</sup>.

Trong những năm qua, công tác tổ chức tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng đã được sự quan tâm chỉ đạo thường xuyên của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, UBND tỉnh nên đã đạt được nhiều kết quả quan trọng. Tính riêng trong 05 năm qua (từ năm 2016 - 2020), toàn tỉnh đã tiếp hàng chục ngàn lượt công dân đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh. Qua tiếp công dân, đã kịp thời hướng dẫn, giải thích và tiếp nhận các vụ việc để giải quyết theo thẩm quyền; vai trò của người đứng đầu

được phát huy, đã góp phần hạn chế được tình trạng khiếu kiện đông người, tình trạng công dân gửi đơn vượt cấp đến các cơ quan Trung ương; các vụ việc phát sinh cơ bản được giải quyết đúng quy định, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước, của công dân, góp phần đáng kể vào việc ổn định tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, phục vụ sự phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

Tuy nhiên, do khối lượng công việc tương đối nhiều nên việc tiếp công dân của người đứng đầu ở một số cơ quan, đơn vị trong thời gian qua còn chưa nhiều, một số ngày tiếp công dân định kỳ còn ủy quyền cho cấp phó tiếp, chưa bảo đảm quy định của Luật Tiếp công dân.

Để nâng cao hiệu quả công tác tiếp công dân và nâng cao hơn nữa trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trong công tác tiếp công dân, tác giả đề xuất một số giải pháp, cụ thể như sau:

*Thứ nhất*, cần tổ chức thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về công tác tiếp công dân, từ đó nhằm nâng cao nhận thức của người đứng đầu về mục đích, ý nghĩa của việc tiếp công dân; các quy định của pháp luật về trách nhiệm, xử lý trách nhiệm của người đứng đầu đối với các tồn tại, hạn chế, sai phạm trong công tác tiếp công dân. Thực tế tại tỉnh Lâm Đồng trong các năm qua, thông qua sự phối hợp của Sở Nội vụ và Trường Chính trị tỉnh đã mở nhiều lớp tuyên truyền (có sự tham gia báo cáo của Thanh tra tỉnh) cho các đối tượng từ giám đốc sở, chủ tịch UBND cấp huyện đến trưởng, phó các phòng ban chuyên môn thuộc cấp sở, chủ tịch, phó chủ tịch UBND cấp xã về các quy định trong công tác tiếp công dân; mở các lớp bồi dưỡng kiến thức cho thanh tra nhân dân ở các công đoàn cơ sở cơ quan Nhà nước, đơn vị sự nghiệp, thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn về công tác tiếp công dân, thông qua đó phát huy vai trò giám sát của





Nhân dân đối với hoạt động tiếp công dân tại cơ quan, đơn vị, đồng thời là kênh thông tin để xem xét, đánh giá trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác tiếp công dân.

*Thứ hai*, các cơ quan thanh tra phải thường xuyên nghiên cứu các quy định của pháp luật, tham mưu cho người đứng đầu tổ chức thực hiện tốt các quy định của pháp luật trong công tác tiếp công dân. Thanh tra tỉnh Lâm Đồng thời gian qua đã tham mưu kịp thời cho UBND tỉnh để ban hành các văn bản chỉ đạo tổ chức thực hiện công tác tiếp công dân trên địa bàn, trong đó xác định rõ trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, tổ chức trong công tác bố trí cơ sở vật chất, nhân lực phục vụ công tác tiếp công dân; yêu cầu thủ trưởng các cơ quan, đơn vị phải xây dựng và ban hành lịch tiếp công dân định kỳ cố định (Chủ tịch UBND tỉnh tiếp công dân vào ngày 15 hàng tháng; chủ tịch UBND huyện trực tiếp tiếp công dân ngày 15, 25 hàng tháng; chủ tịch UBND cấp xã tiếp công dân định kỳ vào thứ 5 hàng tuần), thực hiện công khai lịch tiếp công dân định kỳ của người đứng đầu tại nơi tiếp công dân để công dân được biết, đây cũng là cơ sở để kiểm tra việc duy trì chế độ tiếp công dân của người đứng đầu.

*Thứ ba*, các cơ quan thanh tra phải thường xuyên theo dõi về tình hình tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo địa bàn, lĩnh vực của đơn vị mình nhằm tham mưu cho thủ trưởng cơ quan quản lý Nhà nước cùng cấp các biện pháp nâng cao hiệu quả công tác tiếp công dân. Tại Thanh tra tỉnh Lâm Đồng, đã phân công, bố trí cán bộ để thường xuyên theo dõi, nắm bắt tình hình tổ chức thực hiện công tác tiếp công dân của các địa phương, các sở, ngành thuộc tỉnh để kịp thời báo cáo, tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo chấn chỉnh kịp thời các tồn tại, sai phạm. Đối với các địa phương nổi lên các vụ việc phức tạp, đông người đều được Thanh tra tỉnh quan tâm phối hợp và hướng dẫn, tìm biện pháp

giải quyết, tránh phát sinh thành “điểm nóng” tại địa phương.

*Thứ tư*, trong tổ chức thực hiện công tác thanh tra trách nhiệm đối với người đứng đầu các cơ quan, tổ chức (đối với Thanh tra tỉnh là thanh tra trách nhiệm chủ tịch UBND cấp huyện, giám đốc các sở, ngành) trong công tác tiếp công dân, cần lưu ý nghiên cứu, lựa chọn những địa bàn, lĩnh vực thường phát sinh nhiều vụ việc trong công tác tiếp công dân, quá trình tiến hành thanh tra cần chú ý nghiên cứu các quy định của pháp luật về trách nhiệm của người đứng đầu, kiểm tra đối chiếu thực tế để kết luận rõ trách nhiệm của người đứng đầu đối với các tồn tại, hạn chế trong công tác tiếp công dân và kiến nghị các biện pháp xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

*Thứ năm*, đối với phương diện xây dựng chính sách pháp luật, tác giả kiến nghị cần quy định rõ hơn nữa các quy định về khen thưởng và xử lý vi phạm đối với người đứng đầu các cơ quan, tổ chức trong công tác tiếp công dân. Vì thực tế hiện nay, đối với các đơn vị làm tốt chúng ta chưa có hình thức biểu dương, khen thưởng một cách xứng đáng, kịp thời nên chưa có tác dụng nêu gương; đối với các đơn vị có tồn tại, hạn chế (thậm chí vi phạm) đa số mới chỉ dừng lại ở mức độ đề nghị rút kinh nghiệm và kiến nghị các giải pháp chấn chỉnh, khắc phục trong thời gian tới mà chưa có quy định về hình thức kỷ luật cụ thể đối với cá nhân, do vậy chưa có cơ sở để xử lý trách nhiệm đối với người đứng đầu cơ quan, tổ chức đối với các vi phạm trong công tác tiếp công dân. Từ đó, tại một số địa phương, đơn vị vẫn còn hiện tượng người đứng đầu chưa thật sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo công tác tiếp công dân theo đúng quy định của pháp luật.

*Tóm lại*, công tác tiếp công dân có ý nghĩa vô cùng quan trọng, là hoạt động thể hiện rõ nhất sự tôn trọng của các cơ quan Nhà nước về quyền làm chủ của Nhân dân.

Trong công tác này, việc phát huy trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có ý nghĩa hết sức quan trọng. Thực hiện tốt các giải pháp nêu trên sẽ góp phần giúp người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện tốt chức trách, nhiệm vụ của mình, giúp công tác tiếp công dân ngày càng đi vào nề nếp, góp phần bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người dân, hạn chế phát sinh “điểm nóng” trên địa bàn tỉnh, thể hiện bản chất của Nhà nước ta là Nhà nước “của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân”.

### Chú thích:

(\*) Quyết định số 1700/QĐ-UBND ngày 14/8/2014 về việc ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Luật Tiếp công dân và các văn bản hướng dẫn thi hành; Văn bản số 5184/UBND-TD ngày 06/10/2014 về việc chấn chỉnh, tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác tiếp công dân; Văn bản số 6559/UBND-TD ngày 03/12/2014 về việc triển khai thực hiện Luật Tiếp công dân; Quyết định số 1297/QĐ-UBND ngày 16/6/2015 về phối hợp tiếp dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh tại Trụ sở Tiếp công dân tỉnh Lâm Đồng; Văn bản số 6288/UBND-TD ngày 20/10/2015 về việc phối hợp tiếp công dân phục vụ kỳ họp của Quốc hội; Văn bản số 7172/UBND-TD ngày 25/10/2017 về việc nâng cao hiệu quả công tác tiếp công dân; Văn bản số 5321/UBND-TD ngày 22/8/2018 về việc chấn chỉnh công tác tiếp công dân; Quyết định số 2060/QĐ-UBND ngày 23/9/2019 về việc thành lập tổ công tác phối hợp tổ chức tiếp công dân phục vụ Đại hội Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ XI và Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; Văn bản số 6577/UBND-NC ngày 05/8/2020 về việc tăng cường công tác thanh tra, phòng, chống tham nhũng và giải quyết khiếu nại, tố cáo trên địa bàn tỉnh; Văn bản số 7641/UBND-TD ngày 16/9/2020 về việc nắm tình hình, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong thời gian trước, trong và sau thời gian Đại hội Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ XI tiến tới Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; Quyết định số 2264/QĐ-UBND ngày 09/10/2020 về việc thành lập tổ công tác trực tiếp tiếp công dân phục vụ Đại hội Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2020 - 2025...



# Hoàn thiện pháp luật về tội phạm tham nhũng ở Việt Nam hiện nay

 Ths. Lê Quang Kiệm



**H**iện nay, tình hình tội phạm tham nhũng diễn biến rất phức tạp, đặc biệt đối với giải quyết thủ tục hành chính công, gây bức xúc cho người dân và doanh nghiệp. Trong khi đó, hệ thống pháp luật liên quan đến công tác phòng, chống tham nhũng còn dàn trải, và có nhiều bất cập. Vì vậy, việc hoàn thiện pháp luật về tội phạm tham nhũng nhằm góp phần đưa công tác phòng, chống tham

những đạt hiệu quả cao nhất trong thời gian tới là rất cần thiết.

## Lý luận về tội phạm tham nhũng ở Việt Nam hiện nay

Nhìn từ góc độ xã hội, tham nhũng là một hiện tượng xã hội. Trạng thái, hình thức và mức độ của tham nhũng phụ thuộc vào những thay đổi đang diễn ra trong xã hội. Xã hội càng hiện đại thì tệ nạn tham nhũng có môi trường phát triển với mức độ nguy hiểm cho xã hội sẽ cao hơn và thủ đoạn phạm tội cũng tinh vi, xảo quyệt hơn. Dưới góc độ

chính trị, tham nhũng thể hiện sự tha hoá của một bộ phận cán bộ, công chức Nhà nước, mà biểu hiện rõ nhất là tình trạng quan liêu, nhũng nhiễu, mua bán chức quyền để vụ lợi. Còn từ góc độ kinh tế, tham nhũng không chỉ gây ra thiệt hại, thất thoát tài sản của Nhà nước, của Nhân dân mà còn phá hoại, cản trở các giải pháp kinh tế xã hội, kìm hãm sự phát triển kinh tế.

Nếu nhìn từ góc độ pháp luật hình sự, tham nhũng là hành vi nguy hiểm cho xã hội và bị xem là một dạng tội phạm. Các hành



vi này do chủ thể đặc biệt (người có chức vụ, quyền hạn) thực hiện với lỗi cố ý, động cơ và mục đích phạm tội là vì vụ lợi cá nhân, có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp đến lợi ích vật chất xâm phạm vào các quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ. Trước khi được xác định là tội phạm, hành vi tham nhũng đã xuất hiện và tồn tại trong xã hội.

Hiện nay, chưa có khái niệm thống nhất về tội phạm tham nhũng, trên cơ sở phân tích nêu trên có thể hiểu tội phạm tham nhũng “là những hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật Hình sự (BLHS) do người có chức vụ, quyền hạn đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn đó thực hiện trong khi thi hành công vụ, nhiệm vụ xâm phạm hoạt động đúng đắn của các cơ quan Nhà nước, các tổ chức trong xã hội; xâm phạm uy tín của cơ quan, tổ chức; xâm phạm tài sản, lợi ích của Nhà nước, của tổ chức; xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, của công dân vì động cơ vụ lợi”.

Trong khoa học luật hình sự, tội phạm là thể thống nhất của hai mặt khách quan và chủ quan. Mặt khách quan là những biểu hiện ra bên ngoài của tội phạm, và mặt chủ quan là hoạt động tâm lý bên trong của người phạm tội, nó luôn được gắn liền với các biểu hiện bên ngoài của tội phạm (bao gồm: Lỗi, động cơ và mục đích phạm tội). Có thể thấy, tội phạm tham nhũng thực hiện dưới hình thức lỗi cố ý trực tiếp, nhằm động cơ vụ lợi cá nhân. Hành vi phạm tội tham nhũng không chỉ gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước mà còn xâm phạm đến các hoạt động đúng đắn của các cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Ngoài ra, còn tác động tiêu cực đối với các giải pháp kinh tế xã hội của Đảng và Nhà nước, kìm hãm, ngăn cản sự phát triển kinh tế - chính trị của đất nước, đe dọa đến sự ổn định vững vàng của chế độ chính quyền cũng như an ninh của Tổ quốc.

### **Thực trạng công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm tham nhũng trong thời gian qua**

Có thể khẳng định, công tác phòng, chống tham nhũng nói chung và công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm tham

những trong thời gian qua khá hiệu quả. Hàng loạt vụ án tham nhũng đã được xử lý; nhiều vụ việc, vụ án tham nhũng, kinh tế đặc biệt nghiêm trọng, phức tạp, kể cả những vụ việc tồn đọng từ nhiều năm trước và các vụ án xảy ra trong ngành, lĩnh vực được cho là “vùng cấm, nhạy cảm” đã được tập trung chỉ đạo điều tra, làm rõ bản chất chiếm đoạt, vụ lợi; xử lý nghiêm minh, công khai, kể cả cán bộ cao cấp, đương chức hay nghỉ hưu, “không có vùng cấm, không có ngoại lệ”. Qua đó, đã mang lại dấu ấn nổi bật, tạo sự đồng thuận cao trong xã hội và củng cố, tăng cường niềm tin của cán bộ, đảng viên và Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước góp phần quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững ổn định chính trị, tăng cường quốc phòng, an ninh và đối ngoại. Tính từ năm 2013 đến năm 2020, các cơ quan tiến hành tố tụng đã khởi tố, điều tra 14.300 vụ/24.410 bị can, xét xử sơ thẩm hơn 11.700 vụ/22.600 bị cáo về tham nhũng, kinh tế, chức vụ.

Đặc biệt, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ủy ban Kiểm tra Trung ương đã quyết định kỷ luật hơn 110 cán bộ diện Trung ương quản lý (trong đó có 27 đồng chí là Ủy viên Trung ương, nguyên Ủy viên Trung ương Đảng, 04 đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, nguyên Ủy viên Bộ Chính trị). Có thể xem đây là bước đột phá trong công tác kiểm tra, kỷ luật của Đảng. Công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế về quản lý kinh tế - xã hội, phòng, chống tham nhũng, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị được đẩy mạnh, từng bước hình thành cơ chế phòng ngừa chặt chẽ để “không thể tham nhũng”. Công tác cán bộ, cải cách hành chính, công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị và các giải pháp phòng ngừa tham nhũng được tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện và đạt kết quả tích cực. Công tác thông tin, tuyên truyền, giáo dục về phòng, chống tham nhũng có nhiều đổi mới, vai trò tích cực của các cơ quan truyền thông, báo chí trong phòng, chống tham nhũng ngày càng được khẳng định và phát huy. Vai trò, trách nhiệm của các cơ quan và đại biểu dân cử, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội -

nghề nghiệp và Nhân dân trong phòng, chống tham nhũng ngày càng phát huy hiệu quả thiết thực...

### **Thực trạng pháp luật về tội phạm tham nhũng ở Việt Nam hiện nay**

Hiện nay, tội phạm tham nhũng ở Việt Nam được quy định trong BLHS 2015; theo đó, quy định các hành vi phạm tội tham nhũng trong Chương XXIII từ Điều 353 đến Điều 359 (bao gồm 7 tội danh) với nhiều nội dung mới liên quan đến tội tham nhũng, góp phần quan trọng vào công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng; khắc phục những bất cập trong quá trình đấu tranh phòng, chống tội phạm, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế, xã hội, chính trị của đất nước. Cụ thể:

*Thứ nhất*, BLHS 2015 đã mở rộng nội hàm khái niệm tội phạm tham nhũng bao gồm cả các tội phạm tham nhũng trong khu vực tư (ngoài Nhà nước), cụ thể là mở rộng chủ thể thực hiện tội phạm không chỉ là người có chức vụ trong khi thực hiện “công vụ” (đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống các cơ quan Nhà nước), mà còn là người có chức vụ trong khi thực hiện “nhiệm vụ” (tại các doanh nghiệp, tổ chức ngoài Nhà nước). Phạm vi các tội phạm tham nhũng trong khu vực tư (ngoài Nhà nước) bao gồm hai tội danh sau: Tội tham ô tài sản, tội nhận hối lộ.

*Thứ hai*, BLHS 2015 đã bổ sung thêm “lợi ích phi vật chất” vào các cấu thành định tội đối với tội nhận hối lộ, tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây ảnh hưởng đối với người khác để trục lợi và một số tội phạm khác về chức vụ như tội đưa hối lộ, tội môi giới hối lộ và tội lợi dụng ảnh hưởng đối với người có chức vụ, quyền hạn để trục lợi. Việc bổ sung “lợi ích phi vật chất” đáp ứng được yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm tham nhũng trong giai đoạn hiện nay và phù hợp với Công ước Liên Hợp quốc về chống tham nhũng (UNCAC).

*Thứ ba*, hành vi hối lộ công chức nước ngoài đã chính thức được ghi nhận là một trường hợp của tội đưa hối lộ và được quy định cụ thể trong BLHS, việc bổ sung hành vi đưa hối lộ cho công chức nước ngoài hay công chức của tổ chức quốc tế công là cần thiết và phù hợp với UNCAC. BLHS 2015



cũng đã nêu ra vấn đề bên thứ ba hưởng lợi từ hành vi hối lộ: “Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn trực tiếp hoặc qua trung gian nhận hoặc sẽ nhận bất kỳ lợi ích nào cho chính bản thân người đó hoặc cho người hoặc tổ chức khác...”, và “người nào trực tiếp hay qua trung gian đã đưa hoặc sẽ đưa...”. Quy định như vậy tạo cơ sở pháp lý cho việc xử lý các hành vi hối lộ trong những trường hợp hối lộ không được thụ hưởng bởi chính người có chức vụ, quyền hạn mà bởi người hoặc tổ chức khác với sự chấp nhận của người có chức vụ, quyền hạn và điều đó nhằm vào việc thực hiện công vụ, nhiệm vụ của người có chức vụ, quyền hạn.

*Thứ tư*, để tăng cường hiệu quả đấu tranh phòng, chống tội phạm, thể hiện thái độ kiên quyết của Nhà nước trong việc xử lý đến cùng tội phạm tham nhũng, Điều 28 BLHS năm 2015 bổ sung hai trường hợp không áp dụng thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với tội tham ô tài sản quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 353, tội nhận hối lộ quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 354. Điều 61 của BLHS 2015 đã bổ sung quy định không áp dụng thời hiệu thi hành bản án đối với tội tham ô, tội nhận hối lộ thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng (khoản 3, khoản 4 của các Điều 353, 354 BLHS 2015). Đối với các trường hợp này, bất kể thời điểm nào phát hiện được tội phạm có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

*Thứ năm*, theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 40 BLHS 2015 quy định “người bị kết án tử hình về tội tham ô tài sản, tội nhận hối lộ mà sau khi kết án đã chủ động nộp lại ít nhất ba phần tư tài sản tham ô, nhận hối lộ và hợp tác tích cực với cơ quan chức năng trong việc phát hiện, điều tra, xử lý tội phạm hoặc lập công lớn” thì sẽ không thi hành án tử hình đối với người bị kết án và chuyển hình phạt tử hình thành tù chung thân. Quy định này thể hiện quan điểm của Đảng về giảm hình phạt tử hình được thể hiện trong các nghị quyết của Đảng cũng như tinh thần của Hiến pháp 2013 trong việc ghi nhận và bảo vệ quyền sống của con người và xuất phát từ việc nghiên cứu, tổng kết thực tiễn việc thi hành án tử hình ở Việt Nam. Điển hình rõ nhất là

vụ án MobiFone mua AVG, do khắc phục hậu quả nộp lại tiền đã nhận hối lộ mà ông Nguyễn Bắc Sơn lãnh án 16 năm tù về tội vi phạm các quy định về quản lý và sử dụng vốn đầu tư công gây hậu quả nghiêm trọng, tù chung thân tội nhận hối lộ và thoát án tử hình.

**Một số kiến nghị góp phần hoàn thiện pháp luật về tội phạm tham nhũng ở Việt Nam hiện nay**

*Một là*, sớm bổ sung thêm 05 hành vi tham nhũng thành tội danh tham nhũng để đảm bảo sự thống nhất giữa BLHS 2015 và Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018. Bởi vì, theo quy định tại Điều 2 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 quy định các hành vi tham nhũng trong khu vực Nhà nước do người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực Nhà nước thực hiện bao gồm 12 hành vi. Tuy nhiên, BLHS 2015 chỉ quy định 07 tội danh về tham nhũng. Cụ thể: Hành vi những nhiều vì vụ lợi; hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn để bao che cho người có hành vi vi phạm pháp luật vì vụ lợi; cản trở, can thiệp trái pháp luật vào việc giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án vì vụ lợi; có hành vi được xác định là hành vi tham nhũng theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng nhưng lại chưa có quy định chế tài hình sự và cũng không có chế tài hành chính cụ thể, riêng biệt nào để xử lý.

*Hai là*, BLHS 2015 chỉ quy định phạm vi chịu trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại đối với một số tội nhất định như các tội phạm quy định tại các điều 188, 189, 190, 191, 192, 193, 194, 195, 196, 200, 203, 209, 210, 211, 213, 216, 217, 225, 226, 227, 232, 234, 235, 237, 238, 239, 242, 243, 244, 245, 246, 300 và 324. Tuy nhiên, đối với nhóm tội phạm tham nhũng được thực hiện bởi các pháp nhân thì lại chưa đặt ra vấn đề truy cứu trách nhiệm hình sự. Trong giai đoạn hiện nay, với quá trình hội nhập quốc tế toàn cầu thì những hành vi phạm tội tham nhũng cũng đã mạnh mẽ xuất hiện và gây hậu quả nghiêm trọng đến sự phát triển kinh tế và đời sống xã hội. Chính vì vậy, trong thời gian tới, cần mở rộng phạm vi tội phạm mà pháp nhân thương

mại phải chịu trách nhiệm hình sự, đặc biệt là về tội phạm tham nhũng.

*Ba là*, tinh tiết định khung tăng nặng quy định tại điểm g khoản 2 Điều 353 “ảnh hưởng xấu đến đời sống của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan, tổ chức”; tinh tiết quy định tại điểm c khoản 3 Điều 353; điểm d khoản 3 Điều 355 “gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội”; tinh tiết quy định tại điểm b khoản 2 các Điều 353 và 355 của BLHS 2015 “dùng thủ đoạn xảo quyệt, nguy hiểm”, hiện nay chưa có hướng dẫn cụ thể, có nhiều cách hiểu khác nhau dẫn đến việc áp dụng pháp luật còn chưa thống nhất. Vì vậy, cần sớm ban hành văn bản hướng dẫn để việc áp dụng pháp luật được thống nhất giữa các cơ quan tiến hành tố tụng.

*Bốn là*, sớm có quy định cụ thể việc áp dụng các biện pháp nhằm ngăn chặn việc tẩu tán tài sản tham nhũng; nghiên cứu mô hình phù hợp để tạo sự độc lập tương đối của cơ quan thanh tra; bổ sung thêm quyền chứng minh hành vi tham nhũng cho cơ quan thanh tra; có chính sách ưu đãi đặc thù đối với các cán bộ làm công tác phòng, chống tham nhũng; sửa đổi quy định về minh bạch tài sản, thu nhập theo hướng thu hẹp đối tượng phải kê khai, tập trung vào nhóm đối tượng có chức vụ quyền hạn; quy định yêu cầu bắt buộc phải xác minh tài sản, thu nhập; mở rộng phạm vi công khai bản kê khai.

Nhìn chung, quy định pháp luật về tội phạm tham nhũng đã được điều chỉnh tương đối bao quát và đầy đủ. Tuy nhiên, thực tiễn áp dụng pháp luật trong xét xử các tội phạm về tham nhũng còn chưa phù hợp với pháp luật về phòng, chống tham nhũng và việc thực thi UNCAC, đặc biệt là trên thực tế có nhiều hành vi có tính tham nhũng, có sự liên kết giữa khu vực công và khu vực tư hoặc xảy ra trong khu vực tư nhưng chưa có quy định cụ thể. Vì vậy, để nâng cao hiệu quả phòng, chống tham nhũng trong thời gian tới, cần phải tiếp tục sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật về hình sự và các quy định pháp luật có liên quan để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của thể chế về phòng, chống tham nhũng./.



# Công an nhân dân - Lực lượng tiên phong, đi đầu trong công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng

 **Trung úy Hàn Anh Tuấn**

*Công an huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa*

**T**rong các bài viết và nói chuyện của mình, ngay từ những ngày đầu thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến việc giáo dục đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân của mỗi cán bộ, đảng viên. Trong đó, Người luôn chú ý, nhấn mạnh một cách sâu sắc, toàn diện đến vấn nạn “tham ô”, “tham nhũng”. Người cho rằng, “tham ô”, “tham nhũng” là một trong số những “bệnh”, là “thứ giặc ở trong lòng”, là “tội lỗi đê tiện nhất trong xã hội” và là một dạng “sâu mọt” hết sức nguy hiểm cần phải tiêu diệt kịp thời trong quá trình xây dựng và bảo vệ đất nước.

Hồ Chí Minh khẳng định: “Tham ô là lây của công làm của tư. Là gian lận, tham lam. Là không tôn trọng của công. Là không thương tiếc tiền gạo do mồ hôi nước mắt của đồng bào làm ra, do xương máu của chiến sĩ làm ra”<sup>(1)</sup>. Nếu chưa xóa bỏ hết được thì cách mạng chưa thành công được, vì nó ngấm ngấm chống phá cách mạng, chống phá sự nghiệp dựng xây chế độ mới của ta. Do vậy, chống tham ô, tham nhũng là rất quan trọng, “phải có chuẩn bị, có kế hoạch, có tổ chức, ắt phải có lãnh đạo và trung kiên”<sup>(2)</sup>, kết hợp chặt chẽ giữa “xây” và “chống”, phải được tất cả các cấp, các ngành quan tâm và tiến hành một cách thường xuyên, quyết liệt.



*Ảnh minh họa. Nguồn: Internet*

Thực tế cho thấy, trong những năm qua, “tình trạng tham nhũng, lãng phí vẫn còn nghiêm trọng với biểu hiện ngày càng tinh vi, phức tạp, gây bức xúc trong dư luận, ảnh hưởng đến niềm tin của Nhân dân với Đảng và Nhà nước”<sup>(3)</sup>. Tính từ đầu nhiệm kỳ Đại hội XII của Đảng đến tháng 5/2020, cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp đã thi hành kỷ luật hơn 2.370 cán bộ, đảng viên do tham nhũng, cố ý làm trái; Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ủy ban Kiểm tra Trung ương, cấp ủy có thẩm quyền xử lý kỷ luật hơn 90 cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý. Cũng trong giai đoạn từ năm 2016 đến nay, qua thanh tra, kiểm toán đã kiến nghị thu hồi, xử lý gần 455 nghìn tỷ đồng và hơn 8.100 ha đất; kiến nghị xử lý trách nhiệm gần 8.000 tập thể, cá nhân; chuyển cơ quan điều tra xử lý 409 vụ việc sai phạm.<sup>(4)</sup>

Nhận thức sâu sắc mức độ nguy hiểm và những khó khăn, thách thức trong cuộc chiến chống tham nhũng, lãng phí, trải qua các giai đoạn cách mạng, Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều chủ trương, quyết sách lớn. Đồng thời, trong các Văn kiện từ Đại hội VI đến Đại hội XII, Đảng ta tiếp tục chỉ rõ sự nguy hại của tham nhũng đến sự tồn vong của chế độ. Trong Văn kiện Đại hội XII, Đảng ta nhấn mạnh: “Xác định đấu tranh phòng, chống tham nhũng (PCTN), lãng phí là nhiệm vụ thường xuyên, quan trọng, đồng thời là nhiệm vụ khó khăn, phức tạp, lâu dài; là trách nhiệm của các cấp ủy Đảng, trước hết là người đứng đầu cấp ủy, chính quyền và của toàn bộ hệ thống chính trị”<sup>(5)</sup>.



Với vai trò nòng cốt trong sự nghiệp bảo vệ an ninh, trật tự, lực lượng Công an nhân dân (CAND) đã được Đảng, Nhà nước và Nhân dân giao trọng trách “tổ chức hoạt động điều tra tội phạm tham nhũng”<sup>(6)</sup>. Trong thời gian qua, công tác đấu tranh PCTN luôn được Đảng ủy Công an Trung ương, lãnh đạo Bộ Công an quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện. “Công tác PCTN, lãng phí, tiêu cực đã trở thành phong trào, xu thế”, từng bước được kiểm chế, ngăn chặn và đẩy lùi. Kết quả được thể hiện trên những nội dung cụ thể sau đây:

*Thứ nhất*, lực lượng CAND đã chủ động tham mưu với Đảng, Nhà nước trong lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng hệ thống pháp luật liên quan đến công tác PCTN và tổ chức thực hiện một cách nghiêm túc, thống nhất trên phạm vi cả nước; tham gia ý kiến vào dự thảo các văn bản quy phạm pháp luật, những bất cập về cơ chế, chính sách pháp luật liên quan đến PCTN; ban hành các chủ trương, giải pháp để nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm tham nhũng. Chủ động tham mưu, đề xuất kiện toàn tổ chức và hoạt động của bộ máy các cơ quan điều tra CAND đảm bảo thống nhất, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

*Thứ hai*, chủ trì, phối hợp với các cấp, các ngành trong việc nâng cao hiệu quả công tác PCTN; tích cực phối hợp với các cơ quan, đơn vị trong xây dựng kế hoạch, chương trình đấu tranh PCTN; phối hợp tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN; phối hợp với các cơ quan, đơn vị trong việc tăng cường thanh tra, kiểm tra PCTN; phối hợp chặt chẽ với các bộ, ban, ngành trong việc triển khai các biện pháp phòng ngừa xã hội đối với tội phạm tham nhũng.

*Thứ ba*, tổ chức phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh ngăn chặn, điều tra xử lý các vụ án tham nhũng theo quy định của pháp luật.

Thời gian vừa qua, lực lượng CAND đã thực hiện nhiều biện pháp phòng ngừa tham nhũng. Chú trọng việc công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan, đơn vị; thực hiện nghiêm các quy định của

Đảng và Chính phủ về minh bạch tài sản, thu nhập; các chỉ thị của Đảng, Nhà nước và của Bộ Công an về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Đẩy mạnh công tác cải cách hành chính nhằm đơn giản hóa các thủ tục hành chính cho Nhân dân cũng như việc ngăn ngừa PCTN, lãng phí.

Trong công tác điều tra, xử lý tội phạm về tham nhũng, lực lượng CAND đã tập trung chỉ đạo quyết liệt công tác điều tra, xử lý tội phạm về kinh tế, tham nhũng; nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác nghiệp vụ cơ bản của lực lượng cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế; góp phần đảm bảo trật tự quản lý kinh tế và an sinh xã hội, được Nhân dân ủng hộ. Năm 2019, số vụ án, số bị can phát hiện khởi tố mới đều tăng so với năm 2018. Cơ quan điều tra trong CAND đã thụ lý điều tra 520 vụ án, 1.218 bị can phạm tội về tham nhũng, trong đó khởi tố mới 304 vụ, 724 bị can (tăng 6 vụ, 177 bị can so với cùng kỳ năm 2018).<sup>(7)</sup>

*Thứ tư*, công tác thông tin, tuyên truyền, giáo dục về PCTN luôn được Đảng ủy Công an Trung ương, lãnh đạo Bộ Công an quan tâm, triển khai thực hiện một cách quyết liệt và đi vào chiều sâu, góp phần kịp thời định hướng dư luận xã hội, định hướng tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và quần chúng Nhân dân. Các cơ quan báo chí trong CAND đã xây dựng kế hoạch viết bài, đưa tin tuyên truyền kết quả xử lý các vụ án tham nhũng, biểu dương kịp thời các gương người tốt, việc tốt, những tập thể, cá nhân điển hình tiên tiến trong công tác đấu tranh PCTN.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, công tác đấu tranh PCTN của lực lượng CAND vẫn còn một số hạn chế nhất định. Ý thức, trách nhiệm của một bộ phận cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu về thực hiện nhiệm vụ công tác PCTN chưa cao. Công tác phối hợp về PCTN, nhất là trong phát hiện, đấu tranh xử lý hành vi tham nhũng còn hạn chế, có vụ án để kéo dài. Việc tự kiểm tra, giám sát phát hiện tham nhũng, giải quyết tố cáo trong nội bộ chưa được quan tâm đúng mức, còn biểu hiện né tránh, ngại va chạm. Mặc dù lực lượng CAND đã có nhiều cố gắng, song tiến

độ điều tra một số vụ án tham nhũng, đặc biệt là những vụ án lớn, phức tạp còn chậm so với mục tiêu, kế hoạch đề ra, chất lượng điều tra còn hạn chế, số lượng án tồn đọng vẫn tồn tại. Việc thực hiện một số biện pháp phòng ngừa tham nhũng còn mang tính hình thức, chưa thường xuyên, đồng bộ, hiệu quả thấp, nhất là việc kê khai tài sản của cán bộ, đảng viên. Việc huy động lực lượng đông đảo của Nhân dân cũng như sự tham gia của lực lượng báo chí vào cuộc đấu tranh chống tham nhũng chưa được quan tâm đúng mức.

Trước tình hình đó, để góp phần nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng, chống tội phạm tham nhũng, đồng thời, với quyết tâm trở thành lực lượng tiên phong, đi đầu trong đấu tranh PCTN, thời gian tới, lực lượng CAND cần tập trung làm tốt một số nội dung trọng tâm sau đây:

*Một là*, tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với lực lượng CAND nói chung và công tác đấu tranh PCTN nói riêng. Do đó, lực lượng CAND cần phải luôn nhận thức sâu sắc, đầy đủ, toàn diện, quán triệt nghiêm túc các chủ trương, đường lối của Đảng về công tác đấu tranh PCTN. Tăng cường sự quản lý, kiểm tra, giám sát của các cấp ủy Đảng trong CAND đối với công tác đấu tranh PCTN. Đồng thời, cần phát huy hơn nữa vai trò, trách nhiệm và tính tiên phong, gương mẫu của cấp ủy, lãnh đạo, chỉ huy các đơn vị trong việc chỉ đạo, thực hiện nhiệm vụ PCTN.

*Hai là*, nâng cao hiệu quả công tác tham mưu với Đảng, Nhà nước về công tác đấu tranh PCTN. Thời gian tới, lực lượng CAND cần chú trọng tham mưu, đề xuất, kiến nghị sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện thể chế và những sơ hở trong thực hiện các cơ chế, chính sách đã có về quản lý kinh tế, xã hội, cải cách hành chính, trọng tâm là hệ thống pháp luật về PCTN, tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho hoạt động phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm tham nhũng và tăng cường hoạt động giám sát của Quốc hội, hội đồng nhân dân các cấp đối với hoạt động điều tra, truy tố, xét xử tội phạm tham nhũng. Đây được xem là một nhiệm vụ chiến lược, “là khâu đột phá



quan trọng, tạo động lực để phát triển nhanh và bền vững”<sup>(8)</sup>, góp phần quan trọng vào việc đề xuất các giải pháp, kiến nghị nhằm phát huy vai trò của lực lượng CAND trong đấu tranh phòng, chống tội phạm tham nhũng.

*Ba là*, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, ban, ngành trong việc triển khai các biện pháp phòng ngừa xã hội đối với tội phạm tham nhũng, đặc biệt là phối hợp trong việc nắm tình hình, điều tra cơ bản, phát hiện sớm các hành vi tham nhũng tiêu cực, tiếp nhận kịp thời tin báo, tin tố giác về tội phạm tham nhũng. Chú trọng xây dựng và thực hiện có hiệu quả quy chế phối hợp giữa lực lượng CAND với Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ban Nội chính Trung ương, để thực hiện tốt các quy định của Đảng, Nhà nước trong việc phòng ngừa và đấu tranh những vụ, việc tham nhũng.

*Bốn là*, nâng cao chất lượng công tác nghiệp vụ cơ bản, chủ động nắm chắc tình hình, nhất là tình hình thực hiện các chương trình, dự án xây dựng, khai thác khoáng sản, lâm sản, kinh tế ngân hàng, quản lý đất đai... Tăng cường chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc nâng cao hiệu quả phát hiện, điều tra án tham nhũng với quyết tâm “không có vùng cấm”, “không có ngoại lệ”, “không còn hạ cánh an toàn”, “rõ đến đâu xử lý đến đó”, “rất nghiêm minh nhưng cũng rất nhân văn” trong đấu tranh chống tội phạm tham nhũng. Đẩy nhanh tiến độ điều tra các vụ án tham nhũng đã khởi tố, kịp thời tham mưu, đề xuất xử lý nghiêm các vụ án tham nhũng, hạn chế thấp nhất việc trả lại hồ sơ vụ án để điều tra bổ sung.

*Năm là*, tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 12/CT-BCA ngày 28/9/2011 của Bộ trưởng Bộ Công an về tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, ngăn chặn, chấn chỉnh, xử lý vi phạm và các hiện tượng tiêu cực trong thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, chiến sĩ CAND; tập trung vào những lĩnh vực dễ phát sinh tiêu cực, tham nhũng, nơi có nhiều dư luận phản ánh, đơn thư tố cáo, có trọng tâm, trọng điểm.

*Sáu là*, phát huy vai trò của quần chúng Nhân dân trong đấu tranh PCTN. Đồng thời, cần tiếp tục tuyên truyền, phổ biến, giáo dục đến Nhân dân về các chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước; giám sát, phát hiện, thông tin, phản ánh, tố cáo hành vi tham nhũng. Chủ động, kịp thời tham mưu cho cấp ủy, chính quyền giải quyết kịp thời những vấn đề bức xúc trong Nhân dân trên cơ sở tôn trọng những quy định của pháp luật và đáp ứng nguyện vọng chính đáng của Nhân dân; khắc phục tình trạng mệnh lệnh hóa, hành chính hóa, quan liêu, xa rời quần chúng Nhân dân.

*Bảy là*, chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác PCTN vừa hồng, vừa chuyên, vừa có đức, vừa có tài, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ./.

**Chú thích:**

- (1), (2) Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.7, tr.296-297; t.6, tr. 490;
- (3), (5) Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, tr.185; tr. 211;
- (4) Phan Đình Trạc (2020), Một số vấn đề về PCTN thời gian qua, Trang thông tin điện tử tổng hợp Ban Nội chính Trung ương. <https://noichinh.vn/nguyen-cuu-trao-doi/202008/mot-so-van-de-ve-phong-chong-tham-nhung-thoi-gian-qua-308377>;
- (6) Khoản 3, Điều 84, Luật PCTN năm 2018;
- (7) <http://cand.com.vn/Hoat-dong-LL-CAND/Luc-luong-Cong-an-quyet-tam-thuc-hien-hieu-qua-nhiem-vu-phong-chong-tham-nhung-lang-phi-583586>;
- (8) Đảng Cộng sản Việt Nam (2017), Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa XII, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, tr. 27.

**EM VẪN LÀ EM**

Em vẫn là em  
 Năm mươi năm về trước  
 Khuôn mặt em  
 Thời gian không xóa được!

Em vẫn là em  
 Cô gái nhà bên  
 Trên đường đi học  
 Cái nhìn lặng lẽ trao nhau

Em vẫn là em  
 Em vẫn là cô gái  
 Mười tám đôi mươi  
 Đôi mắt ngây thơ, nhí nhảnh em cười

Em vẫn là em  
 Tay nắm bàn tay  
 Tình yêu đích thực  
 Như thủy triều, ngày ngắt men say

Em vẫn là em  
 Ơi! Quên sao được?  
 Có chiều nghe thuyền ai kéo giây  
 Trên triều dâng ngắm dòng sông chảy

Em vẫn là em  
 Vẫn là người anh thương nhớ  
 Giờ em ở đâu?  
 Hay đã là người của ngàn sau!

Em vẫn là em  
 Em! Không là dĩ vãng  
 Khuôn mặt em  
 Thời gian không xóa được!

**Đào Hanh**





# Phối hợp để giám sát và nâng cao hiệu quả việc giải quyết khiếu nại, tố cáo ở cơ sở

 Lan Anh



**C**ương trình phối hợp giữa Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (MTTQVN), Thanh tra Chính phủ, Bộ Tư pháp, Hội Luật gia Việt Nam và Liên đoàn Luật sư Việt Nam về giám sát và nâng cao hiệu quả việc giải quyết khiếu nại, tố cáo ở địa phương, cơ sở đã giúp công dân hiểu rõ về quyền và nghĩa vụ khi thực hiện

quyền khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh, cũng như tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

### **Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác trợ giúp pháp lý của luật sư**

Tiếp tục phát huy hiệu quả tích cực từ Chương trình phối hợp số 01-CTPH/MTTQ-TTCP-BTP-HLG-LĐLSVN, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQVN, Thanh tra Chính phủ, Bộ Tư pháp, Hội Luật gia Việt

Nam và Liên đoàn Luật sư Việt Nam đã ký Chương trình phối hợp số 02-CTPH/MTTQ-TTCP-BTP-HLG-LĐLS ngày 11/10/2018 về giám sát và nâng cao hiệu quả việc giải quyết khiếu nại, tố cáo ở địa phương, cơ sở. Chương trình này đã góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác trợ giúp pháp lý của luật sư cho công dân khi công dân thực hiện việc khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh tại Trụ sở Tiếp công dân Trung ương.





Sự tham gia của luật sư vào quá trình khiếu nại của người dân đã được quy định tại Điều 12 và Điều 16 của Luật Khiếu nại, theo đó: *“Người khiếu nại có quyền nhờ luật sư tư vấn về pháp luật hoặc ủy quyền cho luật sư khiếu nại để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình”*.

Trong năm 2020, Ban Tiếp công dân Trung ương đã tổ chức cho 115 luật sư tư vấn pháp luật miễn phí tại Trụ sở Tiếp công dân Trung ương tại thành phố Hà Nội với 217 vụ việc, qua đó giúp công dân hiểu rõ về quyền và nghĩa vụ khi thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh, cũng như tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Có các đoàn đông người đến Trụ sở khiếu kiện về các lĩnh vực đất đai như thu hồi đất, đền bù, cưỡng chế, cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất, chính sách đãi ngộ đối với người có công... trong đó có nhiều vụ đã tồn đọng khiếu kiện kéo dài. Bình quân mỗi ngày 01 luật sư tư vấn 1- 2 vụ cho các công dân.

Để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác trợ giúp pháp lý của luật sư cho người khiếu nại, tố cáo, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQVN đã phối hợp với Thanh tra Chính phủ, Bộ Tư pháp, Liên đoàn Luật sư Việt Nam, Hội Luật gia Việt Nam tổ chức nhiều đợt tập huấn với chuyên đề *“công tác luật sư, luật gia tham gia trợ giúp pháp lý miễn phí cho công dân tại Trụ sở Tiếp công dân Trung ương”* nhằm đánh giá những kết quả đạt được, giải quyết những vướng mắc và đưa ra kế hoạch thực hiện trong thời gian tiếp theo.

Thời gian vừa qua, Chương trình phối hợp tiếp tục được thực hiện, Ủy ban Trung ương MTTQVN giao cho Liên đoàn Luật sư Việt Nam trợ giúp pháp lý tại Trụ sở Tiếp công dân Trung ương tại thành phố Hà Nội, theo đó, Liên đoàn Luật sư Việt Nam cử 169 luật sư thuộc các Đoàn Luật sư: Hà

Nội, Hải Phòng, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh và Hà Nam luân phiên tham gia trợ giúp pháp lý miễn phí cho công dân tại Trụ sở Tiếp công dân Trung ương.

Qua hoạt động tư vấn pháp luật của luật sư giúp người dân hiểu được quyền và nghĩa vụ của người khiếu nại, tố cáo, thẩm quyền cũng như trình tự giải quyết theo quy định của pháp luật. Từ đó người dân hiểu rõ vụ việc của mình, gửi đơn đến đúng cơ quan có thẩm quyền giải quyết, tránh mất thời gian, công sức và tiền của mà vẫn bảo vệ được quyền và lợi ích hợp pháp của họ. Khi người dân được luật sư tư vấn, giải thích cặn kẽ những bản khoản, thắc mắc thì đều cởi mở hơn trong việc giải bày những khó khăn, vướng mắc, thái độ tiếp nhận mạnh dạn hơn khi tiếp xúc với cơ quan Nhà nước. Việc tham gia tư vấn pháp luật miễn phí của luật sư đảm bảo được sự khách quan đã làm người dân tin tưởng, hiểu được việc của mình phải làm và phải đi đến đâu để được giải quyết, được bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp theo đúng quy định của pháp luật.

Đồng thời, thông qua việc tư vấn pháp luật miễn phí cho người dân, các luật sư cũng đã phát hiện được một số vấn đề vướng mắc trong quá trình giải quyết của các cơ quan có thẩm quyền chưa phù hợp với quy định của pháp luật; từ đó có kiến nghị với lãnh đạo các cơ quan Nhà nước về hướng giải quyết đối với một số vụ việc cụ thể mà công dân khiếu kiện kéo dài. Hơn nữa khi tham gia trợ giúp pháp lý cho người dân, chính các luật sư cũng có điều kiện để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của mình và ý thức trách nhiệm của mình trong việc phục vụ cộng đồng.

Ngoài việc tư vấn các vụ việc cụ thể các luật sư còn tuyên truyền pháp luật cho công dân về quyền, nghĩa vụ của công dân và trách nhiệm của các cơ quan chức năng

trong khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại tố cáo cũng như tham gia tố tụng hành chính... Việc giải thích, tuyên truyền pháp luật cho công dân giúp giảm thiểu những đơn thư khiếu nại, tố cáo không có căn cứ, không đúng quy định, góp phần giảm tải bức xúc của người khiếu kiện tại Trụ sở, ổn định trật tự, an toàn xã hội.

### **Góp phần “hạ nhiệt”, “giảm sức nóng”, giảm mức độ gay gắt, bức xúc của công dân khiếu kiện**

Qua Chương trình phối hợp số 01-CTPH/MTTQ-TTTP-BTP-HLG-LĐLSVN và 02-CTPH/MTTQ-TTTP-BTP-HLG-LĐLS ngày 11/10/2018, ở một mức độ nào đó, hoạt động tư vấn miễn phí của luật sư cho người khiếu kiện tại Trụ sở Tiếp công dân Trung ương đã đạt được những kết quả thiết thực, góp phần “hạ nhiệt”, “giảm sức nóng”, giảm mức độ gay gắt, bức xúc của công dân khiếu kiện tại các vụ việc đông người, phức tạp; góp phần ổn định tình hình, góp phần giữ vững an ninh - trật tự, an toàn xã hội trong suốt thời gian vừa qua, đảm bảo thành công của Đại hội Đảng bộ các cấp tại địa phương, Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng. Tuy nhiên, theo luật sư Nguyễn Doãn Hùng, Giám đốc Công ty Luật HTC Việt Nam - Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội, người đã trực tiếp tư vấn pháp lý cho các công dân tại Trụ sở Tiếp công dân Trung ương, thì công tác trợ giúp pháp lý của luật sư cho người khiếu nại, tố cáo còn những khó khăn, hạn chế nhất định như:

Đối tượng trợ giúp pháp lý thường là những cá nhân, công dân khiếu nại về quyền và lợi ích của họ mà đã được các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giải quyết nhưng họ không đồng ý với những kết quả giải quyết đó, vụ việc thường được giải quyết qua nhiều cấp, thời gian kéo dài, tính chất vụ việc phức tạp, không đơn thuần là một quan hệ pháp lý hành chính, dân sự,



đắt đai hay các quan hệ pháp lý nào đó, có thể một vụ việc có tới 2 hoặc 3 quan hệ pháp lý đan xen. Chính vì vậy, sau một thời gian ngắn, luật sư khó có thể đưa ra những tư vấn pháp lý thiết thực hơn với người dân. Ở mức độ nào đó, người dân có thể hiểu thêm về quyền, nghĩa vụ của mình nhưng để họ chấp nhận tư vấn pháp lý của luật sư cũng còn hạn chế.

Bên cạnh đó, sự trợ giúp pháp lý của luật sư tại Trụ sở Tiếp công dân Trung ương chỉ trong một ngày, luật sư lại không được tiếp cận hồ sơ từ trước nên rất khó nghiên cứu hồ sơ tìm ra bản chất vụ việc và tìm ra các biện pháp tư vấn pháp lý. Luật sư luôn sẵn sàng tư vấn, hướng dẫn cho người dân nhưng để có những tư vấn thiết thực và hiệu quả đảm bảo quyền lợi chính đáng của dân thì đòi hỏi luật sư phải có kiến thức chuyên môn vững và có bề dày kinh nghiệm về thực tiễn.

Không chỉ vậy, do thiếu cơ chế phối hợp, cung cấp thông tin về tiếp nhận, phân loại, xử lý, giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo của công dân nên có tình trạng nhiều đơn thư khiếu nại, tố cáo đã được giải quyết, quyết định giải quyết đã có hiệu lực pháp luật nhưng các luật sư không nắm được vì vậy đã tiếp nhận, hướng dẫn, chuyển đơn tới các cơ quan chức năng. Hoặc một số vụ việc người dân hỏi các luật sư khác nhau dẫn đến có mâu thuẫn giữa các nội dung hướng dẫn đã được luật sư tư vấn.

Khi được luật sư tư vấn, nhiều công dân đã yêu cầu tiếp nhận hồ sơ để nghiên cứu vụ việc cụ thể hơn. Tuy nhiên, để đảm bảo cho các luật sư không lợi dụng việc tư vấn miễn phí tại Trụ sở để tìm kiếm khách hàng, Liên đoàn Luật sư Việt Nam yêu cầu các luật sư không nhận hồ sơ của công dân. Chính vì vậy một số công dân cho rằng luật sư không tôn trọng họ, có thái độ gây bức xúc, làm ảnh hưởng đến uy tín của luật sư.

Người dân khiếu nại, tố cáo tại Trụ sở Tiếp công dân Trung ương không chỉ có 1-2 người tham gia mà có rất nhiều vụ việc với sự tham gia của số đông người. Do đó sự trợ giúp pháp lý của luật sư tại Trụ sở Tiếp công dân Trung ương cũng gặp khó khăn khi phải tiếp rất nhiều người dân đến khiếu nại, tố cáo.

Ngoài ra, một số vụ việc khiếu nại, tố cáo phức tạp, kéo dài có một phần nguyên nhân từ việc thực thi pháp luật của cán bộ, công chức. Chính vì vậy, còn có cơ quan, kể cả thủ trưởng, kỳ thị với người khiếu kiện, thậm chí kỳ thị cả luật sư tham gia tiếp dân, nhiều nơi rất sợ luật sư tham gia tiếp dân.

### **Luật sư cần phải có tâm và nắm chắc nội dung vụ việc**

Hiển kể để hoạt động trợ giúp pháp lý của luật sư cho người khiếu nại, tố cáo đạt hiệu quả hơn, luật sư Trần Thị Thanh Thủy, Công ty Luật HTC Việt Nam - Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội cho rằng, cần thực hiện một số giải pháp sau:

Đầu tiên, cần tiếp tục thực hiện Chương trình phối hợp số 02-CTPH/MTTQ-TTCP-BTP-HLG-LĐLS ngày 11/10/2018 về giám sát và nâng cao hiệu quả việc giải quyết khiếu nại, tố cáo ở cơ sở. Đồng thời tổng kết và nhân rộng mô hình luật sư tư vấn pháp luật miễn phí cho người khiếu kiện tại trụ sở tiếp công dân ở các địa phương. Tiếp đến, cần có sự phối hợp chặt chẽ hơn giữa Trụ sở Tiếp công dân Trung ương và Liên đoàn Luật sư trong việc thông tin sớm những vụ việc phức tạp, đông người, khiếu kiện kéo dài tại Trụ sở để các luật sư hiểu rõ hơn vụ việc, chủ động trong quá trình giải thích, tư vấn cho người dân.

Đồng thời, cần lựa chọn một số vụ việc phức tạp kéo dài, người dân đã đi nhiều cấp, nhiều cơ quan từ đó Liên đoàn Luật sư sẽ thành lập một nhóm, tổ công

tác để có thể nghiên cứu, xem xét kỹ những vụ việc này. Hội đồng tư vấn sẽ đưa ra những lời tư vấn không chỉ cho người dân mà cả cơ quan Nhà nước cần phải giải quyết vụ việc như thế nào để giải quyết dứt điểm, tạo lập niềm tin của người dân.

Dưới góc độ cá nhân của luật sư tham gia tư vấn pháp lý, thì phải có thái độ dứt khoát trong quá trình tiếp, hướng dẫn người dân. Nếu người dân đúng phải cương quyết bảo vệ. Còn nếu người dân sai, không đúng hoặc là hết thẩm quyền thì cần giải thích dứt điểm, rõ ràng cho người dân để họ biết được rằng vụ việc của họ đã được giải quyết đúng quy định của pháp luật.

Mặt khác, luật sư tham gia tư vấn miễn phí cho người dân tại Trụ sở Tiếp công dân Trung ương cần phải có tâm, nắm chắc bản chất vụ việc, bình tĩnh trong quá trình tư vấn, tránh để xảy ra xung đột với người dân. Tuyệt đối không để xảy ra tình trạng luật sư gọi ý, mời người khiếu nại về văn phòng luật sư của mình để hình thành hợp đồng tư vấn.

Cũng theo luật sư Trần Thị Thanh Thủy, một vấn đề quan trọng để nâng cao hiệu quả công tác tư vấn pháp lý cho công dân thì, Liên đoàn Luật sư Việt Nam cần tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng, trao đổi rút kinh nghiệm thực tiễn cho các luật sư tham gia tiếp công dân tại Trụ sở Tiếp công dân Trung ương để nâng cao hơn nữa trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tiễn, từ đó có những tư vấn thiết thực và hiệu quả hơn cho người khiếu kiện. Đồng thời, cần tăng cường quản lý, giáo dục đạo đức nghề nghiệp, phòng ngừa, hạn chế những trường hợp lợi dụng nghề nghiệp luật sư vi phạm đạo đức nghề nghiệp làm cho việc giải quyết khiếu nại, tố cáo thêm phức tạp./.



# QUẢN LÝ LAO ĐỘNG NƯỚC NGOÀI Ở NƯỚC TA HIỆN NAY VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA

 Ths. Phan Thị Lam Hồng

**Q**úa trình hội nhập đã và đang tạo ra dòng dịch chuyển lao động giữa các quốc gia trên thế giới. Là một quốc gia đang phát triển, Việt Nam là nơi thu hút nhiều lao động từ các quốc gia khác nhau. Việc gia tăng nguồn lao động nước ngoài, bên cạnh những tác động tích cực thì cũng để lại không ít những hệ lụy, ảnh hưởng đến việc quản lý các đối tượng này. Bài viết dưới đây tập trung làm rõ thực trạng quản lý lao động nước ngoài ở nước ta hiện nay, nêu rõ những hạn chế, bất cập và đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý lao động nước ngoài trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

## 1. Quan niệm lao động nước ngoài và quản lý lao động nước ngoài

### a) Khái quát về lao động nước ngoài

Lao động nước ngoài được hiểu là người lao động có quốc tịch nước khác hoặc người không có quốc tịch, đến làm việc tại quốc gia sở tại, trong đó có Việt Nam. Nói cách khác, đó là người lao động trong độ tuổi lao động, đang sống và làm việc trên lãnh thổ Việt Nam nhưng không mang quốc tịch Việt Nam. Mỗi quốc gia có thể đưa lao động nước ngoài ra nước ngoài làm việc, đồng thời, chấp nhận lao động nước ngoài vào làm việc tại nước mình. Những lao



động nước ngoài đến làm việc tại một quốc gia còn được gọi là “lao động di trú<sup>(1)</sup>”.

### b) Khái niệm quản lý lao động nước ngoài

Theo nghĩa chung nhất, quản lý lao động nước ngoài là một quá trình tác động của chủ thể quản lý (cơ quan Nhà nước) vào quan hệ lao động giữa một bên là người sử dụng lao động và một bên là người lao động không phải là công dân nước sở tại, làm việc tại nước sở tại có hoặc không hưởng lương trong một khoảng thời gian nhất định.

Nội dung quản lý Nhà nước đối với lao động nước ngoài bao gồm: (i) Thiết lập hệ thống tổ chức quản lý lao động nước ngoài;

(ii) Ban hành chính sách, các quy tắc pháp luật và các tiêu chuẩn liên quan tới quản lý lao động nước ngoài, trong đó trọng tâm là quy trình thủ tục quản lý lao động nước ngoài; (iii) Các biện pháp quản lý lao động nước ngoài như vấn đề cấp giấy phép lao động (cấp mới, cấp lại); xử lý vi phạm đối với lao động nước ngoài (như thu hồi giấy phép; trục xuất; xử phạt hành chính...). Ngoài ra, nội dung quản lý Nhà nước về lao động nước ngoài còn được nhấn mạnh ở khía cạnh Nhà nước áp dụng các biện pháp để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của lao động nước ngoài.

## 2. Thực trạng quản lý lao động nước ngoài hiện nay



## 2.1. Thực trạng lao động nước ngoài tại Việt Nam

Thị trường lao động mở cửa đã thu hút không ít người nước ngoài vào Việt Nam làm việc, là tín hiệu tốt trong việc hội nhập thị trường lao động thế giới. Theo thống kê của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội<sup>(2)</sup>, số lượng lao động nước ngoài tại Việt Nam trong 5 năm gần đây diễn biến như sau: Năm 2013 là 72.172 người, năm 2014 là 76.309 người, năm 2015 là 83.585 người, năm 2016 là 83.044 người và năm 2017 là 81.359 người. Trong đó, cơ cấu lao động được phân chia thành các nhóm sau: Nhóm lao động là chuyên gia; nhóm lao động là nhà quản lý; nhóm “giám đốc điều hành”; nhóm lao động kỹ thuật và nhóm lao động khác.

Về người lao động nước ngoài ở khu vực biên giới Việt Nam, theo báo cáo của Bộ Quốc phòng<sup>(3)</sup> từ năm 2012 đến năm 2017 có khoảng 8 triệu lượt người nước ngoài nhập cảnh vào Việt Nam và có khoảng 8,1 triệu lượt người xuất cảnh qua tuyến biên giới đất liền, tuyến cửa khẩu cảng biển. Trong đó, qua kiểm tra có 10.508 người thuộc diện cấm xuất, nhập cảnh; số bị bắt, xử lý trong 30 vụ thì có 31 người chủ yếu là đối tượng bị truy nã; xuất - nhập cảnh trái phép là 157 vụ/ 721 người; có 898 người bị xử phạt vi phạm hành chính. Thống kê từ năm 2013 đến năm 2017 có 25.400 người nước ngoài thuộc 37 quốc tịch hoạt động ở khu vực biên giới. Trong đó, nhiều nhất là Trung Quốc (5.202 người), sau đó là Hàn Quốc (3.541 người), Philipin (3.479 người), Nhật Bản (2.972 người), Ấn Độ (1.982 người). Có nhiều người nước ngoài đã kết hôn với người Việt Nam, trong đó 70% kết hôn không có giá thú.

Thực tế trên cho thấy, bên cạnh số lao động được cấp phép, tình trạng lao động nước ngoài bất hợp pháp vào nước ta đang rõ lên, cho thấy việc quản lý còn nhiều bất cập. Do đó, trong phạm vi quan hệ lao

động, từ khi có nhu cầu sử dụng, đến tuyển dụng, sử dụng lao động nước ngoài cần được quản lý.

## 2.2. Thực tiễn quản lý lao động nước ngoài tại Việt Nam hiện nay

Việc quản lý lao động nước ngoài tại Việt Nam được thực hiện trên những bình diện khác nhau, có thể phân loại như sau:

*Thứ nhất*, quản lý người lao động nước ngoài làm việc chính thức tại Việt Nam: Người lao động được cấp phép làm việc hoặc thuộc diện điều chỉnh của Bộ luật Lao động, các văn bản hướng dẫn thi hành Bộ luật Lao động: Nghị định số 11/2016/NĐ-CP; Nghị định số 87/2014/NĐ-CP ngày 22/9/2014 của Chính phủ về thu hút cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ là người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài tham gia hoạt động khoa học và công nghệ tại Việt Nam; Thông tư số 24/2015/TT- BLĐTBXH ngày 13/7/2015 quy định chi tiết thi hành Khoản 6 Điều 14 của Nghị định số 87/2014/NĐ-CP ngày 22/9/2014 của Chính phủ về thu hút cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ là người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài tham gia hoạt động khoa học và công nghệ tại Việt Nam.

*Thứ hai*, quản lý người lao động nước ngoài làm việc phi chính thức tại Việt Nam: Những người nước ngoài đi du lịch, học tập, nghiên cứu... tham gia lao động tại Việt Nam (giảng dạy ngoại ngữ, tư vấn...). Người nước ngoài qua cửa khẩu hoặc vượt qua biên giới vào làm việc kiếm sống ở Việt Nam (biên giới trên đất liền Việt Nam với Trung Quốc, Lào, Campuchia).

*Về công tác quản lý người lao động nước ngoài ở Việt Nam*: Theo quy định của pháp luật, việc quản lý lao động nước ngoài tại Việt Nam được giao cho các cơ quan có thẩm quyền. Các biện pháp quản lý lao động nước ngoài tại Việt Nam được áp dụng gồm:

+ *Xây dựng, ban hành chính sách, pháp luật*: Pháp luật đã quy định khá rõ nội dung quản lý lao động nước ngoài thông qua Bộ luật Lao động (năm 2012), Luật Xử lý vi phạm hành chính (năm 2012), Luật Đấu thầu (năm 2013), Luật Xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam (năm 2014); Nghị định số 11/2016/NĐ-CP ngày 03/02/2016, các văn bản hướng dẫn thi hành Bộ luật Lao động, Luật Đấu thầu... trong đó có quy định về lao động nước ngoài tại Việt Nam. Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành cũng đã ban hành nhiều văn bản quy định, hướng dẫn, chỉ đạo công tác tuyển chọn, sử dụng, quản lý lao động nước ngoài nhằm bảo đảm vừa đáp ứng nhu cầu nhân lực của các doanh nghiệp, tổ chức, vừa bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người lao động. Đồng thời, bảo đảm hiệu quả công tác quản lý người nước ngoài tại Việt Nam.

Như vậy, nhìn một cách tổng quát, hệ thống pháp luật về người lao động nước ngoài tại Việt Nam đã có sự phát triển và được dần hoàn thiện. Các văn bản hướng dẫn thực hiện quản lý lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam được bổ sung, hoàn chỉnh theo hướng chủ động và tăng cường quản lý.

+ *Tiến hành tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, tập huấn* cho cán bộ ngành Lao động - Thương binh và Xã hội cũng như các cơ quan, tổ chức có liên quan về lao động nước ngoài.

+ *Xem xét chấp thuận nhu cầu sử dụng lao động nước ngoài*: Theo pháp luật hiện hành, người sử dụng lao động chỉ được tuyển chọn, sử dụng lao động nước ngoài tại Việt Nam đối với những vị trí công việc mà người lao động Việt Nam không thể đảm nhiệm, quá trình tuyển dụng không đáp ứng nhu cầu nhân lực của người sử dụng lao động. Trong trường hợp đó, người sử dụng lao động lập báo cáo giải trình về nhu cầu sử dụng mà người lao động Việt Nam không



đáp ứng gửi chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Đây là một trong những biện pháp quản lý với mục tiêu bảo vệ việc làm cho lao động trong nước, tránh tình trạng cạnh tranh với lao động nước ngoài, nhất là lao động phổ thông<sup>(4)</sup>.

+ *Cấp giấy phép lao động*: Theo thống kê của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, số lao động nước ngoài được cấp giấy phép lao động qua các năm như sau: Năm 2013 là 43.336/65.269 người (chiếm 66,31%); năm 2014 là 55.263/70.699 người (chiếm 78,16%); năm 2015 là 73.534/77.909 người (chiếm 94,38%); năm 2016 là 72.293/76.467 (chiếm 94,54%); năm 2017 là 69.863/74.942 người (chiếm 93,22%).

Ứng dụng công nghệ thông tin trong cấp giấy phép lao động theo tinh thần Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử, thực hiện việc cấp giấy phép lao động cho lao động nước ngoài qua mạng điện tử, tính đến tháng 3 năm 2018 đã có 41 tỉnh, thành phố trong cả nước triển khai phần mềm cấp giấy phép lao động cho lao động nước ngoài qua mạng điện tử.

Hầu hết các doanh nghiệp, tổ chức sử dụng người lao động nước ngoài thực hiện đúng quy định của pháp luật về lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam. Lực lượng lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam là chuyên gia, nhà quản lý, giám đốc điều hành và lao động kỹ thuật đã bổ sung đáng kể nguồn nhân lực có chuyên môn kỹ thuật, kinh nghiệm quản lý điều hành, kỹ năng làm việc chuyên nghiệp theo tiêu chuẩn quốc tế mà lao động Việt Nam chưa đáp ứng được.

#### *Những hạn chế, bất cập*

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc quản lý lao động nước ngoài ở nước ta còn một số hạn chế, bất cập, cụ thể như sau:

*Một là*, hệ thống pháp luật về quản lý lao động nước ngoài tại Việt Nam còn nhiều quy định chưa bảo đảm tính khả thi, như: (i) Chưa có văn bản luật riêng về lao động nước ngoài tại Việt Nam; (ii) Quy định về góp vốn của doanh nghiệp đầu tư để xác định trường hợp không thuộc diện cấp phép lao động cho lao động nước ngoài khi họ là chủ đầu tư, chủ doanh nghiệp; (iii) Thiếu quy định phù hợp về trường hợp sử dụng lao động nước ngoài của nhà thầu nước ngoài tại Việt Nam; (iv) Đơn giản hoá thị thực nhập cảnh; (v) Tăng chế tài xử lý vi phạm của lao động nước ngoài; (vi) Việc xây dựng và chia sẻ thông tin trong quản lý lao động nước ngoài; (vii) Thiếu các quy định riêng quy định về quyền, nghĩa vụ của người lao động nước ngoài tại Việt Nam.

*Hai là*, vẫn còn tình trạng địa phương chấp thuận cho doanh nghiệp đưa lao động nước ngoài vào làm việc với mục tiêu thu hút đầu tư. Sự “đánh đổi” đó tạo nên sự thiếu thống nhất trong thẩm định, đánh giá, chấp thuận sử dụng lao động nước ngoài giữa các địa phương.

*Ba là*, bên cạnh số lượng lao động được cấp phép thì số lao động không được cấp giấy phép lao động vẫn còn nhiều: Năm 2013 là 6.903 người, năm 2014 là 5.610 người, năm 2015 là 5.676 người, năm 2016 là 6.577 người, năm 2017 là 6.417 người<sup>(5)</sup>.

*Bốn là*, hiện nay chưa có quy định về việc quản lý lao động nước ngoài làm việc trong các tổ chức chính trị - xã hội.

*Năm là*, công tác phối hợp, thông tin giữa các bộ, ngành, địa phương chưa được coi trọng, thiếu chủ động, còn chông chéo; công tác nắm tình hình cư trú của người nước ngoài còn hạn chế, chủ yếu thông qua báo cáo...

*Sáu là*, ý thức chấp hành pháp luật của một số nhà thầu, doanh nghiệp và người lao động nước ngoài trong việc tuyển, sử dụng và thực hiện cấp giấy phép lao

động còn hạn chế; nhiều người lao động nước ngoài vào Việt Nam mới thực hiện việc cấp giấy phép lao động.

### **3. Một số kiến nghị tăng cường quản lý lao động nước ngoài trong bối cảnh hội nhập quốc tế**

*Một là*, tiếp tục hoàn thiện các quy định của pháp luật liên quan đến xuất nhập cảnh, đầu thầu... và Bộ luật Lao động; Nghị định số 11/2016/NĐ-CP ngày 03/2/2016 quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam theo hướng tăng cường công tác quản lý lao động nước ngoài và đơn giản hóa thủ tục cấp giấy phép lao động, ứng dụng công nghệ thông tin. Về lâu dài, nghiên cứu xây dựng *Luật về người lao động nước ngoài tại Việt Nam*, quy định rõ nội dung điều chỉnh pháp luật đối với việc tiếp nhận, quản lý, bảo đảm chính sách, chế độ cho người lao động nước ngoài, tạo cơ sở pháp lý cho công tác quản lý Nhà nước về lao động.

*Hai là*, tăng cường công tác quản lý lao động nước ngoài thông qua cơ quan thanh tra lao động. Hiện nay, ở các quốc gia ASEAN có hai mô hình thanh tra lao động: Mô hình thanh tra hợp nhất (thanh tra chung), trong đó thanh tra lao động chịu trách nhiệm về mọi vấn đề như việc làm, quan hệ lao động, an toàn sức khỏe nghề nghiệp, vệ sinh lao động... Mô hình thanh tra hai hệ thống lao động, trong đó ít nhất hai cơ quan khác nhau thuộc Chính phủ chịu trách nhiệm về thanh tra lao động. Ở nước ta, cơ quan thanh tra lao động được tổ chức theo mô hình chung. Theo đó, cơ quan thanh tra lao động thực hiện tất cả các vấn đề liên quan đến luật lao động. Do vậy, cơ quan thanh tra phải giải quyết khối lượng công việc rất lớn, tạo ra nhiều áp lực đối với lực lượng thanh tra viên. Chính vì vậy, để nâng cao hiệu quả công tác thanh tra lao động, cần nghiên cứu thí điểm mô hình thanh tra phụ trách theo nhóm công việc như nhóm về lao



động di cư; nhóm về vệ sinh lao động... Đồng thời, đẩy mạnh việc thanh tra, kiểm tra hướng dẫn, kịp thời chấn chỉnh các địa phương trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam.

Có sự liên thông, phối hợp chặt chẽ giữa thanh tra lao động với cơ quan có liên quan như bộ phận quản lý xuất nhập cảnh, cư trú, cấp giấy phép lao động cho lao động nước ngoài. Qua đó, tạo sự đồng bộ trong công tác thanh tra, kiểm tra, quản lý lao động nước ngoài tại Việt Nam.

*Ba là*, đối với các địa phương có nhiều lao động nước ngoài làm việc thì Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các bộ, ngành có liên quan tăng cường thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm, hỗ trợ và hướng dẫn địa phương thực hiện công tác quản lý, cấp giấy phép lao động và tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện.

*Bốn là*, trong quá trình triển khai thực hiện, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cần phối hợp các cơ quan, đơn vị có liên quan: i) Thực hiện tốt việc cấp, cấp lại giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Việt Nam, công khai việc tuyển lao động Việt Nam vào các vị trí dự kiến tuyển lao động nước ngoài; ii) Chủ động xây dựng kế hoạch phát triển nguồn nhân lực gắn với chương trình kinh tế - xã hội của địa phương để đáp ứng nhu cầu về lao động ở địa phương, đặc biệt là nhu cầu của các nhà thầu nước ngoài nhằm hạn chế sử dụng người nước ngoài; iii) Tổ chức giới thiệu, cung ứng lao động Việt Nam cho nhà thầu nước ngoài; iv) Phổ biến, hướng dẫn doanh nghiệp, tổ chức và nhà thầu thực hiện đúng pháp luật lao động; v) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về lao động nước ngoài tại các doanh nghiệp, nhà thầu; kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm những vi phạm; vi) Tổ chức triển khai thực hiện đồng bộ và hiệu quả quy chế phối hợp, khắc phục tình trạng gián đoạn và cục bộ trong hoạt động quản lý và trao đổi thông tin giữa các cơ quan liên quan.

**Chú thích:**

(1) Năm 1939, Tổ chức Lao động quốc tế (viết tắt là ILO) thông qua Điều ước đầu tiên về quyền của người lao động di trú. Năm 1949, ILO sửa đổi Công ước này bằng Công ước số 97 - Công ước về lao động di trú và đến năm 1975 thông qua Công ước số 143 về di trú trong những điều kiện bị lạm dụng, xúc tiến bình đẳng cơ may và đối xử đối với người lao động di trú. Sau đó, Liên Hợp quốc thảo luận về vấn đề quyền của người lao động di trú từ đầu thập kỷ 1970 và đến năm 1990 thì thông qua Công ước quốc tế về bảo vệ quyền của tất cả những người lao động di trú và các thành viên gia đình họ (ICRMW).

(2) Báo cáo số 72/BC-LĐTĐ ngày 31/7/2018.

(3) Báo cáo số 8147/BQP-Kinh tế ngày 27/7/2018.

(4) Đã có thời kỳ người lao động Việt Nam bức xúc vì tình trạng lao động phổ thông người Trung Quốc tràn ngập các cơ sở xây dựng, sản xuất công nghiệp (Formosa Hà Tĩnh), khai thác khoáng sản (các dự án khai thác Alumini ở Nhân Cơ - Đắc Nông, Tân Rai, Lâm Đồng); các trung tâm dịch vụ du lịch ở Hạ Long và Móng Cái (Quảng Ninh), Nha Trang (Khánh Hòa), Đà Nẵng... (TG).

(5) Ủy ban Các vấn đề xã hội - Báo cáo số 1668/BC-UBVĐXH14 về kết quả giám sát chuyên đề người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài giai đoạn 2010-2017 và người nước ngoài làm việc tại Việt Nam giai đoạn 2013-2017.

## NÔNG NÀN THÁNG GIÊNG

Đất trời gõ cửa Giêng, Hai  
Cỏ hoa dẹt mộng trang đài tương tư  
Thoảng trong nỗi nhớ... hồ như  
Có hương tóc nhẹ thơm từ xa xôi

Dặt diu gió hát đưa nôi  
Vàng trăng mơ ngủ bên đồi lá reo  
Tháng năm trời tựa cánh bèo  
Về đâu ánh mắt trong veo xuân tình

Tháng Giêng hoa nắng lung linh  
Bỏ bùa tôi một dáng hình thanh tân  
Thềm trăng mây gió tần ngần  
Xoan rơi tím ngổ bàn chân mơ màng

Sông dài tấu khúc tình tang  
Quá giang nỗi nhớ về ngang bến chờ  
Tháng Giêng én lượn đôi bờ  
Mưa bụi ướt mảnh tình thơ nông nàn...

Trần Thanh Thoa



**\* Tài liệu tham khảo:**

- (1) Hiến pháp Việt Nam năm 2013;
- (2) Bộ luật Lao động năm 2012 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- (3) Bộ Luật Lao động năm 2019;
- (4) Luật Người Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng năm 2020;
- (5) Ủy ban Các vấn đề xã hội - Báo cáo số 1668/BC-UBVĐXH14 về kết quả giám sát chuyên đề người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài giai đoạn 2010-2017 và người nước ngoài làm việc tại Việt Nam giai đoạn 2013-2017.



# Con trâu điên

 Truyện ngắn của Ngô Nữ Thùy Linh



Minh họa: Phùng Minh

**T**râu điên bà con ơi, chạy thôi, chạy không nó húc lòì ruột bây giờ... Tiếng chân người đuổi nhau chạy huỳnh huých. Tiếng trẻ chăn trâu, chẵn bò hò nhau rộn cả con đê làng. Đàng xa, con trâu đen đang độ lớn, đôi sừng nhọn hoắt kéo theo dây thừng và nửa cái cày chạy xồng xộc về phía làng. Cuối con đê, thằng bé Hoan kêu lên trong tuyệt vọng:

- Họ... họ... họ... dừng lại, dừng lại...

Chạy đến lũy tre đầu làng, con trâu tiếp tục nổi cơn điên đâm đầu vào gốc tre, tiếng ọ... ọ... ọ của nó vang xa. Cái cày trên lưng trâu đã gãy đôi, vắt vẻo sợi thừng trên cổ nó. Khi nó chúi mũi vào gốc tre, dây thừng giật lại, lúc lắc liên hồi. Một chốc thừng bung ra quật bện vào gốc tre, nó hếch mũi giật mạnh, dây không đứt được nhưng ú của nó bung ra, mũi trâu thòong lòng máu. Chừng như đau và mệt, con trâu chạy chậm chậm về phía nhà nó.

Lại có tiếng người réo lên:

- Trâu điên... trâu điên... chạy đi...!

Con trâu giật mũi, nhảy thốc qua bờ mương về nhà, đoàn người trong làng rú lên sợ hãi. Chợt một con dao từ đâu bay ra, cắm phập vào chân trước của nó. Con trâu rống lên đau đớn rồi từ từ quỵ xuống. Trong lùm cây, một gã nhảy ra hô hoán:

- Bà con ơi, trâu điên bị thương rồi.

Thì ra là gã Sính, người cạnh nhà thằng bé Hoan. Khi thằng bé chạy tới nơi thì con trâu đang nằm trong vũng máu,



miệng rỗng liên hồi. Thằng bé nhăn mặt rồi khóc òa lên:

- Ai... ai giết trâu nhà cháu đột ngột thế này... hu hu...

Vài tiếng người lao xao. Một số người lúc này còn sợ sệt cúi xuống lặng lẽ nhìn con trâu đang rống lên trong đau đớn. Chợt gã Sính nhảy ra, vỗ ngực:

- Tao đánh nó gãy chân đấy, tao giúp nhà mày trị con trâu điên mà.

Thằng bé Hoan bặm môi, nó quỳ xuống bên con trâu nhà mình, loay hoay lấy mũ vải thấm máu cho nó.

Một chốc chị Hoa - mẹ của Hoan tất tả chạy ra, mặt cắt không còn giọt máu. Nhìn con trâu và đứa con đang quỳ dưới gốc tre, chị cũng khóc òa lên.

\*\*\*

Tối tối, nhờ sự giúp đỡ của những người hàng xóm, con trâu được đem về nhà. Dọc đường, nó rống lên liên hồi, cái chân lủng lảng đến đáng sợ. Anh em trong xóm đến, chỉ vài tiếng, những gì còn sót lại về hình ảnh con trâu “điên” của xóm chỉ là thịt đỏ tươi trên bàn gỗ. Người làng đến, một cân, nửa cân, thậm chí có người hai cân lần lượt mang về nhà. Chị Hoa tất bật gói gém, tất bật ghi chép vào một tờ giấy những người còn nợ. Hình như chị quên rằng chị đang bán thịt con trâu mà suốt bảy năm trời chị và gia đình từng gắn bó với nó. Từ khi nó còn là con nghé bé xíu lạ lẫm bước chân vào cổng nhà chị. Thằng bé Hoan chạy biến đi đâu mất. Còn hai đứa em của nó tung tăng chạy đi tìm túi nilon cho mẹ gói thịt. Mấy người đàn ông cạnh nhà, kể cả gã Sính cũng hăm hở mang bộ lông còn ẩm hơi cỏ ra mương làm sạch. Khi cỗ bàn được bày ra, mọi người lầm rầm bàn tán chuyện hôm nay tại sao con trâu lại nổi điên quá đà thế. Rồi những chén rượu được rót đầy. Khi gã Sính gờ cao chén rượu lên thì thành linh anh Quang chủ nhà về. Anh chẳng chào, chẳng hỏi ai lấy một câu, đi một mạch vào chỗ chị Hoa đang cất dọn số thịt thừa, anh nói với chị:

- Minh để cho tôi bộ xương.

Anh lẳng lẳng bước vào nhà, thấp một nén nhang, trở ra sân, ngồi vào chiếu, anh cười chua chát cầm một chén rượu uống cạn sạch. Gã Quân ngồi cạnh anh vỗ về:

- Thôi, đến lúc chú hóa kiếp cho nó được rồi, nó phá quá!

Từ trong bếp thằng bé Hoan chạy ra:

- Nhưng bố cháu quản được nó!

Thấy con nói chen ngang, anh Quang quát:

- Con!

Thằng bé quệt nước mắt, lầm lũi bước vào nhà. Chị Hoa đứng lặng nhìn con. Chị buông tay, chiếc xương gãy ở chân trâu lúc này rơi xuống. Một vệt tím đen, tụ máu lù lù trước mắt chị, chị cúi xuống nén tiếng thở dài.

\*\*\*

Gần mười rưỡi, khi anh Quang đã ngốn hơn chục chén rượu thì những miếng thịt và lòng trong đĩa cũng vơi đi. Năm sáu trai tráng trong xóm khề khà, thi nhau gắp từng miếng bỏ vào bát. Những người trai tráng thấy thịt “trâu điên” dai dai, lạ lạ, ngọt ngọt họ uống bao nhiêu thì ăn nhiều bấy nhiêu. Chỉ có thằng bé Hoan đứng cạnh góc bếp nhìn ra, nó thấy bố ngồi khật khù, mắt đờ đẫn. Ai chúc anh cũng uống, ai hò anh cũng hò. Thằng bé thấy bố cầm đĩa, gấp gấp những cụm rau thơm cho vào miệng, đôi đĩa lệch xệch, rau cũng rơi ra ngoài. Thằng bé chạy lên nhà trên. Nó lại đứng dựa cột nhà quan sát bố. Đến lúc thấy bố run quá, nó chạy ào ra giữa sân gào lên:

- Cháu xin các chú đừng có uống nữa, bố cháu say rồi!

Sáu bảy cặp mắt đang dính vào những miếng thịt ngơ ngác quay lên nhìn thằng bé. Anh Quang vụt đứng dậy, túm lấy tay thằng bé, xoay nó một vòng, bệt một bàn tay vào miệng nó, rồi quát um lên:

- Cút ngay vào nhà!

Cuộc rượu chùng xuống. Gã Sính lầm bầm:

- Thôi, lỗi không phải tại cháu nó, một phần là cũng do em nóng quá.

Gã Thành nãy giờ im lặng chọt lên tiếng:

- Sự đã rồi, thôi thì tại con trâu nó phá quá, anh em thông cảm cho nhau, chúng ta cạn nốt rồi ai về nhà nấy nhé!

Anh Quang cố làm vẻ tỉnh bơ, cầm chén rượu đầy, gắp một miếng thịt cho vào bát:

-Vâng, em kính các bác!

Tiếng chúc nhỏ dần. Mọi người uống nốt chén của mình rồi họ lủ lượt ra về. Khi mọi người về hết, chị Hoa mới rón rén đến bên chồng an ủi:

- Minh à, tôi điu mình vào nhà nghỉ nhé!

Anh Quang nhìn vợ, nhìn chiếc bàn nhơ nhớp những vết chát, những mảnh thịt nhỏ văng xuống sân. Anh không khóc được. Anh ngơ ngẩn nhìn vào nhà, thằng bé Hoan nãy giờ vẫn đang đứng đó. Nó chôn chân nơi cột nhà đợi bố. Anh Quang lên tiếng:

- Ra đây con, ra đây bố bảo.

Thằng bé sợ sệt chậm rãi bước từng bước đến bên cạnh bố. Anh ôm con vào lòng, lúc này thằng bé mới cảm nhận được một giọt nước mắt nóng hổi rơi trên đầu nó. Anh dịu dàng:

- Bố đưa con ra bờ đê hóng gió nhé?

Nó khe khẽ gật đầu. Hai cha con líu ríu dắt nhau ra bờ đê cạnh nhà. Chị Hoa lo lắng gọi với theo:

- Hai bố con nhớ về ngủ sớm nhé!

\*\*\*

Bố sẽ kể cho con nghe về con trâu nhà mình nhé. Anh Quang xoa đầu thằng bé Hoan thủ thủ vào tai nó.

Thằng bé ngoan ngoãn:

- Dạ!

Anh nhìn xa xăm ra dòng sông trước nhà, những đợt sóng lăn tăn nhẹ dưới ánh điện xóm lờ mờ. Tiếng côn trùng từ cánh đồng vọng vào nỉ non. Anh chậm rãi:





- Ngày trước, lúc con vừa sinh được tám tháng thì nhà mình có con trâu. Con trâu bé xiu mà người ta hay gọi là con nghé ấy, được ông nội dắt về từ một cuộc trao đổi giữa mẹ và một lái buôn trong làng. Ngày đó, mẹ con phải đổi một con lợn nái to vừa mới sinh được mười hai con lợn con. Rồi thêm tiền mới đổi được con trâu.

+ Rồi sao nữa hả bố?

- Sau đó, ông nội con dắt con nghé về buộc nó vào chuồng của heo nái. Ông đi cắt cỏ cho nó, chăm cho nó ăn nhưng mấy ngày đầu nó cứ xông thẳng ra vườn ăn rau của bà trồng, không ăn cỏ. Rồi bố từ đơn vị về, thấy bố, con nghé sợ hãi chui tọt vào trong chuồng. Mấy ngày sau thì bố tìm được một khúc gỗ xoan tươi trong vườn, buộc một đầu vào khúc gỗ, một đầu vào cổ con nghé bắt nó kéo. Ông nội không cho bố làm. Buộc dây vào cổ nó kêu ọ một tiếng rồi phi như bay ra cổng, bố chạy theo không kịp. Ra đến cổng làng nó cúi cổ ăn rau nhà bà Hạnh ở đó. Tức quá, bố đánh nó ba gậy rõ đau, nó lại kêu ọ... ọ... ọ rồi kéo khúc gỗ chạy. Thằng bé cười khúc khích:

- A, thế con trâu nó hư từ bé cơ à bố?

+ Ừ, nó bướng bỉnh ngay từ hồi đó.

- Thế tại sao người ta cứ gọi nó là trâu diên vậy bố, con thấy ngoài giờ con chăn, lúc nào đi cày với bố nó cũng ngoan ngoãn cơ mà.

+ À, con không biết đâu. Nó được huấn luyện sớm, nhưng hung hăng lắm. Hễ bước chân ra khỏi chuồng là chạy lung tung, gặp người nào trong làng nó chúi đầu vào đòi húc. Khi lớn hơn một tý, biết cày, biết bừa, nó còn kéo cả cày lên bờ ruộng đấy. Có lần nó kéo cả bừa lên làm răng bừa cắm phập vào chân bố, mưng mủ lên, điều trị cả tháng.

- Nó đẹp thế nhưng tính nết không thuần, sao bố không bán nó đi?

+ Ban đầu, ông nội và mẹ con cũng bảo bố bán đi. Nhưng đất ruộng nhà mình còn đầy ra đấy, lấy đâu ra một con trâu lớn mà cày hộ. Cứ đổi chắc chỉ tội mẹ con, gạo

trong bồ có đủ cho cả nhà ăn qua mùa lúa đầu mà đòi đổi trâu lần nữa. Làng bên người ta nghe tiếng con trâu hung hăng, có ai chịu nhận nó về nuôi đâu. Đem ra chợ bán rồi nhờ nó húc phải người đi chợ thì khốn.

- O, thế bố đã dạy nó như thế nào mà khi con lớn, con biết đi chăn trâu thì nó vẫn chỉ nghe bố mà chẳng nghe con gì cả. Để hôm nay nó...

Lau giọt nước mắt trên má cho con. Anh ôm nó vào lòng. Hoan lại hỏi:

- Thế bố có buồn không?

Lúc này anh thấy lòng nhẹ bẫng. Anh không trả lời con. Anh đang mãi suy nghĩ về nó, con trâu tội nghiệp anh đã dày công nuôi nó bảy năm trời. Mảnh vườn nhà anh, thửa ruộng nhà anh, toi đất tốt cây một phần cũng nhờ nó. Hôm nay nó đi như một điếm gì ai đó đã sắp đặt cho nó vậy. Sáng đi làm mộc bên làng Cũ anh dặn vợ ở nhà cho nó ăn chiều anh về sớm được thì anh cày nốt vạt ruộng trước nhà. Lúc đi, anh ra chuồng vuốt đầu nó, nó cúi xuống, hai cục gèn to đùng chèn ở khóe mắt, anh đưa tay gỡ ra, nó quay đầu thè lưỡi liếm tay anh một cái. Anh thấy lạnh ở tay, anh hơi chột dạ. Anh dặn vợ hôm nay ai có mượn nó đi cày thì đợi anh về hẵng hay. Khi anh nghe tin dữ chạy về tới nhà thì người làng đã đổ xô vào làm thịt nó. Thằng bé níu tay bố:

- Hay nhà mình đừng nuôi trâu nữa bố? Bố buồn con cũng buồn lắm.

Anh Quang vỗ vai con:

- Chắc đã đến lúc nó chết, con đừng trách ai cả. Nó cũng làm người làng mình nhiều phen hú vía rồi con ạ. Nhà mình cũng sẽ phải thuê máy đập ruộng thôi con ạ.

+ Nhưng chú Sính ác thế, chú cố tình ném dao ra mà bố.

- Đó là một cách tự vệ giữa người với thú. Chắc lúc đó chú Sính đang dùng dao định chặt tre về làm gì đó.

Anh nói với con nhưng trong lòng anh như có ai đó cầm từng nắm muối xát vào

ruột gan. Anh xót của, xót một người bạn thân thiết từ ngày anh ở đơn vị về. Thương vợ chạy đôn chạy đáo đi vay thêm gạo nuôi đủ gia đình những ngày đầu bố anh dắt nó về nhà làm bạn với anh. Xót hơn nữa, với những người trong làng, nó mãi mãi là một con trâu diên không hơn không kém. Người ta sợ sệt mượn nó về cày ruộng dưới sự giám sát chặt chẽ của anh, nó hục hặc có anh giữ chân nó, nó đòi chạy có anh quát nó, ruộng làng cũng hơn một lần anh và con trâu đã cùng người bà con cày hết. Làng xuất hiện máy đập, trâu bò đông đúc hơn, người ta nuôi để bán hoặc làm thịt. Con trâu nhà anh được thả rông nhiều hơn. Mũi nó còn thính hơn cả mũi con mèo hen trong bếp, hễ thấy trâu cái ở xa, nó đã ngửi được mùi. Những lúc như thế, đang cày nó cũng lồng lên kéo cả cày lẫn người lên bờ, để nó chạy theo kịp trâu cái. Với sức nặng của tay anh Quang và tiếng quát như thét của anh nó mới ngoan ngoãn chịu dừng. Chiều nay, có lẽ là một chiều nó ngửi thấy "mùi trâu cái" ngay gần đấy.

\*\*\*

Tiếng vợ gọi:

- Khuya rồi, hai bố con về ngủ đi thôi.

Anh quay lại. Thằng bé ôm vai bố. Hai bố con lưng thưng đi về. Giọng ngái ngủ thằng bé lại hỏi:

- Bố ơi, ngày mai bố con mình làm gì với bộ xương trâu?

Anh cúi xuống cõng con lên vai, giọng anh trầm trầm:

- Ngày mai, bố con mình lại mang trâu ra đồng nhé...

\*\*\*

Ngày hôm sau, khi trời còn tối đất, cha con anh đã vác cuốc ra đồng. Đến thửa ruộng to nhà mình gần đầu làng, anh cầm cuốc đào những nhát chắc nịch xuống vạt ruộng. Nhát cuốc bổ tới đâu, từng miếng đất được bật lên, cong cong hình chiếc cuốc rồi gãy đôi. Hai bố con anh hì hụi đến gần sáng thì xong một cái hố vuông vức ngay giữa ruộng. Anh mang tất cả số xương của con trâu đổ xuống. Xong, hai cha con lại hì hụi



lấp đất lại. Trời hửng sáng, anh cùng con vác cuốc từ đồng trở về, thằng bé Hoan leo đèo chạy theo anh. Những người dân trong làng lục tục đi làm đồng, nhiều người thắc mắc không hiểu hai bố con anh làm gì ngoài đồng mà về sớm. Nhưng cũng không ai hỏi gì. Họ sợ đụng đến việc mất trâu lúc tối của anh.

\*\*\*

Mấy ngày sau, anh Quang ở lì trong nhà không đi làm mộc nữa. Gã Sính tự nhiên đổ đốn. Ngày nào hấn cũng mang một be rượu củ tỏi từ ngoài quán về, ngồi khật khà ở cửa. Hấn hát, rồi cười, uống rượu một mình, nói một mình. Mặc cho vợ và con mè nheo, hấn cứ chứng nào tật nấy. Thấy chồng tự nhiên sinh tính hư, vợ gã Sính tức điên lên nhưng có chửi thêm thì gã cũng cứ thế, không chịu thay đổi. Chẳng biết lý do gì nhưng nghĩ là do vụ làm chết con trâu của nhà anh Quang mà chồng mình trở nên như vậy, đêm đó đợi lúc chồng ngủ say, chị mò sang nhà anh Quang dầm dúi xuống dưới bếp tâm sự cùng vợ anh. Nhưng đang dở câu chuyện thì anh Quang đi đâu về, anh lẳng lặng chẳng nói gì. Anh đi lên nhà một chốc, rồi quay xuống anh nhẹ nhàng:

- Thôi, chị về đi, sự đã rồi.

\*\*\*

Ba ngày sau, người làng lại thấy anh Quang đi làm đồng. Anh lẳng lẽ cuốc cỏ trong vạt ruộng nhà mình. Thằng bé leo đèo theo bộ ôm những bó cỏ cho vào rổ. Anh cúi đầu làm hùng hục cho tới khi trời nắng đứng bóng, hai cha con mới lúi cúi vác cuốc trở về.

Một buổi sáng, đang dọn lại bờ ruộng thì anh ngạc nhiên khi thấy ngay chỗ doi đất anh và con đào chôn xương con trâu hôm nọ, nay đùn lên một vạt đất trắng ợt. Anh vội vàng đào cỏ non đắp quanh chỗ đó. Những mầm non cứ thế nhú lên, xanh um cả một vạt như mạ non mới ươm.

Sáng nay ra ruộng, anh thấy gã Sính đang chặt tre. Gặp bố con anh, gã quay sang cười hề hề bắt chuyện. Anh cũng cười tươi hỏi gã chặt tre làm gì sớm thế. Gã Sính im lặng cúi đầu không nói. Sáng đó, khi cả nhà đi vắng, chỉ có anh đang loay hoay sửa soạn bàn thờ chuẩn bị cúng giỗ thì gã Sính mò sang. Gã cầm be rượu củ tỏi, khật khưỡng bước vào sân. Thấy gã, anh không quay lại, chỉ vừa lau ban thờ vừa hỏi:

- Có chuyện gì thế chú Sính?

Gã Sính đặt be rượu lên bậu cửa, ấp úng mở lời:

+ Em... sang xin bác cái bộ da trâu.

Anh Quang đang lau dở, quay phắt lại, anh trừng mắt quát:

- Cái gì, chú xin cái da trâu làm gì?

+ Em xin về... làm thuốc.

- Chú định làm thuốc để chữa cho ai, bêu rêu với cả làng là thuốc chú được làm từ con trâu điên nhà tôi chứ gì? Chú giỏi thế cơ à?

Gã Sính đỏ sụp xuống thêm, như van xin:

+ Em xin bác, bác cho em bộ da con trâu là để em làm thuốc chữa tội với nhà bác. Em làm xong, mang sang cho bác. Em nghĩ đó là cách duy nhất em chữa tội với nhà bác.

## Bóng Xuân

Bây giờ xuân đã tàn phai  
Dáng xuân thấp thoáng hiên ngoài nắng lên  
Nụ đào nhóm lửa qua đêm  
Mai vàng tươi sắc trắng thêm hoa nhài

Dấu cho nắng sớm mưa mai  
Cành quê lá trở hình hài quê hương  
Hương xuân nhẹ nhàng theo về  
Đượm trong ánh mắt câu thơ mà thương

Xuân về nắng ngập con đường  
Đồng quê lúa trở làn hương đất trời  
Bóng xuân cất tiếng gọi mời  
Tình quê ấp ủ trọn đời với quê!

Trịnh Minh Thuyết



Anh Quang đỏ rần rần mặt. Nỗi đau mất trâu lại dồn lên đầu anh. Nhưng anh không nói gì, anh lẳng lẽ đi xuống bếp. Một chốc quay lên, anh mang theo bộ da trâu đưa cho gã Sính.

\*\*\*

Sáng những ngày tiếp theo, khi gã Sính lúi cúi vót tre làm mấy cái giá phơi da trâu thì hai cha con anh Quang ra thăm vạt ruộng. Chỗ doi đất bố con anh chôn xương trâu giờ đã mọc cỏ xanh um, tươi tốt. Anh Quang không có ý định sẽ mua thêm trâu.

Sáng nay trở về từ đồng, anh vui vẻ bảo với thằng bé:

- Chắc mai một trong làng có ới người được chữa bệnh đau nhức xương khớp đấy con ạ!



## NHÀ THƠ BÙI QUANG THANH:

*Tự ru mình  
giữa bộn bề  
đại đoàn*

 Nhà thơ Ngô Đức Hành



Chân dung nhà thơ Bùi Quang Thanh

**N**hà xuất bản Hội Nhà văn Việt Nam (HNVVV) vừa ấn hành tác phẩm “Bùi Quang Thanh Thơ” của nhà thơ Bùi Quang Thanh - hội viên HNVVN (sách xuất bản theo kế hoạch do Nhà nước đặt hàng năm 2020). Tập thơ khá đồ sộ, dày tới 400 trang, khổ 14,5x20,5cm, gồm 235 bài thơ.

“Bùi Quang Thanh Thơ” được ông chia thành 5 phần. Phần I “Đò dọc - Sông đêm” - trích trường ca cùng tên, có 8 khúc; Phần II “Lời hương khói” có 23 bài; Phần III “Thơ viết những năm đánh Mỹ”, 1971 - 1975 có 10 bài; Phần IV “Một cánh xuân” có 160 bài; Phần V “Thơ viết cho thiếu nhi” có 34 bài.

Dẫu tập thơ chưa gọi là “tuyển”, nhưng cầm tập thơ với những bài thơ có thời gian sáng tác ngót 50 năm, đây có thể coi như là phần sáng tác cơ bản của nhà thơ Bùi Quang Thanh đã được chọn trong 7 tập thơ anh xuất bản từ năm 1994 đến nay.

Bùi Quang Thanh sinh ra và lớn lên ở Hà Tĩnh. Anh là người nặng lòng với quê nên thơ anh viết về quê hương chiếm đến 22% dung lượng. Bùi Quang Thanh từng tham gia quân đội, có mặt trên chiến trường miền Nam những ngày “đỏ lửa” nên dễ hiểu anh có Phần III, “Thơ viết những năm đánh Mỹ”, và cũng vì vậy những nỗi nhớ, nỗi đau thương về đồng đội, những câu hỏi thời hậu chiến vẫn xuyên suốt tập thơ khi anh đang rộng “Một cánh xuân” thơ tung tủy dọc ngang trời đất; cả những trang dành cho thiếu nhi vẫn vằng vắt hình bóng của quê, của mẹ, của đồng đội cùng trang lứa yêu thương. V.G.Belinsky nhà phê bình văn học Nga hàng đầu của phong trào Âu hóa thế kỷ 19 có nói: “Thơ trước hết là cuộc đời sau đó mới là nghệ thuật”. Đọc “Bùi Quang Thanh Thơ” thấy rõ “cuộc đời”.

“Mẹ chọn năm sinh tôi/ Năm thế kỷ hai mươi  
bi tách thành hai nửa”, “Chiếc vồng lác đằm đĩa  
hương cỏ mật/ Đắm nắng mặt trời/ Đắm gió -  
sương - trăng”<sup>(1)</sup>. Nhà thơ Bùi Quang Thanh đã “khai” năm sinh và hoàn cảnh lúc ông có mặt trên cõi đời này. Đó là những năm tháng thân phụ anh có mặt cùng đoàn quân ra trận tham gia Chiến dịch Biên giới Thu Đông năm 1950. “Cha cùng Đại đoàn hành quân lên ả Bắc/Mẹ chẳng đợi tôi lên vọng đá đợi chờ/ Vạt lúa lấy đồng, vồng khoai chưa kịp ủ/ Dưới Thiên Cầm tàu chiến giặc mò vô”...



Những ai quan tâm đến lịch sử của dân tộc hẳn không quên tấm ảnh lịch sử Chủ tịch Hồ Chí Minh trên đài quan sát trận đánh mở màn của bộ đội ở mặt trận Đông Khê. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp bước sang bước ngoặt mới. Đó là thời “hạt gạo cũng theo người ra hỏa tuyến” như câu thơ của anh. Có lẽ vì sinh ra trong những năm tháng ấy, lớn lên thành chiến sĩ Giải phóng tiếp tục cuộc trường chinh nên dễ hiểu trong thơ Bùi Quang Thanh đầy tính thời sự và thế sự. Đây cũng là đề tài “áp đảo” trong “Bùi Quang Thanh Thơ”.

Những năm tháng vượt rừng, lội suối, gian khổ trên chiến trường như “Thơ viết những năm đánh Mỹ 1971 - 1975” của Bùi Quang Thanh là tiếng hát reo vui, lạc quan:

... *Cài hoa lên nòng súng  
Ta bước tiếp chặng đường  
Hương xuân bay bát ngát  
Giữa núi rừng Trường Sơn*<sup>(2)</sup>

Hoặc có những lúc gian khổ tận cùng: *Chân chùng/ Gối run/ Giốc trơn/ Dép tuột quai ngang đầu gối/ Tay vin, tay tỳ cong gậy/ Đá chווί vách núi âm âm...*<sup>(3)</sup>

Bài thơ “Cành hoa bưởi” nhà thơ Bùi Quang Thanh viết vào xuân Nhâm Tý năm 1972 khi anh đang hành quân vào mặt trận Tây Nguyên. Đây là thời điểm bộ đội ta thực hiện nhiều cuộc tấn công chiến lược trên toàn chiến trường miền Nam, trong đó có chiến dịch 81 ngày đêm Thành cổ Quảng Trị, chiến dịch giải phóng Bắc Kon Tum... Tuy vậy, thơ Bùi Quang Thanh giai đoạn này, không thấy những bài thơ nóng hổi đạn bom, khét mùi thuốc súng... mà hùng hực không khí ra trận, quan trọng hơn, niềm tin của người lính về ngày chiến thắng. “*Lửa sáng đường xe ra phía trước/ Đất hóa chiến công - biển hồng sóng nhạc/ Giải phóng miền Nam*”<sup>(4)</sup> Đọc những câu thơ này, người đọc hình dung ra những mũi tiến công chiến lược đang tiến vào Sài Gòn, hoàn thành sự nghiệp giải phóng miền Nam. Bùi Quang Thanh cứ ghi chép cảm xúc trên đường ra trận mà thành thơ. Đúng như nhà thơ Nga Raxun Gamzatôp đã nói: “Thơ sinh ra từ tình yêu và lòng căm thù,

từ nụ cười trong sáng hay giọt nước mắt đắng cay”.

Sau này, đề tài “hậu chiến” vẫn ám ảnh trong thơ Bùi Quang Thanh. Đất nước đã hòa bình, nhưng với những người lính đã đi qua chiến tranh họ không quên đồng đội, những người đã ngã xuống trên chiến trường.

...  
*Bao năm bóng xế trăng chùng  
Bao năm đơn lẻ bạn dùng đất nâu.  
Rễ cây thay tóc trên đầu.  
Bạn đau mỗi đốt, mình râu cỏ ăn*<sup>(5)</sup>

Có lịch sử mới có hiện tại, có hôm qua mới có hôm nay. Giọt máu đào của những người ngã xuống làm cho đất nước nở hoa. Thơ Bùi Quang Thanh cũng như thơ của những nhà thơ lính trận khác cho đến hôm nay vẫn cất tiếng nói xa xót, trầm ẩn và mang đến những thông điệp về trách nhiệm, đạo lý. “*Tay già run rẩy bờ xôi/ Nổi đau lòng mẹ sau thời chiến tranh*”<sup>(6)</sup>. Mẹ ở đây, có thể là người mẹ có đứa con sau chiến tranh không về, có thể là “mẹ Tổ quốc” lắm chứ?

Tôi gọi nhà thơ Bùi Quang Thanh là nhà thơ của “kết nối” giữa quá khứ, hiện tại và tương lai. Trong thơ anh có một dòng chảy, mạch vừa liên tục. “Tôi nợ con sông quê khi vùi tâm thân lấm láp giữa dòng trong vắt, sông gột rửa tôi bằng giọt lòng, gạn những gì tôi bỏ lại, lắng đọng đôi bờ thành dịu ngọt phù sa”<sup>(7)</sup>.

Đây là một trường ca đậm chất sử thi, được “dựng” lên từ huyền thoại, trí tưởng tượng phong phú và tình yêu quê hương đến cháy lòng:

...  
Đò dọc - sông đêm  
Chòng chành thuyền xuôi nhịp sóng  
Đông đánh mảnh trăng đầu tháng  
Sóng ngà mảnh bạc lặn tằm

...  
Chập chờn ruộng lúa bờ khoai.  
Sông Cày gọi về quê kiểng.  
Tóc em gọn mùa buổi chín.

Mắt huyền lúng liếng sông đêm...

Tác giả xuồng “đò dọc” không phải trên dòng Lam chung giữa Nghệ An - Hà Tĩnh hay dòng La của Hà Tĩnh quê anh mà trên “sông đêm”. “Đò dọc” chỉ có trong thi ca, còn trong đời sống chỉ có đò ngang, từ bờ này sang bờ kia. Đò dọc sẽ đi đến bao giờ? Chắc chắn sẽ đi mãi cùng dòng sông! Ở đây lại là con sông của huyền sử, chính vì thế nên nó mới là “sông đêm”, nhiều vấn đề của trời đất, thiên tạo, con vật xoay vần còn mãi mãi câu hỏi. Nhà thơ cất công đi “đò dọc” mong tìm ra câu trả lời.

Trong trường ca này, dấu trích nhưng núi Hồng hiện lên trên trang thơ vạm vấp. Trong “không gian” Hồng Lĩnh còn chứa bao huyền thoại.

...  
Núi Hồng như có châu sa  
Lam Giang lắng dòng quên chảy  
Chim Phượng đầu đàn lộng lẫy  
Đảo mình ngó khắp bốn phương

Hồng Lĩnh thời huyền sử, gắn với mối quan hệ giữa Kinh Dương Vương với thời đại Hùng Vương và vấn đề “Nhà nước” Việt Thường; Hồng Lĩnh 99 ngọn, tương truyền đã có 100 con Phượng Hoàng về đây, tương truyền ông Đùng đã rẽ mây xuống dạy cho trăm dân làm nghề lúa nước... Hồng Lĩnh gắn liền với truyền ngôn về công chúa Diệu Thiện, con gái vua Sở Trang Vương (Trung Quốc) trốn sang làm việc thiện. Khi nàng viên tịch, Phật Tổ đã cho nàng hóa thành Phật Bà Quan Âm trăm tay ngàn mắt. Sau này, khi đã khỏi bệnh, vua Sở Trang Vương tìm về nơi con gái đã tu hành, cho xây dựng một ngôi chùa để tưởng nhớ cô công chúa út hiếu thảo. Ngày nay, dấu tích nền ngôi chùa Trang Vương vẫn còn: “*Trang Vương nền cũ từng treo nguyệt/ Thánh Mẫu am xưa đá ngậm mây*”<sup>(8)</sup>.

Quê hương ấy, huyền sử ấy hình thành nên cốt cách con người vùng đất ấy. Nhà thơ Bùi Quang Thanh thốt lên: “Chẳng phải tự nhiên mà hạt lúa cũng hai đầu biết nhọn. Rừng: Dòng Lam trong xanh bởi đầu nguồn Ngàn Sâu, Ngàn Phố xanh trong. Cám ơn nàng đã nhắc ta lê sống: Cội nguồn.



Vâng, cội nguồn là “dòng sông” lớn luôn chảy trong tâm thức nhà thơ Bùi Quang Thanh nên anh trần trở không chỉ với ngày mai, hôm nay mà cả những ngày đã qua. Chính vì thế, Bùi Quang Thanh làm thơ về Phù Đổng Thiên Vương, về vua Mai Hắc Đế, Nguyễn Trãi...; về đồng đội, về những cô gái thanh niên xung phong trên những tuyến đường thời chống Mỹ... cho đến những em bé chưa đầy “tuổi tôi”.

Trong “Bùi Quang Thanh Thơ” có nhiều bài thơ thể sự. Dường như cuộc đời làm báo tạo nên trong Bùi Quang Thanh những câu hỏi. Từ câu hỏi lớn của dân tộc đến câu hỏi của thân phận con người, câu hỏi cho chính mình.

...

*Nguyễn Phi Khanh bị đày qua ải Bắc  
Nguyễn Trãi sau này mới biết cậy sức  
dân<sup>(9)</sup>*

...

*Bên biển xanh chẳng soi nổi bóng  
mình*

*Trước gương trong không gọi về tuổi  
trẻ*

*Bạc đầu rồi vẫn còn thơ dại thế*

*Cũng mình thôi mà chắc đã là  
mình<sup>(10)</sup>*

Đời với mỗi dân tộc, mỗi con người, điều đáng lo nhất chính là “cũng mình thôi mà chưa chắc là mình”. “Tôi nhặt lên niềm vui của ai đó đã bỏ quên trên đường phố thả vào chiếc cốc cuộc đời. Niềm vui lặn xuống đáy còn nỗi buồn tràn ra ngoài miệng cốc. Niềm vui vay mượn không hề sủi bọt trong chính đời tôi. Nỗi buồn của ai cứ quẩn lầy tôi như máu thịt<sup>(11)</sup>”. Bùi Quang Thanh luôn suy tư và ưu tư như vậy. Chính điều đó tạo nên những mỹ cảm mang tính triết lý trong thơ ông. Cũng vì yêu đến xa xót con người, quê hương, đất nước nên Bùi Quang Thanh không ngại “va chạm” khi có những bài thơ như: “Với tướng giặc Liễu Thăng”, “Thư ngỏ gửi các nhà lãnh đạo Trung cộng”, “Đêm không ngủ nghe nghìn xưa giục giã”... luôn nóng hổi tính thời sự, thời cuộc về biển đảo, chủ quyền quốc gia,

nhưng vốn nhạy cảm, ít người dám đụng đến. Thậm chí, rất khó viết. Những bài thơ này, đặc biệt “Đêm không ngủ nghe nghìn xưa giục giã” là tráng ca về lòng tự hào dân tộc.

Bùi Quang Thanh là một “lãng tử”. Sau khi rời quân ngũ, anh trở thành một phóng viên cho đến ngày nghỉ hưu. Cuộc đời làm báo nên anh rong ruổi khắp mọi miền Tổ quốc. Đền đâu anh cũng có những cảm xúc thơ. “Đêm Mộc Châu”, “Ngày mai Phía Đen”, “Qua Tuyên Quang nhớ Trần Nhật Duật”, “Xứ Lạng”, “Đêm sông Trà”, “Trai Nghi Xuân ở Nam Yên”... là những thi phẩm, ra đời trong quá trình thâm nhập thực tế, tác nghiệp báo chí của anh. Cuộc sống, thân phận luôn bề bộn, góc cạnh trong thơ Bùi Quang Thanh. Về điều này, tôi nhớ nhà thơ Lê Tuấn Lộc từng đưa ra quan niệm: “Thơ không phản ánh cuộc sống thì nói cái gì?”. Đây cũng là quan điểm thi ca. Thơ đâu chỉ là những thi phẩm của những người ưa suy tưởng? Puskin, một “tượng đài” thi ca Nga và nhân loại từng nói: “Cuộc sống là cánh đồng màu mỡ để cho thơ bén rễ sinh sôi”. Nhà thơ Chế Lan Viên thì viết: “Vật áo của triệu nhà thơ không bọc hết vàng mà đời rơi vãi/ Hãy nhặt lấy chữ của đời mà góp nên trang”. Bùi Quang Thanh là người chăm chỉ nhặt “hạt vàng” rơi vãi trong hành trình thi ca của mình. Đây cũng là điều tạo nên “bút pháp” Bùi Quang Thanh, thơ anh gắn gũi với cuộc sống, dễ tạo ra xung chấn và đồng điệu cho người yêu thơ.

Cả “gia tài” thơ nói chung và “Bùi Quang Thanh Thơ” nói riêng đa dạng đề tài, anh viết từ cọng rau muống nơi quê nhà đến những vấn đề đại sự của quốc gia, dân tộc. Trái tim đa tình, đa cảm của “lãng tử” Bùi Quang Thanh còn dành nhiều thời gian cho thiếu nhi. Anh khá thành công trong việc sử dụng chất liệu đồng dao khi sáng tác cho thiếu nhi. Và dù sáng tác cho thiếu nhi thì thơ thiếu nhi của anh cũng lấp lánh những thông điệp, điều cần nói. “... Giữa vũ trụ bao la/ Giát toàn vàng và bạc/ phải chòm sao sáng nhất/ Làm bằng sắt? Ngựa ơi!”<sup>(12)</sup>.

...

*Mẹ vẫn ngồi tựa cửa  
Tre ngà cứ đâm măng  
Nước mắt mẹ từng sọc  
Trên thân tre óng vàng<sup>(13)</sup>*

...

*Dáng bản đồ Tổ quốc  
Giống bà em ra đồng*

...

*Dáng bản đồ Tổ quốc  
Như dáng bà yêu thương<sup>(14)</sup>*

Với những câu thơ này, tôi cho rằng, Bùi Quang Thanh đã làm tốt hơn cả những nhà sư phạm trong những bài giảng về tình yêu Tổ quốc và giáo dục công dân, không chỉ lớp mầm, lớp lá mà nhiều cấp học sinh khác. Thơ ông viết cho thiếu nhi đầy tính nhạc, chất liệu đồng dao, chất liệu ví giặm; có thể cất lên thành tiếng hát.

Đọc “Bùi Quang Thanh Thơ”, cũng như các tác phẩm trước đây của anh, thấy “3 trong 1” như “Ông hoàng thơ tình” Xuân Diệu từng nói lúc sinh thời. Khi cầm tập thơ đồ sộ trên tay, tôi hỏi nhà thơ Bùi Quang Thanh: “Có phải tuyển không?”, anh trả lời: “Chưa làm tuyển”. Anh vẫn tiếp tục “Đò dọc sông đêm”, vậy thì vội gì làm tuyển?

### Chú thích:

(1); (7) Mục 8, Đò dọc - Sông đêm, trang 32

(2) Cảnh hoa bưởi - Trích Nhật ký hành quân

(3) Thơ: Đêm sông Mây

(4) Thơ: Ca khúc tháng 5

(5) Thơ: Lời ru đồng đội

(6) Thơ: Nỗi đau lòng mẹ

(8) Thơ Trần Công Soạn

(9) Thơ Sao không chạy vào lòng dân

(10) Thơ Tự khúc

(11) Song hành

(12) (13) Nhớ ông Gióng

(14) Dáng bà



# Một số nội dung cơ bản của Nghị định số 04/2021/NĐ-CP liên quan đến thẩm quyền lập biên bản và xử phạt vi phạm hành chính của thanh tra trong lĩnh vực giáo dục

 Th.s Đào Minh Tuấn

Trưởng Cán bộ quản lý giao thông vận tải

**N**gày 22/01/2021, Chính phủ ban hành Nghị định số 04/2021/NĐ-CP (sau đây gọi là Nghị định 04) quy định về hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính, thẩm quyền lập biên bản, thẩm quyền xử phạt, mức phạt tiền cụ thể theo từng chức danh đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục. Trong đó, Nghị định 04 quy định rõ thẩm quyền lập biên bản và xử phạt vi phạm hành chính của thanh tra trong lĩnh vực giáo dục. Cụ thể như sau:

## Về đối tượng áp dụng

Nghị định 04 quy định có 02 nhóm đối tượng áp dụng gồm:

- Tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài (sau đây viết tắt là tổ chức, cá nhân) thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này trên lãnh thổ Việt Nam.

- Người có thẩm quyền lập biên bản, xử phạt vi phạm hành chính và cá nhân, tổ chức khác có liên quan.

Đối với trường hợp cán bộ, công chức, viên chức thực hiện hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục khi đang thi hành công vụ, nhiệm vụ và hành vi vi phạm đó thuộc công vụ, nhiệm vụ được giao theo



Ảnh minh họa. Nguồn: Internet

văn bản quy phạm pháp luật hoặc văn bản hành chính do cơ quan, người có thẩm quyền ban hành, thì không bị xử phạt theo quy định của Nghị định này mà bị xử lý theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức.

Cơ quan Nhà nước thực hiện hành vi vi phạm thuộc nhiệm vụ quản lý Nhà nước được giao trong lĩnh vực giáo dục, thì không bị xử phạt theo quy định của Nghị định này mà bị xử lý theo quy định của pháp luật có liên quan.

**Các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục**

Nghị định 04 quy định, các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục của tổ chức bao gồm: Vi phạm quy định về thành lập, cho phép thành lập; sáp nhập, chia, tách, giải thể cơ sở giáo dục hoặc tổ chức thực hiện dịch vụ giáo dục; chuyển đổi loại hình cơ sở giáo dục; vi phạm quy định về hoạt động tuyển sinh; về nội dung, chương trình, đào tạo liên thông, liên kết; về thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập; về tư vấn du học; hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục; về quản lý, cấp và sử dụng văn bằng, chứng chỉ; về cơ sở vật chất, thiết bị, tài chính và các điều



Chánh Thanh tra Bộ Giáo dục và Đào tạo Nguyễn Đức Cường phát biểu tại Hội nghị quán triệt nhiệm vụ công tác phòng chống tham nhũng, tập huấn công tác thanh tra, kiểm tra; tiếp công dân, xử lý đơn thư; giải quyết khiếu nại, giải quyết tố cáo năm 2019 cho các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Ảnh minh họa. Nguồn: Internet

kiện đảm bảo chất lượng (trừ các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục của cá nhân dưới đây).

Các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục của cá nhân bao gồm: Khai man, sửa chữa giấy tờ trong hồ sơ tuyển sinh để được trúng tuyển nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự; không dạy đủ số tiết hoặc khối lượng học tập trong chương trình giáo dục của một học phần hoặc môn học đã được trang bị theo quy định; gây rối hoặc đe dọa dùng vũ lực ngăn cản người dự thi và người tổ chức thi, thanh tra thi, coi thi, chấm thi, phục vụ thi; vào khu vực tổ chức thi, chấm thi khi không được phép; mang tài liệu, thông tin, vật dụng không được phép vào phòng thi, khu vực chấm thi; làm bài hộ thí sinh hoặc trợ giúp thí sinh làm bài; viết thêm hoặc sửa chữa nội dung bài thi hoặc sửa điểm bài thi trái quy định nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự; đánh tráo bài thi nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự; thi thay hoặc thi kèm người khác hoặc nhờ người khác làm bài hộ hoặc thi thay, thi kèm; gian lận để được cấp văn bằng, chứng chỉ hoặc bản

sao văn bằng, chứng chỉ; sử dụng văn bằng, chứng chỉ của người khác; cho người khác sử dụng văn bằng, chứng chỉ của mình; sử dụng văn bằng, chứng chỉ bị tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung; xúi giục không đi học hoặc xúi giục bỏ học đối với người học các cấp học phổ cập.

#### Hình thức xử phạt và mức tiền phạt trong lĩnh vực giáo dục

Theo Nghị định 04, các hình thức xử phạt chính gồm: Cảnh cáo và phạt tiền. Bên cạnh đó, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm của hành vi mà người có thẩm quyền xử phạt có thể áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung là: Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính; trục xuất; đình chỉ hoạt động có thời hạn.

Mức phạt tiền tối đa trong lĩnh vực giáo dục đối với cá nhân là 50.000.000 đồng, đối với tổ chức là 100.000.000 đồng. Cùng một hành vi vi phạm hành chính, mức phạt tiền đối với cá nhân bằng một phần hai mức phạt tiền đối với tổ chức.

#### Thẩm quyền lập biên bản và xử phạt vi phạm hành chính của thanh tra trong lĩnh vực giáo dục

Người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính đối với những hành vi vi phạm quy định tại Nghị định 04, bao gồm: Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính; công chức phòng giáo dục và đào tạo, sở giáo dục và đào tạo, Bộ Giáo dục và Đào tạo; công chức chuyên trách công tác quản lý giáo dục tại các bộ, cơ quan ngang bộ đang thi hành công vụ, nhiệm vụ; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ thuộc cơ quan công an cấp tỉnh, cục quản lý xuất nhập cảnh đang thi hành công vụ, nhiệm vụ.

Những người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính là chủ tịch ủy ban nhân dân các cấp; thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực giáo dục; giám đốc công an cấp tỉnh, cục trưởng cục quản lý xuất nhập cảnh.

Trong đó, thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực giáo dục từ thanh tra viên trong lĩnh vực giáo dục đang thi hành công vụ; chánh thanh tra cơ quan chuyên môn về giáo dục thuộc ủy ban nhân dân cấp tỉnh, trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực giáo dục cấp sở; trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực giáo dục cấp bộ và Chánh Thanh tra Bộ Giáo dục và Đào tạo đều có quyền phạt cảnh cáo; phạt tiền từ 1.000.000 đồng; 50.000.000 đồng; 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng (tương ứng với từng cấp bậc); tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt quy định tương ứng và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả. Từ thanh tra viên, những người có thẩm quyền nói trên còn có quyền tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn.

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 10/3/2021 và thay thế Nghị định số 138/2013/NĐ-CP ngày 22/10/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục./.



# VĂN BẢN MỚI BAN HÀNH

## Trách nhiệm thực hiện việc bảo vệ người được bảo vệ của cơ quan công an các cấp

Ngày 29/12/2020, Bộ trưởng Bộ Công an đã ký ban hành Thông tư số 145/2020/TT-BCA quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, biện pháp bảo vệ tính mạng, sức khỏe, tài sản, danh dự, nhân phẩm của người tố cáo về hành vi tham nhũng, lãng phí (gọi tắt là Thông tư 145/2020/TT-BCA). Trong đó có những quy định cụ thể về trách nhiệm thực hiện việc bảo vệ người tố cáo hành vi tham nhũng, lãng phí; vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi của người tố cáo về hành vi tham nhũng, lãng phí (sau đây gọi chung là người được bảo vệ) của cơ quan công an các cấp.

Theo Thông tư 145/2020/TT-BCA quy định, những đối tượng nói trên được bảo vệ tính mạng, sức khỏe, tài sản, danh dự, nhân phẩm. Tài sản được bảo vệ là tài sản thuộc quyền sở hữu của người được bảo vệ. Riêng tài sản của người được bảo vệ tại nước ngoài không thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư này.

Cơ quan công an các cấp nơi người được bảo vệ có địa chỉ nơi ở hoặc nơi có tài sản, có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan thực hiện việc bảo vệ tính mạng, sức khỏe, tài sản, danh dự, nhân phẩm của người được bảo vệ; quyết định quy định, sử dụng lực lượng, phương tiện, công cụ, biện pháp và các nội dung đề nghị, yêu cầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan phối hợp thực hiện việc bảo vệ.

Người có thẩm quyền giải quyết tố cáo khi nhận được đề nghị áp dụng biện pháp bảo vệ tính mạng, sức khỏe, tài sản, danh



Ảnh minh họa. Nguồn: Internet

dự, nhân phẩm của người tố cáo về hành vi tham nhũng, lãng phí và xét thấy đề nghị bảo vệ là có căn cứ, có tính xác thực hoặc trong quá trình giải quyết tố cáo, người có thẩm quyền giải quyết tố cáo thấy có căn cứ về việc tính mạng, sức khỏe, tài sản, danh dự, nhân phẩm của người được bảo vệ đang bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị xâm hại ngay tức khắc do việc tố cáo về hành vi tham nhũng, lãng phí, thì kịp thời đề nghị, yêu cầu cơ quan công an cấp có thẩm quyền áp dụng biện pháp bảo vệ.

Khi nhận được đề nghị, yêu cầu của người có thẩm quyền giải quyết tố cáo, văn bản đề nghị áp dụng biện pháp bảo vệ của người tố cáo về hành vi tham nhũng, lãng phí hoặc văn bản đề nghị của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền; xét thấy đề nghị, yêu cầu là có căn cứ, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị, yêu cầu, thủ trưởng công an các cấp có thẩm quyền ra quyết định áp dụng biện pháp bảo vệ; chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan thực hiện việc bảo vệ tính mạng, sức khỏe, tài

sản, danh dự, nhân phẩm của người được bảo vệ. Trường hợp vụ việc có tính chất phức tạp, phải kiểm tra, xác minh tại nhiều địa điểm thì thời hạn ra quyết định áp dụng biện pháp bảo vệ có thể kéo dài hơn nhưng không quá 05 ngày làm việc.

Trường hợp không thuộc thẩm quyền thì thủ trưởng công an các cấp có trách nhiệm chuyển ngay đến cơ quan công an có thẩm quyền xử lý theo quy định và thông báo bằng văn bản cho người có thẩm quyền giải quyết tố cáo, người tố cáo hoặc cơ quan, đơn vị có thẩm quyền biết việc chuyển đề nghị, yêu cầu.

Trường hợp đề nghị, yêu cầu của người có thẩm quyền giải quyết tố cáo và người tố cáo về hành vi tham nhũng, lãng phí không có căn cứ hoặc xét thấy không cần thiết áp dụng biện pháp bảo vệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc, thủ trưởng công an các cấp có thẩm quyền phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho cơ quan, đơn vị có thẩm quyền, người tố cáo hoặc gửi văn bản thông báo cho người giải quyết tố cáo biết để giải thích rõ lý do cho người tố cáo.





Căn cứ tình hình thực tế, cơ quan công an cấp có thẩm quyền có thể áp dụng một hoặc một số biện pháp để bảo vệ tính mạng, sức khỏe, tài sản, danh dự, nhân phẩm của người được bảo vệ theo quy định tại Điều 58 Luật Tố cáo: Đưa người được bảo vệ đến nơi an toàn; bố trí lực lượng, phương tiện, công cụ để trực tiếp bảo vệ an toàn tính mạng, sức khỏe, tài sản, danh dự, nhân phẩm cho người được bảo vệ tại nơi cần thiết; áp dụng biện pháp cần thiết để ngăn chặn, xử lý hành vi xâm hại hoặc đe dọa xâm hại đến tính mạng, sức khỏe, tài sản, danh dự, nhân phẩm của người được bảo vệ theo quy định của pháp luật; yêu cầu người có hành vi xâm hại hoặc đe dọa xâm hại đến tính mạng, sức khỏe, tài sản, danh dự, nhân phẩm của người được bảo vệ chấm dứt hành vi vi phạm. . .

Kinh phí áp dụng biện pháp bảo vệ được bảo đảm từ ngân sách Nhà nước. Công an các đơn vị, địa phương có trách nhiệm lập dự toán kinh phí áp dụng biện pháp bảo vệ tổng hợp chung vào dự toán ngân sách chi an ninh hằng năm và gửi về Bộ Công an.

### **Kế hoạch tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống tham nhũng năm 2021 của UBND tỉnh Kon Tum**

Ngày 21/01/2021, UBND tỉnh Kon Tum ban hành Kế hoạch số 241/KH-UBND về việc triển khai thực hiện Đề án “Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống tham nhũng (PCTN) giai đoạn 2019 - 2021” trên địa bàn tỉnh trong năm 2021 (gọi tắt là Kế hoạch số 241/KH-UBND). Việc thực hiện Kế hoạch số 241/KH-UBND nhằm đưa công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN đi vào chiều sâu, thiết thực, hiệu quả; góp phần tích cực vào công tác PCTN trên địa bàn tỉnh.

Về nội dung tuyên truyền, UBND tỉnh yêu cầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương tập trung tuyên truyền, phổ biến 11 nội dung đã được nêu tại Kế hoạch số 2451/KH-UBND ngày 19/9/2019 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Đề án



Ảnh minh họa. Nguồn: Internet

“Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN giai đoạn 2019 - 2021” trên địa bàn tỉnh.

Theo kế hoạch, UBND tỉnh đề ra các mục tiêu cụ thể, trong đó, phấn đấu đến hết năm 2021, 100% lãnh đạo doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh, đơn vị nghiên cứu, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp được tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN; 100% người lao động tại cơ quan nghiên cứu, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh được tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN; 90% người lao động tại doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh được tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN; 70% người dân nông thôn, dân tộc thiểu số, miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, tiểu thương, lao động tự do trên địa bàn tỉnh được tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN; 100% chương trình đào tạo thuộc các loại hình giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng trên địa bàn tỉnh có nội dung về chính sách, pháp luật về PCTN, đạo đức liêm chính.

Cùng với đó, hình thành trên phạm vi toàn tỉnh văn hóa minh bạch, giải trình của cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi công vụ; nhận thức rõ hành vi đưa, nhận, môi giới hối lộ là vi phạm pháp luật và trái đạo đức, lương tâm, trách nhiệm,

cần lên án mạnh mẽ để xây dựng mối quan hệ lành mạnh giữa cán bộ, công chức, viên chức với người dân, củng cố vững chắc đạo đức, hành vi chuẩn mực của cán bộ, công chức, viên chức và người dân.

Để việc thực hiện đạt hiệu quả, UBND tỉnh yêu cầu thủ trưởng các sở, ban ngành, đoàn thể, cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh; chủ tịch UBND các huyện, thành phố; thủ trưởng các đơn vị có liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao có trách nhiệm căn cứ kế hoạch này và tình hình thực tế tại đơn vị, xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện có hiệu quả trong năm 2021; kế hoạch cần được lượng hóa mục tiêu tỷ lệ phần trăm (%) đạt được theo mục tiêu cụ thể của Đề án.

Đồng thời, chủ động cân đối, bố trí kinh phí bảo đảm thực hiện kế hoạch trong dự toán chi ngân sách Nhà nước được giao và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật về ngân sách Nhà nước.

UBND tỉnh cũng yêu cầu tổ chức tổng kết, đánh giá, khen thưởng việc thực hiện các nhiệm vụ của Đề án “Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN giai đoạn 2019 - 2021”; gửi báo cáo kết quả thực hiện Đề án về Thanh tra tỉnh trước ngày 20/11/2021 để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh và Thanh tra Chính phủ theo quy định./.

**Đỗ Quyên**



## Sự lạm dụng quyền lực trung ương

# tại các quốc gia Mỹ Latinh hiện nay

 **TS. Nguyễn Anh Hùng**

*Viện Nghiên cứu Châu Mỹ*

kỳ 1930-1945 & 1951-1954) của Brazil, Juan Peron (1946-1955 & 1973-1974) của Argentina, Alfredo Stroessner (1954-1989) của Paraguay, Duvalier cha & con (1957-1971 & 1971-1986) của Haiti và Augusto Pinochet (1973-1990) của Chile. Ngày nay, hiện tượng này hầu như không còn (gần đây nhất chỉ xảy ra tại Honduras ngày 26/11/2017: Tổng thống Juan Orlando Hernandez dùng thủ thuật để được ra tranh cử nhiệm kỳ 2 (trước đó, Hiến pháp Honduras quy định mỗi người chỉ có thể giữ chức tổng thống tối đa 1 nhiệm kỳ), tiếp theo là can thiệp và gian lận trong bầu cử để chiến thắng ứng viên đối thủ với tỷ lệ phiếu chênh lệch chỉ khoảng 1,5%). Hiện tượng *không chịu từ chức tổng thống khi chưa hết nhiệm kỳ dù bị đa số người dân/cử tri phản đối, yêu cầu phải từ chức* được ghi nhận khá phổ biến ở Brazil, Bolivia, Colombia, Ecuador, Honduras, Mexico, Suriname, Peru và một số nước Mỹ Latinh khác. Dù vậy, cuối cùng một số tổng thống không trụ nổi, vẫn phải từ chức trước làn sóng mạnh mẽ của dư luận và nguy cơ bị kết tội, như Tổng thống Peru (2016-2018) Pedro Pablo Kuczynski từ chức ngày 21/3/2018 khi bị Quốc hội luận tội tham nhũng và mua phiếu bầu, Tổng thống Bolivia (2006-2019) Evo Morales từ chức ngày 10/11/2019 khi bị tố cáo gian lận bầu cử để đắc cử nhiệm kỳ tổng thống lần thứ tư.

*Thay đổi kết quả bầu cử và tác động vào trung cầu ý dân*

quyền lực. Với khu vực Mỹ Latinh hiện nay, do chưa có cơ chế giới hạn, ngăn chặn hiệu quả, tình trạng tham quyền cố vị tồn tại trong các cấp chính quyền ở nhiều quốc gia, tiêu biểu nhất là đối với chức vụ tổng thống - nguyên thủ quốc gia tại các nước cộng hòa, thể hiện qua các hình thức:

### *Không chịu từ chức*

Hiện tượng *không chịu từ chức tổng thống khi hết nhiệm kỳ* trước kia khá thông dụng ở các quốc gia Mỹ Latinh. Theo đó, tổng thống hết nhiệm kỳ nhưng không chịu từ nhiệm mà tuyên bố sẽ tiếp tục nắm giữ cương vị tổng thống nhiệm kỳ tiếp theo hoặc lâu dài, thậm chí suốt đời, đồng thời hủy bỏ bầu cử tổng thống hoặc đạo diễn, tổ chức để lập nên cương vị tổng thống mới cho chính mình bằng những cuộc bầu cử giả mạo hoặc gian lận bầu cử. Điển hình là Tổng thống Getulio Vargas (cầm quyền thời

**Q**u quyền lực chính trị ở một số quốc gia Mỹ Latinh ngày nay đang bị lạm dụng bằng nhiều hình thức, mà tiêu biểu là “tham quyền cố vị” và vượt quá quyền hạn trong chính quyền trung ương.

### **Sự “tham quyền cố vị”**

“Tham quyền cố vị” là hành vi cố giữ lấy quyền hành, địa vị, không chịu rời bỏ cho dù không còn năng lực, không đủ điều kiện hoặc không được phép. Đây là một hiện tượng phổ biến trên khắp thế giới, bởi nó gắn chặt với những lợi ích, uy thế đa dạng, sâu rộng của người có



Hiện tượng *thay đổi kết quả bầu cử tổng thống* để giành chiến thắng cho mình và đảng phái, liên minh cầm quyền cũng khá phổ biến ngày nay, từng thấy ở Bolivia, Colombia, Cộng hòa Dominicana, Ecuador, Honduras, Mexico, Nicaragua, Peru... Trước nguy cơ thất bại cao khi tham gia tái tranh cử, một số tổng thống của các nước này cùng những người ủng hộ đã sử dụng nhiều biện pháp bất chính, giả mạo, gian lận để làm thay đổi kết quả bầu cử trước lúc kiểm phiếu (nhồi phiếu, đánh tráo lá phiếu và hòm phiếu, sử dụng cử tri giả và cử tri mạo danh, loại bỏ và hủy bỏ phiếu bầu hợp lệ, thông kê sai và kiểm đếm không số phiếu) với mục đích cuối cùng là giành được số phiếu cao nhất (dù có thể chênh lệch với đối thủ rất ít) để chắc chắn tái đắc cử. Ngoài ra, *tác động vào trưng cầu ý dân* cũng là hình thức thông dụng khác, khi nhiều quốc gia Mỹ Latinh đang sử dụng trưng cầu ý dân như một biện pháp dân chủ, nhanh gọn để quyết định những vấn đề rộng lớn, quan trọng của đất nước. Tổng thống Rafael Correa của Ecuador (2007-2017), Michel Temer của Brazil (2016-2018), Nicolas Maduro của Venezuela (2013-hiện tại) từng nhiều lần tác động thành công vào trưng cầu ý dân để bảo vệ nhiệm kỳ của mình. Đặc biệt là trường hợp Tổng thống Evo Morales của Bolivia (2006-2019): Trong cuộc trưng cầu ý dân ngày 21/02/2016, có tới 51,34% cử tri không ủng hộ sửa đổi Hiến pháp, mà sửa đổi này sẽ khiến ông Morales có thể ra tranh cử nhiệm kỳ tiếp theo vào cuối năm 2019. Morales ban đầu thừa nhận thất bại, nhưng tháng 9/2017 lại đưa kiến nghị tới Tòa án Hiến pháp Đa nguyên (nơi phần lớn thẩm phán thuộc Đảng Tiến lên chủ nghĩa xã hội (MAS) của ông và do ông bổ nhiệm). Tháng 11/2017, Tòa này phán quyết không công nhận cuộc trưng cầu ý dân vì cho rằng nó vi hiến và trái với các công ước nhân quyền quốc tế mà Bolivia đã ký kết, do xâm

phạm quyền con người (cụ thể là hạn chế, loại bỏ quyền ứng cử của công dân dù người này hoàn toàn đủ tiêu chuẩn và xứng đáng).

### Sự vượt quá quyền hạn

“Vượt quá quyền hạn” là việc sử dụng khả năng, quyền lực, chức vụ của mình để thực hiện những hành vi không nằm trong quy định, giới hạn cho phép, gây tổn thất, thiệt hại tới lợi ích của Nhà nước, xã hội và người dân. Ở các quốc gia Mỹ Latinh hiện nay, vượt quá quyền hạn thấy ở nhiều cấp chính quyền, nhưng điển hình là những quan chức cấp cao và các cơ quan Nhà nước trung ương, trong hầu hết mọi lĩnh vực công quyền:

Thứ nhất, *trong lĩnh vực an ninh trật tự*, ở nhiều quốc gia Mỹ Latinh hiện nay, cảnh sát và quân đội đã mất hẳn tính trung lập, mà thường nghiêng hẳn về phía đảng phái, liên minh cầm quyền, trở thành công cụ đắc lực của chính quyền để giữ vững chế độ và thường vượt quá quyền hạn khi thực hiện trấn áp người dân. Thêm vào đó, hiện pháp mỗi nước thường trao quyền tổng tư lệnh/tổng chỉ huy các lực lượng vũ trang cho tổng thống, toàn quyền hoặc thủ tướng và chính cá nhân các quan chức cao cấp này cũng lạm quyền khi điều động, sử dụng lực lượng vũ trang để đàn áp người dân, với những vụ việc vi phạm nghiêm trọng quyền công dân, quyền con người. Chẳng hạn, báo cáo của Liên Hợp quốc ngày 04/7/2019 cho biết, từ khi lên làm Tổng thống (năm 2013), Nicolas Maduro đã sử dụng quân đội, cảnh sát đàn áp và giết hại hơn 9.000 người dân Venezuela<sup>1</sup>. Còn tại Thủ đô Managua của Nicaragua, trong “ngày của mẹ” 30/5/2018, để đàn áp cuộc tuần hành của hơn 300.000 người dân tôn vinh những người mẹ và những sinh viên thiệt mạng trước đó, Tổng thống Daniel Ortega đã ra lệnh cho những người bắn tỉa ngồi quanh sân vận động quốc gia

xả súng bừa bãi vào đoàn tuần hành, giết chết ít nhất 15 người<sup>2</sup>.

Thứ hai, *trong lĩnh vực bầu cử*, thực tế cho thấy, ở một số nước Mỹ Latinh, nhiều trường hợp nguyên thủ quốc gia (tổng thống, toàn quyền) hoặc người đứng đầu hành pháp (tổng thống, thủ tướng) lạm quyền, tự ý can thiệp vào nhiều mặt, nhiều khâu của quy trình bầu cử để giành thắng lợi cho mình và đảng cầm quyền. Nổi bật nhất phải kể đến Tổng thống tái tranh cử Juan Hernandez đã thao túng quá trình kiểm đếm phiếu để giành chiến thắng trong cuộc bầu cử ở Honduras ngày 26/11/2017 với tỷ lệ phiếu chênh lệch (với đối thủ) chỉ 1,5%; Tổng thống tái tranh cử Nicolas Maduro cho cấm nhiều ứng viên, đảng phái đối lập ra tranh cử và đẩy thời điểm bầu cử ở Venezuela lên sớm hơn khoảng 7 tháng để giành chiến thắng ngày 20/5/2018; còn Tổng thống tái tranh cử Evo Morales đã cho sử dụng các máy chủ bí mật và cả những chữ ký giả trên các lá phiếu, đồng thời đột ngột cho tạm ngưng công bố trong tiến trình kiểm phiếu, giành chiến thắng mong manh trong cuộc bầu cử ở Bolivia ngày 20/10/2019 (sau đó 3 tuần, ngày 10/11/2019, ông phải từ và chạy ra nước ngoài tỵ nạn).

Thứ ba, *trong lĩnh vực lập pháp*, quốc hội/ngợi viện nhiều quốc gia Mỹ Latinh hiện nay đã không đảm trách và thể hiện được vai trò quan trọng này do sự chi phối, chèn ép từ phía nguyên thủ quốc gia, đảng cầm quyền, cơ quan hành pháp và tư pháp trung ương. Điển hình là Quốc hội và ngành lập pháp Venezuela. Mặc dù không được Hiến pháp cho phép, ngày 29/3/2017, Tổng thống Nicolas Maduro đã giải thể Quốc hội lập pháp Venezuela (vốn được dân bầu lên một cách hợp pháp từ năm 2015, với đa số nghị sĩ thuộc đảng đối lập), chuyển quyền lập pháp và một số quyền quan trọng về cho Tòa án Công lý Tối cao (có thành viên



chủ yếu là những người ủng hộ Tổng thống); sau đó đạo diễn cuộc bầu cử bầu ra Quốc hội lập hiến vào ngày 30/7/2017, với đa số nghị sĩ thuộc đảng cầm quyền của Tổng thống và chỉ tồn tại, hoạt động một cách hình thức.

Thứ tư, *trong lĩnh vực hành pháp*, với tư cách là nhánh quyền lực rộng lớn, liên tục, đa dạng và sôi động nhất, hiện nay “vượt quá quyền hạn” cũng diễn ra phong phú trong hoạt động hành pháp của các quan chức cao cấp và hệ thống thiết chế hành pháp Mỹ Latinh như thực thi pháp luật, điều động nhân sự, bổ nhiệm cương vị, can thiệp quyền lực... Tiêu biểu phải kể tới là Tổng thống Brazil (2016-2018) Michel Temer giải thể Bộ Phụ nữ, Bình đẳng sắc tộc và nhân quyền, thiết lập Nội các toàn người da trắng và nam giới; Tổng thống Venezuela (đương kim) Nicolas Maduro cai trị toàn dửng quyết định, sắc lệnh hành pháp, can thiệp và chi phối lập pháp, tư pháp; Tổng thống Nicaragua (đương kim) Daniel Ortega chọn chính vợ mình (Rosario Murillo) làm Phó Tổng thống và bổ nhiệm người thân tín vào 9 trong số 16 cương vị thẩm phán cao cấp nhất; Tổng thống Chile (đương kim) Sebastian Pinera bổ nhiệm một Nội các kém hiệu quả, tiến hành cải cách chậm chạp và đạt đỉnh “30 năm lạm quyền”<sup>3</sup>...

Thứ năm, *trong lĩnh vực tư pháp*, dù được coi là nhánh quyền lực độc lập nhất, nhưng quyền tư pháp tại các quốc gia Mỹ Latinh đang biến đổi theo hướng phụ thuộc và kết hợp, mở rộng: (1) Chịu sự chi phối, thao túng của nguyên thủ quốc gia, của quyền lập pháp và quyền hành pháp do thiết chế tòa án cùng các thẩm phán được thành lập bởi nguyên thủ quốc gia, quốc hội/ngị viện và các quy định của ngành lập pháp, đồng thời bị ảnh hưởng mạnh bởi quan điểm, tư tưởng của đảng cầm quyền; (2) Trong những vụ việc, biến động lớn của

đất nước, tòa án trở thành nơi cuối cùng để quy tụ, xem xét, xử lý và phán quyết quyền lực. Ví dụ, khi Quốc hội lập pháp Venezuela bị Tổng thống giải thể thì quyền lập pháp của nó phải chuyển giao tạm thời cho Tòa án Công lý Tối cao từ cuối tháng 3/2017; còn Tòa án Hiến pháp Đa nguyên Bolivia thì tự mở rộng quyền lực phán quyết của mình đến mức cao nhất (phủ nhận ý chí chung của người dân) khi tháng 11/2017 đã quyết định hủy bỏ, không công nhận cuộc trưng cầu ý dân tổ chức hồi tháng 2/2016 về thay đổi quy định Hiến pháp nước này đối với số nhiệm kỳ mà mỗi cá nhân có thể giữ chức tổng thống...

Thứ sáu, *quyền trong lĩnh vực đặc biệt*, khi một phần hoặc toàn bộ quốc gia lâm vào, gặp phải tình trạng bất thường hoặc yếu tố ảnh hưởng đặc biệt, thì nguyên thủ quốc gia (tổng thống, toàn quyền) hoặc người đứng đầu hành pháp (tổng thống, thủ tướng) ở các nước Mỹ Latinh cũng được trao những quyền đặc biệt để sử dụng, đôi phò. Đó là quyền quyết định sung công, mua bán lãnh thổ, ra lệnh tổng động viên hoặc động viên cục bộ, ban bố tình trạng khẩn cấp, tình trạng chiến tranh, tình trạng thiết quân luật... Kèm theo đó là những hành động như: Đốt ngọt cho tịch thu tài sản, tài nguyên, sáp nhập hoặc chia tách lãnh thổ, cho thay đổi tiến trình hành pháp, cho bắt giữ hoặc tiêu diệt những nhân tố nguy hiểm đối với an ninh quốc gia... *Hầu hết các quyền đặc biệt này không có giới hạn cụ thể, nên người sử dụng có thể tự do, tùy tiện sử dụng và rất dễ lạm quyền.* Những năm gần đây, hiện tượng lạm quyền trong lĩnh vực đặc biệt được ghi nhận nhiều ở Venezuela với Tổng thống Nicolas Maduro (2013-hiện tại), Honduras với Tổng thống Juan Hernandez (2013-hiện tại), Nicaragua với Tổng thống Daniel Ortega (1985-1990 & 2007-hiện tại), Ecuador với Tổng thống Rafael Correa (2007-2017), Brazil với các

Tổng thống Michel Temer (2016-2018) và Jair Bolsonaro (2019-hiện tại)/.

**Chú thích:**

(1) Nick Cumming-Bruce, Venezuelan ‘death squads’ killed thousands and covered it up, UN says, 05/7/2019, <https://www.independent.co.uk/news/world/americas/venezuela-death-squads-special-action-forces-killed-thousands-un-a8989616.html>

(2) Frances Robles, Nicaragua Protests Grow Increasingly Violent, 100 Killed Since April, The New York Times, 31/5/2018, <https://www.nytimes.com/2018/05/31/world/americas/nicaragua-protests-killings.html>; và Amnesty International, Nicaragua: Violent attack on mass Mother’s Day march in Managua, 30/5/2018, <https://www.amnesty.org/en/latest/news/2018/05/nicaragua-violent-ataque-a-mulitudinaria-marcha-de-las-madres-en-managua/>

(3) Sophia Boddenberg, Chile protests: ‘It’s about 30 years of abuse of power’, 30/10/2019, <https://www.dw.com/en/chile-protests-its-about-30-years-of-abuse-of-power/a-51047476>

(4) Nguyễn Anh Hùng, Nhìn lại cuộc đảo chính pháp lý đối với Tổng thống Brazil năm 2016, Tc. Châu Mỹ ngày nay số 7 (232), Hà Nội, tháng 7/2017.

(5) Hồng Nhung, Những thách thức mới của cuộc chiến chống tham nhũng ở khu vực Mỹ Latinh, Tc. Mặt trận số 6+7 (178+179), Hà Nội, tháng 6&7/2018.

(6) Nguyễn An Ninh, Chủ nghĩa dân túy ở khu vực Mỹ Latinh, Tc. Lý luận Chính trị, số ra tháng 8/2018.

(7) Daniel C. Hellinger, Comparative Politics of Latin America: Democracy at Last?, Nhà xuất bản (Nxb.) Routledge, England, 8/2020.

(8) Harvey F. Kline, Christine J. Wade & Howard J. Wiarda, Latin American Politics and Development, Nxb. Avalong, USA, 7/2017.

(9) Gavin O’Toole, Politics Latin America, Nxb. Roudledge, England, 2017.

(10) Harry E. Vanden & Gary Prevost, Politics of Latin America: The Power Game, Nxb. Oxford University, England, 7/2017.

**Tài liệu tham khảo chính:**

(1) Đảng Đức & Đức Mạnh, Mùa Xuân Mỹ Latinh - nguyên nhân và những hệ lụy, Tạp chí (Tc.) Quốc phòng toàn dân, Hà Nội, số ra tháng 7/2020.

(2) Nguyễn Anh Hùng, Nhìn lại cuộc đảo chính pháp lý đối với Tổng thống Brazil năm 2016, Tc. Châu Mỹ ngày nay số 7 (232), Hà Nội, tháng 7/2017.

(3) Hồng Nhung, Những thách thức mới của cuộc chiến chống tham nhũng ở khu vực Mỹ Latinh, Tc. Mặt trận số 6+7 (178+179), Hà Nội, tháng 6&7/2018.

(4) Nguyễn An Ninh, Chủ nghĩa dân túy ở khu vực Mỹ Latinh, Tc. Lý luận Chính trị, số ra tháng 8/2018.

(5) Daniel C. Hellinger, Comparative Politics of Latin America: Democracy at Last?, Nhà xuất bản (Nxb.) Routledge, England, 8/2020.

(6) Harvey F. Kline, Christine J. Wade & Howard J. Wiarda, Latin American Politics and Development, Nxb. Avalong, USA, 7/2017.

(7) Gavin O’Toole, Politics Latin America, Nxb. Roudledge, England, 2017.

(8) Harry E. Vanden & Gary Prevost, Politics of Latin America: The Power Game, Nxb. Oxford University, England, 7/2017.